

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	1				
2	1221010009	Đinh Viết	Anh	13/03/93	2				
3	1221010011	Lê Đức	Anh	10/03/94	3				
4	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/95	4				
5	1321030420	Trần Tuấn	Anh	29/10/95	5				
6	1221070007	Vũ Đức	Anh	19/07/94	6				
7	1321010031	Hà Xuân	Bách	08/03/95	7				
8	1221010027	Nguyễn Văn	Bắc	05/08/94	8				
9	1321030437	Phạm Quang	Bình	28/02/95	9				
10	1311060019	Đinh Công	Chức	15/09/95	10				
11	1221040354	Vũ Chí	Công	04/01/94	11				
12	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/96	12				
13	1311050009	Bùi Lê	Dũng	20/12/95	13				
14	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/96	14				
15	1421030034	Lê Hồng	Dương	05/01/96	15				
16	1321060070	Trần Quang	Đạt	03/09/95	16				
17	1221010096	Bùi Văn	Điệp	19/10/94	17				
18	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/94	18				
19	1221040007L	Boldbaatar	Gal-Och	21/04/91	19				
20	1321010125	Đặng Thị Thu	Hà	06/12/95	20				
21	1221010116	Đỗ Quang	Hà	04/01/94	21				
22	1321060110	Đỗ Ngọc	Hiên	22/03/95	22				
23	1424010046	Lê Thị Thu	Hiên	18/10/96	23				
24	1321020094	Bùi Doãn	Hiển	23/10/95	24				
25	1421020352	Đỗ Văn	Hiếu	29/05/96	25				
26	1521030359	Hồ Trọng	Hiếu	10/08/96	26				
27	1221010148	Nguyễn Văn	Hợp	07/09/94	27				
28	1221020304	Nguyễn Văn	Hùng	05/10/94	28				
29	1321040119	Trần Mạnh	Hùng	10/01/94	29				
30	1321040121	Chu Hoàng	Huy	04/02/94	30				
31	1321010177	Nguyễn Quang	Huy	07/08/95	31				
32	1121050222	Phạm Quang	Huy	09/11/93	32				
33	1221060066	Nguyễn Mạnh	Hưng	01/12/94	33				
34	1321020579	Vũ Văn	Hưng	18/03/95	34				
35	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	35				
36	1221070076	Hà Văn	Khải	04/11/93	36				
37	1321010201	Đào Hoàng	Lan	04/06/95	37				
38	1221060077	Nguyễn Văn	Lâm	15/10/94	38				
39	1521040020	Nguyễn Thị	Liều	24/07/97	39				
40	1521060038	Dương Duy	Lợi	17/08/97	40				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221040160	Nguyễn Hoàng	Lưu	05/03/94	41				
42	1321030705	Trác Công	Lý	22/08/95	42				
43	1221040170	Phạm Ngọc	Minh	01/02/94	43				
44	1321010267	Nguyễn Duy	Phúc	05/09/95	44				
45	1421010271	Mai Kim	Quý	19/12/96	45				
46	1321070628	Nguyễn Văn	Quyết	08/05/95	46				
47	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/95	47				
48	1221040003L	Phonesoud	Sengban	06/02/93	48				
49	1321020181	Bùi Ngọc	Sơn	28/01/95	49				
50	1221020134	Nguyễn Văn	Tài	08/09/93	50				
51	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/95	51				
52	1321070652	Lê Thị Thu	Thảo	26/01/95	52				
53	1321010324	Phan Văn	Thảo	16/08/95	53				
54	1321050712	Triệu Văn	Thảo	12/03/95	54				
55	1521030448	Vũ Phương	Thảo	02/01/97	55				
56	1321010332	Ngô Tiến	Thắng	06/07/95	56				
57	1321060621	Hồ Trọng	Thịnh	20/10/95	57				
58	1521019008	Nông Văn	Thuyết	28/11/95	58				
59	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/95	59				
60	1221040272	Nguyễn Việt	Toàn	05/09/94	60				
61	1321050754	Vũ Thị	Trang	09/07/95	61				
62	1321010384	Phan Huy	Trường	25/07/95	62				
63	1521020112	Trần Nhật	Trường	03/08/97	63				
64	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/95	64				
65	1521030129	Nguyễn Đức	Tú	21/10/96	65				
66	1321040315	Trần Ngọc	Tú	19/01/95	66				
67	1321010390	Nguyễn Việt	Tuân	12/08/95	67				
68	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/96	68				
69	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/95	69				
70	1221010409	Nguyễn Đức	Tuyển	24/09/94	70				
71	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/96	71				
72	1221040325	Lê Hải	Yến	20/09/94	72				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050001	Bùi Đức	Anh	14/02/95	73				
2	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	74				
3	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/96	75				
4	1521030152	Lê Thị Huệ	Anh	04/03/97	76				
5	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/97	77				
6	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/97	78				
7	1221040010	Phạm Tuấn	Anh	30/11/94	79				
8	1521060318	Trần Thế	Anh	12/03/97	80				
9	1321030015	Vũ Thị Ngọc	ánh	10/12/94	81				
10	1221020009	Ninh Chí	Bảo	15/02/93	82				
11	1221070202	Nguyễn Ngọc	Cảnh	30/07/93	83				
12	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/97	84				
13	1411050008	Nguyễn Văn	Chính	12/02/96	85				
14	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/95	86				
15	1521010141	Nguyễn Thế	Công	06/10/96	87				
16	1221070204	Nguyễn Hữu	Cường	05/06/94	88				
17	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/97	89				
18	1411050012	Trương Mạnh	Cường	04/06/96	90				
19	1421020257	Phạm Đường	Dân	06/03/96	91				
20	1321080013	Phạm Thị	Diễm	04/10/95	92				
21	1221020263	Nguyễn Văn	Diệu	14/02/94	93				
22	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/95	94				
23	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/97	95				
24	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/97	96				
25	1321050045	Nguyễn Xuân	Duy	06/04/95	97				
26	1521020052	Dương Công	Đảng	29/04/97	98				
27	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/97	99				
28	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/97	100				
29	1521050015	Đỗ Đăng	Đạt	06/12/97	101				
30	1321010099	Nguyễn Sỹ	Đạt	13/03/90	102				
31	1321010103	Tạ Văn	Điệp	21/11/95	103				
32	1321060077	Nguyễn Đức	Đông	24/04/95	104				
33	1321030048	Nguyễn Quang	Đông	26/10/94	105				
34	1521050150	Trần Văn	Đồng	30/08/97	106				
35	1221060034	Lưu Hoàng	Đức	01/08/94	107				
36	1521010334	Trần Minh	Đức	22/09/97	108				
37	1521050261	Trương Anh	Đức	24/11/96	109				
38	1121010100	Hoàng Trường	Giang	23/06/93	110				
39	1411050026	Lê Hữu	Giang	10/10/94	111				
40	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/97	112				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1511080004	Nguyễn Trinh Bá	Hải	04/10/96	113				
42	1321080029	Lê Thị Thu	Hiền	21/03/95	114				
43	1521050197	Đinh Đức	Hiện	08/07/97	115				
44	1221060286	Đường Huy	Hiếu	15/07/94	116				
45	1221060289	Bùi Đức	Hiếu	19/04/93	117				
46	1521030048	Nguyễn Minh	Hiếu	21/06/97	118				
47	1521050275	Phạm Mạnh	Hiếu	25/10/97	119				
48	1521050115	Trần Trung	Hiếu	15/02/97	120				
49	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/97	121				
50	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/97	122				
51	1121050212	Đặng Văn	Hoành	07/08/91	123				
52	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/97	124				
53	1411050090	Nguyễn Quang	Huy	30/09/96	125				
54	1321020118	Phạm Văn	Huy	04/03/95	126				
55	1321010182	Hà Văn	Huỳnh	27/07/94	127				
56	1521020219	Đinh Quang	Hưng	03/02/97	128				
57	1224010128	Hà Đình	Hưng	08/07/94	129				
58	1521060082	Nguyễn Thành	Khá	19/05/97	130				
59	1321020126	Hồ Đăng	Khang	10/10/95	131				
60	1321030653	Nguyễn Văn	Khéo	03/03/93	132				
61	1221020081	Trần Huy	Khiêm	12/06/94	133				
62	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/96	134				
63	1411060098	Nông Trung	Kiên	06/08/96	135				
64	1321080465	Nguyễn Thị	Lan	01/09/95	136				
65	1521050111	Nguyễn Việt	Linh	13/12/97	137				
66	1321010436	Trương Văn	Linh	23/11/94	138				
67	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/97	139				
68	1221070241	Nguyễn Đình	Lực	13/12/94	140				
69	1321030146	Nguyễn Văn	Mạnh	10/04/95	141				
70	1221060090	Phạm Huy	Mạnh	20/03/94	142				
71	1411060112	Đoàn Văn	Minh	28/02/96	143				
72	1521050084	Phùng Quang	Minh	17/12/97	144				
73	1221030501	Đỗ Ngọc	Nam	25/10/93	145				
74	1321060194	Mạc Văn	Nam	30/10/93	146				
75	1321030154	Nguyễn Đức	Nam	11/12/94	147				
76	1421020485	Trần Văn	Nam	04/01/96	148				
77	1521030096	Đặng Thị Hồng	Ngát	16/11/97	149				
78	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/97	150				
79	1521040076	Nguyễn Anh	Nghĩa	08/07/97	151				
80	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/97	152				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321030168	Đào Thiện	Nguyên	17/07/95	153				
82	1321060206	Nguyễn Đăng	Nguyên	10/02/95	154				
83	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/97	155				
84	1521060273	Lê Minh	Phuong	27/09/97	156				
85	1521060064	Mạc Duy	Phuong	06/10/97	157				
86	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/94	158				
87	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/97	159				
88	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/96	160				
89	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/97	161				
90	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/96	162				
91	1321080080	Vũ Anh	Quân	09/08/95	163				
92	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/94	164				
93	1411060144	Nguyễn Văn	Sơn	17/07/96	165				
94	1321010315	Phạm Văn	Thành	03/04/95	166				
95	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/95	167				
96	1421020154	Phạm Cao	Thắng	19/02/95	168				
97	1221030434	Ngô Thị Kim	Thoa	25/05/94	169				
98	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/97	170				
99	1321050747	Phạm Văn	Tiến	29/12/92	171				
100	1121040274	Lê Xuân	Tới	11/10/93	172				
101	1321010372	Trịnh Sơn	Trang	10/11/95	173				
102	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/96	174				
103	1221060152	Bùi Quang	Trung	10/03/94	175				
104	1531060401	Lương Văn	Trung	02/04/	176				
105	1521040089	Đỗ Quốc	Trường	13/12/97	177				
106	1511080001	Nguyễn Tuấn	Tú	04/06/97	178				
107	1221060167	Bùi Quang	Tuấn	20/06/93	179				
108	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/97	180				
109	1221010388	Lê Anh	Tuấn	24/10/94	181				
110	1521050209	Phạm Văn	Tuấn	14/01/97	182				
111	1521080004	Cao Sơn	Tùng	11/04/97	183				
112	1221060175	Lê Văn	Tùng	02/01/94	184				
113	1521080281	Lưu Thanh	Tùng	16/05/97	185				
114	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/97	186				
115	1521050118	Vũ Tiến	Vinh	14/07/97	187				
116	1531060014	Lê Như	Vũ	21/06/	188				
117	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/97	189				
118	1521060347	Vũ Huy	Vũ	22/02/97	190				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/92	191				
2	1221010018	Phạm Tuấn	Anh	22/08/94	192				
3	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/97	193				
4	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/96	194				
5	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/94	195				
6	1521050018	Ngô Thế	Cường	16/03/97	196				
7	1221050019	Nguyễn Hùng	Cường	23/05/94	197				
8	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/93	198				
9	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/97	199				
10	1221060249	Trần Minh	Dũng	28/10/94	200				
11	1321040057	Mai Anh	Đại	01/06/94	201				
12	1321050480	Nguyễn Quốc	Đạt	18/12/95	202				
13	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/95	203				
14	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/96	204				
15	1521050205	Lê Đình	Đồng	05/06/97	205				
16	1221010108	Trần Minh	Đức	17/03/94	206				
17	1121070138	Nguyễn Bình	Giang	13/06/93	207				
18	1221010113	Phạm Sơn	Giang	10/11/94	208				
19	1321060095	Ngô Huy	Hà	06/11/95	209				
20	1321070061	Biện Xuân	Hải	21/06/95	210				
21	1221060260	Dương Quang	Hải	28/06/94	211				
22	1221040082	Nguyễn Thị	Hạnh	10/08/93	212				
23	1521030050	Bùi Thị	Hiên	21/03/96	213				
24	1521040040	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/08/97	214				
25	1321060482	Trương Văn	Hiệp	07/03/95	215				
26	1221010135	Phạm Trung	Hiếu	19/09/94	216				
27	1221010180	Trần Văn	Khôi	21/05/94	217				
28	1321070107	Hà Văn	Lam	04/05/95	218				
29	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/94	219				
30	1221070236	Nguyễn Tùng	Lâm	13/08/94	220				
31	1321050615	Nguyễn Đức	Linh	10/01/95	221				
32	1421080264	Nguyễn Nhật	Linh	10/04/96	222				
33	1221050275	Đinh Văn	Lợi	03/05/94	223				
34	1221010246	Hồ Viết	Ngọc	09/03/94	224				
35	1221040178	Phạm Thị Hồng	Ngọc	04/06/94	225				
36	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/96	226				
37	1321080070	Ngô Thị Hồng	Nhung	03/11/95	227				
38	1421040470	Nguyễn Quang	Phong	19/08/96	228				
39	1421030497	Nguyễn Thị Mai	Phương	23/10/96	229				
40	1321040215	Bùi Nhật	Quang	19/08/95	230				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221050089	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	09/04/94	231				
42	1421080343	Lâm Phước	Sơn	14/05/96	232				
43	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/95	233				
44	1321030824	Nguyễn Đức	Tâm	29/05/95	234				
45	1521050067	Bùi Văn	Thanh	04/06/97	235				
46	1321040252	Phạm Phương	Thanh	08/06/94	236				
47	1321010311	Cao Ngọc	Thành	12/02/95	237				
48	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/96	238				
49	1321070650	Phạm Duy	Thành	20/11/95	239				
50	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/94	240				
51	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/95	241				
52	1221010335	Trần Huy	Thuận	16/11/94	242				
53	1321060626	Phạm Như	Thùy	15/10/95	243				
54	1221040447	Nguyễn Hồng	Thương	01/09/94	244				
55	1221020154	Nguyễn Ngọc	Tiến	14/08/94	245				
56	1321040306	Hoàng Việt	Trung	21/11/95	246				
57	1321060318	Nguyễn Thế	Trung	07/10/95	247				
58	1321010382	Lê Văn	Trường	22/10/95	248				
59	1321030248	Nguyễn Ngọc	Tú	26/02/94	249				
60	1221060481	Dương Anh	Tuấn	12/05/93	250				
61	1421020654	Đới Sĩ	Tuấn	06/08/96	251				
62	1521020004	Phí Văn	Tuấn	11/11/97	252				
63	1221030450	Phạm Duy	Tùng	04/09/94	253				
64	1211020237	Trần Quang	Vũ	20/08/94	254				
65	1321040616	Vũ Thùy	Xuân	04/02/94	255				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050045	Nguyễn Văn	An	06/09/97	256				
2	1511080003	Dương Thái Bình	Anh	21/12/96	257				
3	1321050002	Đoàn Thị Vân	Anh	11/11/95	258				
4	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/97	259				
5	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/97	260				
6	1521050258	Nguyễn Tuấn	Anh	10/06/97	261				
7	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/97	262				
8	1211060012	Đồng Việt	ánh	15/02/94	263				
9	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/94	264				
10	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/96	265				
11	1421060027	Thân Văn	Cây	25/08/96	266				
12	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/97	267				
13	1511030002	Nghiêm Đỗ	Chung	26/01/97	268				
14	1421030018	Tổng Văn	Chung	10/11/96	269				
15	1311060019	Đình Công	Chức	15/09/95	270				
16	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	271				
17	1311060032	Nguyễn Hữu	Dũng	03/07/95	272				
18	1521040049	Trương Lê	Duy	03/11/97	273				
19	1411060030	Trần Đình	Dư	05/03/96	274				
20	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/97	275				
21	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/97	276				
22	1321070054	Lưu Phần	Đức	06/05/94	277				
23	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/94	278				
24	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	01/04/96	279				
25	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/97	280				
26	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/97	281				
27	1321040480	Trần Văn	Hà	28/05/95	282				
28	1221070048	Cảnh Chi	Hải	14/02/94	283				
29	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/97	284				
30	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/96	285				
31	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/97	286				
32	1521030024	Trần Công	Hậu	10/04/97	287				
33	1411060051	Bùi Thế	Hiền	15/11/96	288				
34	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/97	289				
35	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/97	290				
36	1421070145	Lý Thuật Trung	Hiếu	22/08/96	291				
37	1321030079	Phạm Văn	Hiếu	11/11/95	292				
38	1521080015	Trần Đức	Hiếu	15/06/97	293				
39	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/96	294				
40	1521050098	Nguyễn Trần Đan	Hoàn	21/12/97	295				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/95	296				
42	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/97	297				
43	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/96	298				
44	1311060084	Nguyễn Đức	Hoàng	05/05/94	299				
45	1521060173	Nguyễn Tiến	Hoàng	01/02/97	300				
46	1411060066	Nguyễn Vũ	Hoàng	14/07/96	301				
47	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/96	302				
48	1311060092	Đoàn Văn	Hùng	19/12/95	303				
49	1321030607	Đồng Văn	Hùng	29/10/95	304				
50	1121060058	Nguyễn Quốc	Hùng	22/10/93	305				
51	1421070312	Phan Văn	Hùng	17/09/96	306				
52	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/97	307				
53	1511030008	Tạ Tuấn	Hưng	11/12/97	308				
54	1311040057	Trần Văn	Hưng	28/09/94	309				
55	1221050190	Bùi Thị	Hương	05/08/94	310				
56	0921010295	Đỗ Huy	Khuê	03/12/90	311				
57	1521060030	Nguyễn Huy	Khương	03/06/97	312				
58	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/97	313				
59	1511020003	Ngô Tùng	Lâm	01/02/97	314				
60	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/97	315				
61	1421060154	Phạm Tùng	Lâm	13/02/96	316				
62	1221010200	Tô Thế	Lịch	09/01/94	317				
63	1321050115	Nguyễn Thành	Liên	26/08/95	318				
64	1221050281	Phùng Thị Khánh	Linh	19/06/93	319				
65	1221050283	Trương Công	Linh	24/04/93	320				
66	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/96	321				
67	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/07/96	322				
68	1221040153	Nguyễn Trọng	Luân	15/11/94	323				
69	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/95	324				
70	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/96	325				
71	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/95	326				
72	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/97	327				
73	1321070133	Văn Hoàng	Nam	07/12/95	328				
74	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/94	329				
75	1421030475	Nguyễn Hữu	Ngọc	09/09/96	330				
76	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/97	331				
77	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/95	332				
78	1321070613	Phạm Thị	Nhung	20/08/95	333				
79	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/97	334				
80	1521030007	Bùi Minh	Phương	05/01/97	335				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421030154	Bùi Duy	Quang	16/01/96	336				
82	1521050207	Đặng Anh	Quân	06/07/97	337				
83	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/97	338				
84	1521020093	Vũ Hồng	Quân	06/11/97	339				
85	1421020131	Phạm Như	Quyền	20/05/96	340				
86	1421080100	Nghiêm Minh	Sang	28/11/96	341				
87	1511020004	Nguyễn Bắc	Sang	10/03/96	342				
88	1521030127	Hoàng Thị	Sen	18/10/97	343				
89	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/93	344				
90	1421060237	Nguyễn Tiến	Tài	24/08/95	345				
91	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/97	346				
92	1521030066	Nguyễn Kim	Tân	09/07/95	347				
93	1421070109	Đào Nguyên	Tấn	10/01/96	348				
94	1521070128	Vũ Hoàng	Thái	09/03/97	349				
95	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/95	350				
96	1411040051	Phạm Văn	Thanh	10/03/96	351				
97	1521060242	Đậu Xuân	Thành	07/03/96	352				
98	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/97	353				
99	1311060169	Nguyễn Văn	Thành	10/11/95	354				
100	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/97	355				
101	1121050093	Đặng Văn	Thao	29/05/93	356				
102	1521080242	Trần Quyết	Thắng	09/11/97	357				
103	1321060293	Lê Đình	Thiện	08/10/95	358				
104	1321040277	Đình Công	Thịnh	24/10/95	359				
105	1321030866	Lê Ngọc	Thỏa	01/10/93	360				
106	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/96	361				
107	1221040266	Hoàng Xuân	Tín	10/10/94	362				
108	1311060196	Nguyễn Gia	Toán	25/04/95	363				
109	1321070195	Nguyễn Hà	Toán	16/02/95	364				
110	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/97	365				
111	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/95	366				
112	1121060303	Khuong Văn	Trọng	14/04/93	367				
113	1521020019	Triệu Văn	Trọng	14/10/97	368				
114	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/97	369				
115	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	04/02/97	370				
116	1121020207	Phạm Phú	Trường	25/11/93	371				
117	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/96	372				
118	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/97	373				
119	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/96	374				
120	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/93	375				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1321010409	Phạm Văn	Tùng	31/07/93	376				
122	1521080284	Bùi Hữu	Tuyên	20/10/97	377				
123	1121070130	Nguyễn Việt	Vinh	06/09/93	378				
124	1521060347	Vũ Huy	Vũ	22/02/97	379				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221050144	Bùi Đức Tuấn	Anh	29/09/94	380				
2	1511060005	Bùi Quang	Anh	28/02/97	381				
3	1521070144	Đào Hoàng	Anh	25/11/97	382				
4	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	383				
5	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/96	384				
6	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/97	385				
7	1521030055	Nguyễn Tuấn	Anh	09/05/95	386				
8	1221020009	Ninh Chí	Bảo	15/02/93	387				
9	1021020014	Nguyễn Thiện Hải	Bắc	11/09/92	388				
10	1521050313	Bùi Sĩ	Biên	18/03/97	389				
11	1321070423	Lê Văn	Chiến	03/10/93	390				
12	1521020144	Nguyễn Văn	Chiến	28/01/96	391				
13	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/97	392				
14	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/97	393				
15	1321040034	Hoàng Mạnh	Cường	04/12/95	394				
16	1411060022	Liêu Văn	Danh	04/07/94	395				
17	1521060027	Đoàn Tiến	Dũng	22/09/97	396				
18	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/95	397				
19	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/97	398				
20	1221030028	Nguyễn Phương	Duy	07/02/94	399				
21	1521020113	Nguyễn Quang	Duy	12/10/97	400				
22	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/97	401				
23	1321040061	Nguyễn Duy	Đạt	05/01/95	402				
24	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/96	403				
25	1321040065	Trần Tiến	Đạt	14/03/95	404				
26	1421070035	Đinh Công	Đức	19/04/94	405				
27	1521050261	Trương Anh	Đức	24/11/96	406				
28	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/96	407				
29	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/97	408				
30	1321030542	Nguyễn Thanh	Hải	26/11/95	409				
31	1221030053	Nguyễn Văn	Hậu	25/02/94	410				
32	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/97	411				
33	1521050197	Đinh Đức	Hiện	08/07/97	412				
34	1121030068	Lê Bá	Hiếu	17/06/90	413				
35	1221060289	Bùi Đức	Hiếu	19/04/93	414				
36	1521080147	Hoàng Văn	Hiếu	19/02/97	415				
37	1421050401	Lý Thị Minh	Hiếu	09/07/96	416				
38	1521050275	Phạm Mạnh	Hiếu	25/10/97	417				
39	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/97	418				
40	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/97	419				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1211070045	Trần Công	Hoan	19/04/93	420				
42	1521050379	Đỗ Ngọc	Hoàn	06/11/97	421				
43	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/96	422				
44	1521040014	Nguyễn Minh	Hoàng	26/10/97	423				
45	1521060037	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	29/04/97	424				
46	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/96	425				
47	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/97	426				
48	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/97	427				
49	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/96	428				
50	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/97	429				
51	1421060127	Lưu Quang	Hùng	07/06/96	430				
52	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/95	431				
53	1321070093	Nguyễn Cao	Hưng	29/11/95	432				
54	1064040020	Phan Việt	Hưng	/ /	433				
55	1521050031	Trần Lê	Kiên	20/11/97	434				
56	1221020346	Nguyễn Tùng	Lâm	05/11/94	435				
57	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/97	436				
58	1521050111	Nguyễn Việt	Linh	13/12/97	437				
59	1421080270	Trần Tú	Linh	03/06/96	438				
60	1221080042	Phạm Thị	Loan	20/01/94	439				
61	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/97	440				
62	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/97	441				
63	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/97	442				
64	1411060111	Phùng Văn	Mạnh	02/11/96	443				
65	1421080286	Đào Văn	Minh	30/04/96	444				
66	1311060127	Nguyễn Văn	Minh	01/11/94	445				
67	1311040074	Phạm Hữu	Minh	05/07/95	446				
68	1221030501	Đỗ Ngọc	Nam	25/10/93	447				
69	1321060194	Mạc Văn	Nam	30/10/93	448				
70	1521050241	Phạm Hoài	Nam	19/11/97	449				
71	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/97	450				
72	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/97	451				
73	1521040076	Nguyễn Anh	Nghĩa	08/07/97	452				
74	1321040192	Bàng Thị Bích	Ngọc	04/12/95	453				
75	1421050530	Phạm Thị	Ngọc	27/01/96	454				
76	1421050153	Nguyễn Tấn	Phong	02/07/96	455				
77	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/97	456				
78	1421040483	Hoàng Thị Minh	Phượng	09/11/96	457				
79	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/96	458				
80	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/97	459				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221060393	Nguyễn Ngọc	Sơn	09/03/94	460				
82	1521080029	Nguyễn Trần	Sơn	12/02/97	461				
83	1221010302	Phan Ngọc	Sơn	15/05/94	462				
84	1321010305	Nguyễn Huy	Thạch	26/08/95	463				
85	1321060262	Phạm Quang	Thái	06/08/95	464				
86	1321030209	Nguyễn Doãn	Thành	08/12/94	465				
87	1321030212	Trịnh Quang	Thành	07/11/92	466				
88	1221010321	Dương Ngọc	Thảo	12/10/94	467				
89	1121020186	Nguyễn Mạnh	Thắng	30/11/93	468				
90	1321020724	Dương Văn	Thê	01/10/95	469				
91	1321050728	Nguyễn Thị	Thơm	13/09/95	470				
92	1521020044	Chu Khắc	Tiếp	01/06/97	471				
93	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/97	472				
94	1321040302	Vũ Nhật	Trang	01/09/95	473				
95	1321050754	Vũ Thị	Trang	09/07/95	474				
96	1321030906	Hồ Ngọc	Tráng	03/10/95	475				
97	1521060455	Đặng Minh	Trí	21/11/97	476				
98	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/96	477				
99	1221060152	Bùi Quang	Trung	10/03/94	478				
100	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/97	479				
101	1521020058	Đỗ Thiện	Trung	26/10/95	480				
102	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/97	481				
103	1321020770	Nguyễn Thành	Trung	13/03/94	482				
104	1521070107	Nguyễn Việt	Trung	11/01/97	483				
105	1421040309	Lê Đức	Trường	28/12/96	484				
106	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/97	485				
107	1421020669	Lê Thanh	Tùng	08/03/93	486				
108	1521080281	Lưu Thanh	Tùng	16/05/97	487				
109	1221060176	Ngô Văn	Tùng	27/07/93	488				
110	1521050118	Vũ Tiến	Vinh	14/07/97	489				
111	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/97	490				
112	1421040349	Phạm Khắc	Vững	07/05/96	491				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060274	Trần Nhân	ái	25/04/97	492				
2	1421060002	Bùi Hoàng	Anh	13/12/96	493				
3	1321050406	Đình Tuấn	Anh	21/05/95	494				
4	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/96	495				
5	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/95	496				
6	1421011015	Phạm Việt	Anh	01/08/96	497				
7	1321040411	Phan Đức	Anh	10/05/95	498				
8	1421050016	Thái Quốc	Bảo	16/12/96	499				
9	1321060024	Nguyễn Thái	Bình	04/08/95	500				
10	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/95	501				
11	1521050134	Ngô Quang	Chính	14/06/97	502				
12	1221060015	Đoàn Kim	Chung	14/12/94	503				
13	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/96	504				
14	1221030020	Phạm Văn	Cường	08/03/94	505				
15	1421030034	Lê Hồng	Dương	05/01/96	506				
16	1421060061	Ngô Minh	Dương	08/11/96	507				
17	1521060025	Đoàn Cát	Đăng	18/09/95	508				
18	1311030163	Nguyễn Trọng	Đức	06/04/95	509				
19	1321050499	Lê Thái	Hà	25/12/91	510				
20	1321050504	Trịnh Thị	Hà	15/08/95	511				
21	1321040087	Huỳnh Ngọc	Hải	20/08/95	512				
22	1221020293	Trần Huy	Hải	12/04/94	513				
23	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/96	514				
24	1321040092	Phạm Thị	Hiền	12/03/95	515				
25	1421020352	Đỗ Văn	Hiếu	29/05/96	516				
26	1321060121	Nguyễn Thị Phương	Hoa	04/03/95	517				
27	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/93	518				
28	1221030071	Ong Khắc	Hoàng	11/10/94	519				
29	1421020373	Trương Văn	Hoàng	02/06/95	520				
30	1221011028	Vũ Lê Nhật	Hùng	31/12/92	521				
31	1321010177	Nguyễn Quang	Huy	07/08/95	522				
32	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/96	523				
33	1121060078	Quản Việt	Hữu	01/12/93	524				
34	1221070076	Hà Văn	Khải	04/11/93	525				
35	1221040405	Nguyễn Văn	Khương	06/06/94	526				
36	1221050060	Nguyễn Tiến	Kiên	02/01/94	527				
37	1221070087	Tổng Khánh	Lâm	09/04/94	528				
38	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/93	529				
39	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/96	530				
40	1221020371	Nguyễn Vũ	Long	23/08/94	531				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050127	Nguyễn Duy	Mạnh	11/12/95	532				
42	1221010248	Nguyễn Bùi Minh	Ngọc	13/09/94	533				
43	1221060095	Trần Anh	Ngọc	27/10/94	534				
44	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/95	535				
45	1321040215	Bùi Nhật	Quang	19/08/95	536				
46	1221020133	Nguyễn Tiến	Tài	09/01/94	537				
47	1121060138	Nguyễn Tất	Thành	16/08/93	538				
48	1321010314	Nguyễn Trọng	Thành	12/05/95	539				
49	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/96	540				
50	1421050187	Nguyễn Quốc	Thắng	11/03/96	541				
51	1521050155	Nguyễn Đức	Thịnh	07/09/97	542				
52	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/95	543				
53	1321050727	Nguyễn Thị	Thơm	10/08/95	544				
54	1321050204	Nguyễn Mạnh	Tiến	18/08/89	545				
55	1221020154	Nguyễn Ngọc	Tiến	14/08/94	546				
56	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/96	547				
57	1221020516	Lê Duy	Trọng	09/03/94	548				
58	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/94	549				
59	1421030214	Ninh Văn	Trưởng	09/04/96	550				
60	1221040288	Đặng Văn	Tuân	14/08/93	551				
61	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/05/94	552				
62	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/96	553				
63	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/95	554				
64	1321040331	Đoàn Quang	Vinh	05/04/95	555				
65	1221080168	Võ Văn	Vinh	14/09/94	556				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010003	Trần Văn	An	02/09/96	557				
2	1411050002	Nguyễn Tuấn	Anh	18/11/96	558				
3	1421020010	Nguyễn Việt Tuấn	Anh	12/10/93	559				
4	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/95	560				
5	1021020014	Nguyễn Thiện Hải	Bắc	11/09/92	561				
6	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/96	562				
7	1221020013	Lê Duy Sỹ	Cảnh	14/11/94	563				
8	1421070014	Nguyễn Đức	Chinh	05/02/96	564				
9	1321060423	Cao Đức	Chính	13/09/95	565				
10	1121010039	Nguyễn Khắc	Chương	15/03/93	566				
11	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/96	567				
12	1421080018	Lê Tuấn	Duy	09/08/96	568				
13	1321020059	Trần Thị Thùy	Dương	31/10/94	569				
14	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/96	570				
15	1021010100	Nguyễn Văn	Đoàn	11/06/91	571				
16	1221040338	Nguyễn Văn	Đoàn	19/08/94	572				
17	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/96	573				
18	1221050043	Phạm Thị Thu	Hằng	03/01/94	574				
19	1421030345	Nguyễn Thanh	Hậu	28/03/95	575				
20	1421060097	Phạm Đắc	Hiên	14/03/96	576				
21	1321010153	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/95	577				
22	1121030071	Phạm Văn	Hiệu	02/09/93	578				
23	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/95	579				
24	1421070055	Nguyễn Quang	Huy	30/11/96	580				
25	1221020079	Trần Mạnh	Hữu	27/03/93	581				
26	1321010216	Đỗ Thành	Long	03/04/95	582				
27	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/96	583				
28	1421060193	Nguyễn Văn	Nghĩa	22/05/93	584				
29	1221040185	Mông Anh	Nguyên	29/09/94	585				
30	1411050055	Trần Anh	Phương	12/09/96	586				
31	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/95	587				
32	1421060552	Ngô Văn	Sơn	01/05/96	588				
33	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/96	589				
34	1221020464	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/06/94	590				
35	1221040239	Dương Đức	Thắng	13/05/94	591				
36	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/97	592				
37	1421060593	Mê Quang	Thương	30/10/94	593				
38	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/95	594				
39	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/95	595				
40	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/96	596				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1411020041	Bùi Quang	Trung	15/06/95	597				
42	1321030917	Trần Trọng	Trung	16/08/95	598				
43	1221060164	Trương Thanh	Tú	11/09/94	599				
44	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/96	600				
45	1421070544	Hoàng Quốc	Việt	07/06/95	601				
46	1321030989	Đặng Thế	Vương	01/10/95	602				
47	1521030136	Kiều Thị	Yên	23/07/97	603				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080086	Vũ Đoàn Thanh	An	07/10/97	604				
2	1511080003	Dương Thái Bình	Anh	21/12/96	605				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/97	606				
4	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/94	607				
5	1121011008	Đỗ Đình	Chung	29/09/92	608				
6	1221070204	Nguyễn Hữu	Cường	05/06/94	609				
7	1521010379	Nguyễn Hồng	Dũng	27/09/96	610				
8	1421060052	Trần Khắc	Dũng	17/08/95	611				
9	1411070006	Đường Gia	Duy	24/06/95	612				
10	1411060051	Bùi Thế	Hiên	15/11/96	613				
11	1311030039	Phạm Trọng	Hiệp	17/05/94	614				
12	1221040093	Vũ Đình Minh	Hiếu	03/09/94	615				
13	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/94	616				
14	1121020083	Nguyễn Quốc	Huân	23/04/93	617				
15	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/97	618				
16	1221070081	Phạm Khắc	Khuông	15/10/94	619				
17	1221010189	Trần Mạnh Hoàng	Kim	20/02/94	620				
18	1421030421	Phạm Tùng	Lâm	09/10/95	621				
19	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/95	622				
20	1221020366	Đoàn Ngọc	Long	14/05/94	623				
21	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/95	624				
22	1321050126	Lưu Thị	Mai	24/06/95	625				
23	1321030146	Nguyễn Văn	Mạnh	10/04/95	626				
24	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/93	627				
25	1221020389	Nguyễn Tuấn	Minh	18/12/94	628				
26	1421040203	Trần Việt	Nhất	26/02/96	629				
27	1321020172	Lê Sỹ	Quân	25/09/95	630				
28	1221070131	Lê Văn	Sơn	25/05/94	631				
29	1521060242	Đậu Xuân	Thành	07/03/96	632				
30	1321010315	Phạm Văn	Thành	03/04/95	633				
31	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/95	634				
32	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/96	635				
33	1311070049	Phạm Ngọc	Thịnh	30/08/95	636				
34	1521030119	Hoàng	Trung	16/09/97	637				
35	1321040313	Bùi Quốc	Tú	22/06/95	638				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010104 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD202 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040354	Lê Minh	An	19/07/96	639				
2	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/96	640				
3	1321070013	Chu Văn	Bình	23/02/95	641				
4	1324010031	Nguyễn Ngọc	Chinh	07/04/95	642				
5	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/95	643				
6	1221060206	Lữ Anh	Đức	22/12/94	644				
7	1324010452	Nguyễn Minh	Đức	21/01/95	645				
8	1324010119	Vũ Thị	Huệ	24/10/95	646				
9	1324010537	Nguyễn Thị	Hương	18/01/95	647				
10	1521010118	Phạm Văn	Kiên	22/09/97	648				
11	1324010165	Phạm Vi	Linh	01/11/95	649				
12	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/96	650				
13	1524010471	Phạm Tuyết	Minh	21/09/97	651				
14	1221070108	Đỗ Quốc	Nghĩa	28/12/94	652				
15	1424010460	Đỗ Thị Diễm	Ngọc	09/01/96	653				
16	1324010225	Lương Thị	Phương	12/09/95	654				
17	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/96	655				
18	1524010498	Nguyễn	Quyết	08/10/97	656				
19	1421070102	Chào Láo	San	28/10/95	657				
20	1221040270	Trần Đức	Toàn	20/05/90	658				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010104 Nhóm: Tổ thi: 001 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060641	Trương Quốc	Toán	04/08/94	659				
2	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/95	660				
3	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/94	661				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060326	Trần Văn	An	10/03/96	662				
2	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/97	663				
3	1321070002	Lê Tuấn	Anh	07/02/92	664				
4	1221010013	Nguyễn Duy	Anh	08/02/94	665				
5	1321060408	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/95	666				
6	1321040007	Nguyễn Tuấn	Anh	19/06/95	667				
7	1421040007	Phan Đức	Anh	03/01/96	668				
8	1321030427	Nguyễn Tuấn	Bảo	17/12/94	669				
9	1221060010	Đỗ Thanh	Bình	02/10/94	670				
10	1421040380	Nguyễn Minh	Chiến	07/04/96	671				
11	1321070027	Hoàng Hải	Cường	28/10/95	672				
12	1421020027	Lưu Văn	Cường	07/07/96	673				
13	1421040041	Nguyễn Văn	Duân	31/07/96	674				
14	1521040219	Đào Công	Dũng	17/09/97	675				
15	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/96	676				
16	1421040050	Phó Đức	Dũng	25/12/96	677				
17	1421060060	Lê Thị Thùy	Dương	25/07/96	678				
18	1221040047	Nguyễn Ngọc	Dương	11/11/94	679				
19	1421020283	Lê Quốc	Đạt	15/06/96	680				
20	1321010099	Nguyễn Sỹ	Đạt	13/03/90	681				
21	1221060196	Nguyễn Tiến	Đạt	05/02/94	682				
22	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/96	683				
23	1421030044	Phạm Tiến	Đạt	14/01/96	684				
24	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/95	685				
25	1221070041	Đỗ Xuân	Đức	30/10/93	686				
26	1321070054	Lưu Phần	Đức	06/05/94	687				
27	1421010086	Nguyễn Văn	Đức	05/07/94	688				
28	1221040007L	Boldbaatar	Gal-Och	21/04/91	689				
29	1221070046	Nguyễn Văn	Giang	03/03/90	690				
30	1321010125	Đặng Thị Thu	Hà	06/12/95	691				
31	1221030299	Bùi Văn	Hai	27/07/93	692				
32	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/95	693				
33	1221070047	Bùi Thế	Hải	20/05/94	694				
34	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/95	695				
35	1321050509	Ngô Duy	Hải	04/01/95	696				
36	1221050039	Nguyễn Đức Minh	Hải	04/11/94	697				
37	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/96	698				
38	1321050065	Tổng Văn Anh	Hải	06/01/95	699				
39	1521080134	Nguyễn Thị	Hằng	23/03/97	700				
40	1321060109	Phan Thanh	Hậu	22/12/95	701				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/96	702				
42	1221050227	Nguyễn Hữu	Hiệp	16/11/94	703				
43	1521030359	Hồ Trọng	Hiếu	10/08/96	704				
44	1321050548	Trần Đức	Hiếu	01/05/94	705				
45	1521010364	Nguyễn Thị	Hoa	08/02/97	706				
46	1321070074	Nguyễn Bá	Hòa	15/11/94	707				
47	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/96	708				
48	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/96	709				
49	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/96	710				
50	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/97	711				
51	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/96	712				
52	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/95	713				
53	1421010137	Đào Thị	Huệ	20/08/96	714				
54	1421020072	Dương Mạnh	Hùng	12/05/96	715				
55	1421010139	Lâm Việt	Hùng	13/08/96	716				
56	1421030375	Nguyễn Phi	Hùng	23/09/96	717				
57	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/95	718				
58	1421060134	Trần Quốc	Huy	08/09/96	719				
59	1421040133	Đào Thị	Huyền	16/11/96	720				
60	1321040131	Nguyễn Văn	Huyền	01/02/95	721				
61	1421020400	Cao Sỹ	Hưng	28/08/94	722				
62	1421040147	Đoàn Văn	Hữu	10/03/96	723				
63	1421040149	Đặng Thế	Khang	31/12/96	724				
64	1421020081	Lê Huyền	Khánh	19/09/96	725				
65	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/95	726				
66	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/96	727				
67	1421045005	Vương Tuấn	Lâm	20/10/96	728				
68	1221010199	Trần Thanh	Lâm	01/01/94	729				
69	1421060156	Vũ Ngọc	Lâm	11/09/96	730				
70	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/93	731				
71	1421040439	Cao Ngọc	Lê	16/08/96	732				
72	1521080186	Đặng Vũ Nhật	Lệ	04/05/97	733				
73	1221070089	Trần Thanh	Lịch	02/12/93	734				
74	1221010201	Bùi Đức	Liên	19/03/94	735				
75	1421030118	Đoàn Văn	Linh	28/10/96	736				
76	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/95	737				
77	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/95	738				
78	1521080352	Trịnh Thị	Loan	08/08/97	739				
79	1321040163	Trần Sơn	Long	05/03/95	740				
80	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/94	741				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321030700	Đỗ Văn	Luân	04/09/95	742				
82	1221030101	Cần Đức	Lương	15/09/94	743				
83	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/96	744				
84	1121020121	Phạm Duy	Mạnh	06/10/93	745				
85	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/95	746				
86	1221070102	Phạm Quang	Minh	09/07/94	747				
87	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/96	748				
88	1221070246	Nguyễn Tiến	Nam	06/09/94	749				
89	1321040185	Trần Hoài	Nam	14/08/95	750				
90	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/96	751				
91	1421045007	Phan Thị Thảo	Nga	24/04/96	752				
92	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/96	753				
93	1421010229	Bùi Thị	Nhài	14/03/96	754				
94	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/96	755				
95	1421030145	Đoàn Đắc	Nhất	30/12/96	756				
96	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/95	757				
97	1421060203	Trịnh Văn	Ninh	13/07/96	758				
98	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/96	759				
99	1421060209	Bùi Sỹ	Phụng	09/02/96	760				
100	1321040209	Nguyễn Thị Minh	Phương	29/11/95	761				
101	1321010281	Lê Minh	Quang	12/10/95	762				
102	1221070119	Lê Xuân	Quang	06/09/93	763				
103	1521080229	Nguyễn Văn Hồng	Quang	08/02/97	764				
104	1421010271	Mai Kim	Quý	19/12/96	765				
105	1421060220	Nguyễn Thế Ngọc	Quyết	28/08/96	766				
106	1321050168	Nguyễn Mai Diệu	Quỳnh	17/06/95	767				
107	1521050461	Phạm Thị	Quỳnh	21/05/97	768				
108	1421060227	Trần Văn	Sang	29/07/96	769				
109	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/08/96	770				
110	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/97	771				
111	1121050089	Tổng Minh	Tân	18/03/93	772				
112	1321040247	Dương Hồng	Thái	28/08/95	773				
113	1221030134	Lương Việt	Thái	25/10/94	774				
114	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/96	775				
115	1421040244	Nguyễn Công	Thanh	27/07/96	776				
116	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/95	777				
117	1221040232	Hoàng Hữu	Thành	05/08/94	778				
118	1221060407	Lương Tiến	Thành	23/02/94	779				
119	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/92	780				
120	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/01/96	781				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1221070144	Phạm Đức	Thăng	02/11/93	782				
122	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/94	783				
123	1221030147	Trần Văn	Thọ	02/09/93	784				
124	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/95	785				
125	1221040262	Hoàng Xuân	Tiến	22/10/94	786				
126	1321030889	Phạm Đức	Tiến	16/09/95	787				
127	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/95	788				
128	1421040291	Hoàng Văn	Toan	25/04/95	789				
129	1421040295	Trần Duy	Toàn	08/12/96	790				
130	1321070195	Nguyễn Hà	Toán	16/02/95	791				
131	1321010365	Nguyễn Văn	Toán	14/05/95	792				
132	1321030909	Nguyễn Minh	Trình	24/12/95	793				
133	1221010369	Ma Đình	Trọng	01/10/94	794				
134	1321040304	Hoàng Tuấn	Trung	25/09/95	795				
135	1531040407	Nguyễn Đức	Trung	10/01/94	796				
136	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/95	797				
137	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/96	798				
138	1221040473	Nguyễn Mạnh	Trường	25/12/94	799				
139	1221040284	Bùi Văn	Trường	16/05/94	800				
140	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/94	801				
141	1321060336	Phạm Minh	Tuấn	21/09/95	802				
142	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/96	803				
143	1221040301	Nguyễn Hữu	Tùng	23/08/94	804				
144	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/96	805				
145	1421050234	Đình Hữu	Tuyên	17/08/96	806				
146	1531040408	Đỗ Minh	Tuyên	07/07/93	807				
147	1421030623	Nguyễn Văn	Tuyển	22/08/95	808				
148	1421030624	Tô Bá	Tuyển	23/10/96	809				
149	1421040342	Lương Văn	Ước	24/10/95	810				
150	1421050238	Đặng Lê	Văn	15/03/96	811				
151	1521060070	Trịnh Duy	Văn	14/09/97	812				
152	1421040345	Bùi Tiến	Việt	19/02/96	813				
153	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/95	814				
154	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/94	815				
155	1521010401	Đỗ Thị Hải	Yến	09/04/97	816				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050001	Bùi Đức	Anh	14/02/95	817				
2	1321050409	Lê Tuấn	Anh	16/10/95	818				
3	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/95	819				
4	1321060015	Trịnh Hoàng	Anh	13/03/95	820				
5	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/96	821				
6	1221060245	Đoàn Việt	Dũng	09/08/94	822				
7	1421080172	Phạm Tiến	Dũng	16/01/96	823				
8	1421080173	Phan Tiến	Dũng	14/11/96	824				
9	1421040054	Vũ Tiến	Dũng	07/04/96	825				
10	1321050045	Nguyễn Xuân	Duy	06/04/95	826				
11	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/96	827				
12	1531040402	Lê Xuân	Độ	30/11/93	828				
13	1421020042	Nguyễn Anh	Đức	08/12/96	829				
14	1421040082	Nguyễn Duy	Đức	19/11/96	830				
15	1321050490	Nguyễn Quy	Đức	22/07/95	831				
16	1421060092	Nguyễn Văn	Hải	22/09/96	832				
17	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	07/06/96	833				
18	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/96	834				
19	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/96	835				
20	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/94	836				
21	1221050046	Đào Xuân	Hiệu	07/07/94	837				
22	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/95	838				
23	1421010127	Vũ Thị	Hoài	10/12/96	839				
24	1221070062	Đặng Đức	Học	04/09/94	840				
25	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/96	841				
26	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/96	842				
27	1321030630	Phạm Thị Thu	Huyền	05/08/95	843				
28	1421060459	Nguyễn Văn	Hưởng	26/08/96	844				
29	1321050119	Vũ Bá Trường	Linh	20/07/95	845				
30	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/96	846				
31	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/95	847				
32	1531040404	Lê Mã	Lương	17/10/94	848				
33	1421070082	Nguyễn Tiến	Mạnh	24/09/96	849				
34	1421010200	Đặng Công	Minh	15/10/96	850				
35	1121010418	Trương Công	Nam	29/07/92	851				
36	1531040021	Nguyễn Văn	Ngọc	24/09/	852				
37	1321050650	Bùi Thị Cẩm	Nhung	14/11/95	853				
38	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/95	854				
39	1321070148	Nguyễn Đình	Phương	11/02/95	855				
40	1421050548	Đặng Thị	Phượng	06/04/96	856				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/96	857				
42	1421020517	Nguyễn Văn	Quảng	20/10/93	858				
43	1321070151	Đỗ Hồng	Quân	22/08/95	859				
44	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/93	860				
45	1421050164	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	27/05/96	861				
46	1421080100	Nghiêm Minh	Sang	28/11/96	862				
47	1531040406	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/94	863				
48	1321060289	Vũ Minh	Thắng	24/12/95	864				
49	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/96	865				
50	1321020726	Trần Văn	Thiệu	01/10/94	866				
51	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/96	867				
52	1421050652	Trần Song	Toàn	23/06/95	868				
53	1321060641	Trương Quốc	Toàn	04/08/94	869				
54	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/95	870				
55	1221060151	Lê Văn	Trúc	26/12/94	871				
56	1121020203	Lê Thành	Trung	03/01/93	872				
57	1531060401	Lương Văn	Trung	02/04/	873				
58	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/95	874				
59	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/94	875				
60	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/96	876				
61	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/94	877				
62	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/95	878				
63	1531040038	Nguyễn Thanh	Tùng	17/03/	879				
64	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/96	880				
65	1321010422	Lê Văn	Vinh	07/04/95	881				
66	1531060014	Lê Như	Vũ	21/06/	882				
67	1321030989	Đặng Thế	Vương	01/10/95	883				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/97	884				
2	1221010011	Lê Đức	Anh	10/03/94	885				
3	1421070003	Lê Đức	Anh	20/08/96	886				
4	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/97	887				
5	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/96	888				
6	1321040015	Đỗ Xuân	Bách	24/09/95	889				
7	1221060010	Đỗ Thanh	Bình	02/10/94	890				
8	1321040019	Trần Quang	Bình	06/10/95	891				
9	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/96	892				
10	1421010036	Nghiêm Quốc	Chinh	15/09/96	893				
11	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/94	894				
12	1321070431	Cao Văn	Công	15/04/95	895				
13	1321070020	Ngô Minh	Công	22/10/95	896				
14	1421070018	Phan Hữu	Công	02/02/96	897				
15	1321040626	Nguyễn Mạnh	Cường	10/12/95	898				
16	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/95	899				
17	1421040041	Nguyễn Văn	Duân	31/07/96	900				
18	1321010069	Lê Xuân	Duân	16/11/95	901				
19	1421040048	Nguyễn Tiến	Dũng	28/04/96	902				
20	1321040049	Phùng Văn	Dũng	25/09/95	903				
21	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/96	904				
22	1421060055	Đỗ Mạnh	Duy	29/08/96	905				
23	1421010063	Nguyễn Xuân	Duy	01/01/96	906				
24	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/95	907				
25	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/95	908				
26	1421070236	Triệu Tiến	Đạt	06/04/96	909				
27	1321060462	Ngô Đức	Đông	15/02/95	910				
28	1321060464	Đoàn Mạnh	Đồng	01/07/95	911				
29	1321030517	Đoàn Văn	Đồng	14/02/95	912				
30	1421070245	Hán Minh	Đức	20/02/96	913				
31	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/96	914				
32	1421020309	Nguyễn Văn	Đức	08/08/96	915				
33	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/97	916				
34	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/95	917				
35	1321010119	Vũ Đình	Đức	23/06/95	918				
36	1321030054	Thân Trường	Giang	23/09/94	919				
37	1321030056	Nguyễn Văn	Giáp	18/09/95	920				
38	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/95	921				
39	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/95	922				
40	1421060091	Nguyễn Tuấn	Hải	03/10/96	923				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010098	Trần Thanh	Hải	26/11/96	924				
42	1421030062	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/05/96	925				
43	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/96	926				
44	1321060116	Trần Bá	Hiệp	22/06/94	927				
45	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/96	928				
46	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/94	929				
47	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/95	930				
48	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/96	931				
49	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/96	932				
50	1421070292	Hoàng Công	Hoan	18/12/96	933				
51	1321040103	Nhữ Đình	Hoan	25/12/95	934				
52	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/96	935				
53	1421011138	Nguyễn Huy	Hoàng	21/12/96	936				
54	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/96	937				
55	1421010139	Lâm Việt	Hùng	13/08/96	938				
56	1021010154	Nguyễn Huy	Hùng	20/05/92	939				
57	1421030375	Nguyễn Phi	Hùng	23/09/96	940				
58	1421030378	Trần Ngọc	Hùng	15/09/96	941				
59	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/95	942				
60	1421070055	Nguyễn Quang	Huy	30/11/96	943				
61	1421030096	Trịnh Thế	Huỳnh	08/11/96	944				
62	1421020400	Cao Sỹ	Hưng	28/08/94	945				
63	1521070272	Trịnh Minh	Hưng	18/08/97	946				
64	1421070062	Trần Quang	Khải	10/07/96	947				
65	1421020081	Lê Huyền	Khánh	19/09/96	948				
66	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/95	949				
67	1321010197	Nguyễn Văn	Khôi	12/09/93	950				
68	1321030662	Đỗ Trung	Kiên	29/01/95	951				
69	1421070344	Nguyễn Khắc	Kim	15/10/95	952				
70	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/96	953				
71	1421060156	Vũ Ngọc	Lâm	11/09/96	954				
72	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/97	955				
73	1221070089	Trần Thanh	Lịch	02/12/93	956				
74	1421020441	Vũ Văn	Linh	02/04/96	957				
75	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/96	958				
76	1421010189	Vũ Đức	Luyện	10/05/96	959				
77	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/96	960				
78	1521010024	Đỗ Gia	Lượng	07/07/97	961				
79	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	09/07/96	962				
80	1421070085	Phùng Văn	Miên	07/01/96	963				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321070126	Hoàng Nhật	Minh	22/10/95	964				
82	1321030719	Ngô Đình	Minh	14/02/95	965				
83	1221040169	Nguyễn Văn	Minh	17/10/93	966				
84	1321060196	Nguyễn Hoài	Nam	07/08/94	967				
85	1421010231	Đinh Văn	Nhân	27/09/96	968				
86	1421030145	Đoàn Đắc	Nhất	30/12/96	969				
87	1121060261	Nguyễn Thanh	Oai	20/01/93	970				
88	1521010353	Đào Thị	Oanh	02/10/97	971				
89	1221040190	Bùi Văn	Phối	02/09/93	972				
90	1421040476	Lâm Văn	Phúc	28/06/96	973				
91	1321070147	Bùi Ngọc	Phương	04/09/95	974				
92	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/96	975				
93	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/94	976				
94	1121020161	Nguyễn Công	Quyền	01/03/93	977				
95	1421060220	Nguyễn Thế Ngọc	Quyết	28/08/96	978				
96	1321060237	Hoàng Văn	Quỳnh	19/12/95	979				
97	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/08/96	980				
98	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/97	981				
99	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/96	982				
100	1421040499	Nguyễn Hồng	Sơn	04/04/96	983				
101	1321030816	Đinh Văn	Sỹ	02/03/95	984				
102	1321010299	Lê Khắc	Sỹ	10/01/95	985				
103	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/97	986				
104	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/95	987				
105	1221030134	Lương Việt	Thái	25/10/94	988				
106	1321070643	Nguyễn Văn	Thái	14/12/94	989				
107	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/96	990				
108	1221040228	Hoàng Hữu	Thanh	21/04/93	991				
109	1421040244	Nguyễn Công	Thanh	27/07/96	992				
110	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/95	993				
111	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/96	994				
112	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/95	995				
113	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/94	996				
114	1321040261	Đặng Vũ	Thắng	07/04/94	997				
115	1321040263	Lê Đức	Thắng	22/06/94	998				
116	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/94	999				
117	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	02/09/96	1000				
118	1421020578	Nguyễn Quyết	Thắng	19/04/96	1001				
119	1321030218	Nguyễn Đức	Thịnh	12/04/95	1002				
120	1321060298	Đỗ Văn	Thuận	26/11/95	1003				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/97	1004				
122	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/96	1005				
123	1421040285	Nguyễn Đại	Tiến	28/11/96	1006				
124	1421040286	Nguyễn Tân	Tiến	16/01/96	1007				
125	1321030234	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/93	1008				
126	1321020756	Nguyễn Duy	Toàn	09/06/95	1009				
127	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/95	1010				
128	1421040295	Trần Duy	Toàn	08/12/96	1011				
129	1321040295	Đoàn Thị	Trang	08/11/95	1012				
130	1421010344	Nguyễn Thị	Trang	21/01/96	1013				
131	1421040303	Phạm Văn	Tráng	25/03/96	1014				
132	1421070492	Đỗ Văn	Tranh	06/01/96	1015				
133	1321040304	Hoàng Tuấn	Trung	25/09/95	1016				
134	1321010384	Phan Huy	Trường	25/07/95	1017				
135	1321030925	Thân Văn	Trường	23/10/94	1018				
136	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/94	1019				
137	1421070134	Lê Anh	Tuấn	07/09/96	1020				
138	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/96	1021				
139	1421030611	Nguyễn Văn	Tuấn	09/08/96	1022				
140	1421060626	Trần Anh	Tuấn	31/08/96	1023				
141	1321030957	Chu Văn	Tùng	05/07/95	1024				
142	1421040330	Đào Duy	Tùng	25/04/96	1025				
143	1221040461	Nguyễn Văn	Tùng	14/10/94	1026				
144	1421040562	Nguyễn Văn	Tùng	30/07/96	1027				
145	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/96	1028				
146	1421030624	Tô Bá	Tuyển	23/10/96	1029				
147	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/96	1030				
148	1421050238	Đặng Lê	Văn	15/03/96	1031				
149	1421040345	Bùi Tiến	Việt	19/02/96	1032				
150	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/91	1033				
151	1421070544	Hoàng Quốc	Việt	07/06/95	1034				
152	1421010385	Trần Quốc	Việt	07/07/96	1035				
153	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/94	1036				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/94	1037				
2	1421070194	Lưu Xuân	Cường	05/03/92	1038				
3	1421050030	Nguyễn Văn	Cường	25/10/96	1039				
4	1421030031	Phan Trung	Dũng	04/06/96	1040				
5	1421030041	Kiều Văn	Đạt	22/04/96	1041				
6	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/95	1042				
7	1321070534	Nguyễn Đức	Huy	11/02/95	1043				
8	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/94	1044				
9	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/96	1045				
10	1321070136	Lê Đình	Ngọc	05/08/95	1046				
11	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/96	1047				
12	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/96	1048				
13	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/96	1049				
14	1421030202	Ngô Văn	Thước	01/12/95	1050				
15	1121011063	Hà Như	Tiến	25/11/93	1051				
16	0921030305	Phạm Văn	Triền	16/12/90	1052				
17	1121020203	Lê Thành	Trung	03/01/93	1053				
18	1221030179	Đinh Quang	Tuấn	13/01/94	1054				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010001	Nguyễn Duy	An	11/03/96	1055				
2	1321040003	Mai Viết	Anh	07/11/95	1056				
3	1221070196	Trịnh Thế	Anh	12/02/94	1057				
4	1221010027	Nguyễn Văn	Bắc	05/08/94	1058				
5	1321030437	Phạm Quang	Bình	28/02/95	1059				
6	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/96	1060				
7	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/95	1061				
8	1221060248	Thân Tiến	Dũng	02/10/94	1062				
9	1221010071	Đỗ Công	Duy	28/10/94	1063				
10	1321070039	Nguyễn Văn	Dương	27/10/94	1064				
11	1321070042	Trần Văn	Đại	10/04/95	1065				
12	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/96	1066				
13	1221010096	Bùi Văn	Điệp	19/10/94	1067				
14	1221070045	Ngô Thanh	Đức	16/08/94	1068				
15	1321060087	Phùng Văn	Đức	30/09/95	1069				
16	1221070046	Nguyễn Văn	Giang	03/03/90	1070				
17	1321070059	Lê Văn	Hà	08/11/94	1071				
18	1321030554	Lưu Công	Hạnh	08/10/95	1072				
19	1421010105	Nguyễn Văn	Hậu	28/11/96	1073				
20	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/95	1074				
21	1221070062	Đặng Đức	Học	04/09/94	1075				
22	1421040120	Hoàng Văn	Hội	04/08/96	1076				
23	1221010150	Đặng Sỹ	Hùng	12/10/94	1077				
24	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/96	1078				
25	1321030095	Trần Việt	Hùng	05/09/95	1079				
26	1521010005	Vũ Xuân	Hùng	01/08/94	1080				
27	1221070079	Nguyễn Văn	Khuây	02/06/94	1081				
28	1221010200	Tô Thế	Lịch	09/01/94	1082				
29	1321070570	Phan Văn	Lĩnh	20/09/95	1083				
30	1221070095	Dương Lê	Lợi	25/02/93	1084				
31	1321060175	Nguyễn Tiến	Luân	19/11/95	1085				
32	1421070389	Dương Phương	Nam	29/09/96	1086				
33	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/96	1087				
34	1221070246	Nguyễn Tiến	Nam	06/09/94	1088				
35	1321070133	Văn Hoàng	Nam	07/12/95	1089				
36	1321030760	Nguyễn Thị Hà	Nhi	11/04/95	1090				
37	1221010260	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/06/94	1091				
38	1421070411	Ngô Thị	Nụ	18/12/96	1092				
39	1321070616	Trần Hùng	Phi	07/05/93	1093				
40	1321010285	Trần Văn	Quân	19/07/95	1094				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221070260	Lại Thế	Sông	19/03/94	1095				
42	1321070160	Nguyễn Văn	Sỹ	22/07/95	1096				
43	1121050089	Tổng Minh	Tân	18/03/93	1097				
44	1421040242	Nguyễn Duy	Thái	12/06/96	1098				
45	1321040566	Khuông Minh	Thành	02/09/95	1099				
46	1121030402	Nguyễn Ngọc	Thịnh	07/06/93	1100				
47	1321070184	Đình Văn	Thuận	28/10/95	1101				
48	1421010329	Đoàn Thị ánh	Thương	26/08/96	1102				
49	1321070197	Lê Đức	Trọng	03/07/95	1103				
50	1421010358	Huỳnh Bá	Truyền	24/11/96	1104				
51	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/95	1105				
52	1421030219	Hoàng Văn	Tuấn	23/06/96	1106				
53	1421040329	Trần Văn	Tuấn	08/02/96	1107				
54	1321040623	Cao Sơn	Tùng	24/09/95	1108				
55	1321010410	Trần Văn	Tùng	30/03/95	1109				
56	1421030623	Nguyễn Văn	Tuyển	22/08/95	1110				
57	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/95	1111				
58	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/96	1112				
59	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/97	1113				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/96	1114				
2	1421070003	Lê Đức	Anh	20/08/96	1115				
3	1321040411	Phan Đức	Anh	10/05/95	1116				
4	1421030007	Phan Vũ Hà	Anh	09/01/96	1117				
5	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/95	1118				
6	1421030272	Tạ Văn	Bảo	07/10/94	1119				
7	1321040426	Nguyễn Đức	Chiến	06/12/94	1120				
8	1221060018	Đoàn Văn	Cương	22/04/94	1121				
9	1321060040	Đỗ Quang	Cường	19/12/95	1122				
10	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/96	1123				
11	1421030031	Phan Trung	Dũng	04/06/96	1124				
12	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/95	1125				
13	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/95	1126				
14	1421030062	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/05/96	1127				
15	1321020094	Bùi Doãn	Hiền	23/10/95	1128				
16	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/96	1129				
17	1321060116	Trần Bá	Hiệp	22/06/94	1130				
18	1221030310	Nguyễn Chí	Hiếu	27/08/94	1131				
19	1421030072	Vũ Quang	Hiếu	27/06/95	1132				
20	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/96	1133				
21	1421030082	Nguyễn Hữu	Huân	05/04/93	1134				
22	1321070534	Nguyễn Đức	Huy	11/02/95	1135				
23	1321030097	Nguyễn Đăng Quang	Huy	17/09/95	1136				
24	1421070070	Dương Lê	Linh	30/04/96	1137				
25	1421020441	Vũ Văn	Linh	02/04/96	1138				
26	1521030422	Đào Thị Mỹ	Loan	06/11/97	1139				
27	1221070238	Nguyễn Thành	Long	01/10/92	1140				
28	1321060171	Phan Việt	Long	26/09/95	1141				
29	1221040163	Hoàng Quốc	Mạnh	09/05/93	1142				
30	1121030119	Trần Văn	Mạnh	15/03/93	1143				
31	1221040165	Vũ Đức	Mạnh	31/10/94	1144				
32	1421020106	Vũ Đức	Mạnh	05/02/96	1145				
33	1321030719	Ngo Đình	Minh	14/02/95	1146				
34	1221030361	Lê Văn	Nam	24/03/94	1147				
35	1321060203	Đoàn Văn	Nghiệp	26/10/95	1148				
36	1221030113	Kiều Bảo	Ngọc	15/05/94	1149				
37	1221060095	Trần Anh	Ngọc	27/10/94	1150				
38	1421010231	Đình Văn	Nhân	27/09/96	1151				
39	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/95	1152				
40	1421030488	Phạm Hải	Phong	21/10/96	1153				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221030119	Nguyễn Văn	Phong	12/04/94	1154				
42	1421010242	Nguyễn Hoàng	Phú	12/08/95	1155				
43	1521070457	Bùi Thị	Phuong	01/09/97	1156				
44	1221070127	Nguyễn Đức	Quyền	24/01/93	1157				
45	1221070129	Nguyễn Xuân	Quỳnh	28/10/94	1158				
46	1421030166	Nguyễn Thanh	Son	09/10/96	1159				
47	1221060422	Nguyễn Ngọc	Thạch	21/09/94	1160				
48	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/96	1161				
49	1221070143	Nguyễn Tiến	Thành	14/11/94	1162				
50	1321010324	Phan Văn	Thảo	16/08/95	1163				
51	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/96	1164				
52	1421030562	Lê Thanh	Thiem	08/07/96	1165				
53	1421050193	Hoàng Trọng	Thien	15/03/96	1166				
54	1221050098	Lê Văn	Thuần	13/09/94	1167				
55	1421010336	Lê Thiên	Tinh	22/01/96	1168				
56	1321020756	Nguyễn Duy	Toàn	09/06/95	1169				
57	1221070289	Nguyễn Ngọc	Toàn	13/10/94	1170				
58	1421040299	Nguyễn Thị Linh	Trang	24/12/96	1171				
59	1421070492	Đỗ Văn	Tranh	06/01/96	1172				
60	1121020203	Lê Thành	Trung	03/01/93	1173				
61	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/96	1174				
62	1421070133	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/95	1175				
63	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/95	1176				
64	1321030957	Chu Văn	Tùng	05/07/95	1177				
65	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/93	1178				
66	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/94	1179				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040011L	Keo Oudom Lao	.	23/02/92	1180				
2	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/96	1181				
3	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/94	1182				
4	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/96	1183				
5	1521050230	Lê Thanh	Bình	09/01/95	1184				
6	1224010021	Nguyễn Đức	Bình	24/05/94	1185				
7	1421010031	Lương Xuân	Cảnh	26/11/96	1186				
8	1221040357	Hoàng Văn	Cầm	24/10/94	1187				
9	1221080007	Chu Hữu	Chiến	23/12/94	1188				
10	1421020248	Hoàng Văn	Chính	07/10/96	1189				
11	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/96	1190				
12	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/96	1191				
13	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	08/12/96	1192				
14	1421010067	Đặng Thị Thùy	Dương	22/12/96	1193				
15	1321040054	Nguyễn Thanh	Dương	06/11/95	1194				
16	1321010094	Lê Chu Hoàng	Đại	09/08/95	1195				
17	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/95	1196				
18	1321010100	Phạm Tiến	Đạt	12/11/95	1197				
19	1421010081	Nguyễn Bùi	Đăng	16/02/96	1198				
20	1321030047	Nguyễn Ngọc	Đông	14/06/95	1199				
21	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/94	1200				
22	1221040073	Nguyễn Văn	Giang	20/02/94	1201				
23	1321060095	Ngô Huy	Hà	06/11/95	1202				
24	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/96	1203				
25	1321030064	Nguyễn Quang	Hải	27/09/95	1204				
26	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/96	1205				
27	1221040099	Vũ Ngọc	Hoàn	16/06/94	1206				
28	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/95	1207				
29	1221040106	Hà Mạnh	Hùng	26/05/94	1208				
30	1321070086	Trần Văn	Hùng	16/12/94	1209				
31	1221020339	Nguyễn Văn	Huy	08/09/94	1210				
32	1421060140	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/95	1211				
33	1421040147	Đoàn Văn	Hữu	10/03/96	1212				
34	1221011040	Phạm Hoàng	Kim	02/05/94	1213				
35	1421030124	Phạm Văn	Long	22/11/95	1214				
36	1321040522	Vũ Văn	Long	15/01/95	1215				
37	1121040461	Kham Kom	Machan	28/08/91	1216				
38	1421020462	Lâm Văn	Mạnh	16/09/95	1217				
39	1321060186	Lê Trần Quang	Minh	05/07/95	1218				
40	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/94	1219				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421030488	Phạm Hải	Phong	21/10/96	1220				
42	1321050160	Lê Văn	Phuong	27/10/92	1221				
43	1021060107	Nguyễn Văn	Quang	28/06/91	1222				
44	1221040206	Nguyễn Đình	Sáng	10/04/94	1223				
45	1321030824	Nguyễn Đức	Tâm	29/05/95	1224				
46	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/96	1225				
47	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/94	1226				
48	1221020464	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/06/94	1227				
49	1221040447	Nguyễn Hồng	Thương	01/09/94	1228				
50	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/96	1229				
51	1421040532	Lê Hữu	Tinh	30/08/96	1230				
52	1221010353	Trần Văn	Tinh	14/06/93	1231				
53	1321040297	Hà Minh	Trang	25/04/95	1232				
54	1221010368	Phạm Minh	Triết	23/10/94	1233				
55	1221010376	Trần Đăng	Trương	01/10/94	1234				
56	1421060283	Trần Xuân	Trưởng	24/12/96	1235				
57	1321040595	Nguyễn Minh	Tú	09/07/95	1236				
58	1321030248	Nguyễn Ngọc	Tú	26/02/94	1237				
59	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/96	1238				
60	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/96	1239				
61	1421020190	Trần Văn	Tùng	02/04/95	1240				
62	1321040611	Nguyễn Văn	Vinh	01/01/94	1241				
63	1321040616	Vũ Thùy	Xuân	04/02/94	1242				
64	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/94	1243				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080500	Tạ Vũ Việt	Anh	06/12/96	1244				
2	1321070415	Nguyễn Sĩ	Bằng	07/08/95	1245				
3	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	02/07/94	1246				
4	1321060040	Đỗ Quang	Cường	19/12/95	1247				
5	1321050038	Vũ Mạnh	Cường	29/02/95	1248				
6	1321060046	Cao Tiến	Dũng	23/03/95	1249				
7	1321070034	Đinh Văn	Dũng	10/03/94	1250				
8	1421030305	Nguyễn Trọng	Duy	26/11/96	1251				
9	1221030270	Tô Lê	Duy	14/07/94	1252				
10	1321070450	Đặng Văn	Dương	10/11/92	1253				
11	1321050475	Phạm Văn	Dương	12/05/95	1254				
12	1321060060	Trần Hải	Dương	29/03/95	1255				
13	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/97	1256				
14	1421060074	Trần Phúc	Đoan	22/06/95	1257				
15	1321040086	Phạm Thanh	Hai	09/03/96	1258				
16	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/95	1259				
17	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/96	1260				
18	1411040025	Vương Trung	Hiếu	15/04/96	1261				
19	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/96	1262				
20	1421020369	Nguyễn Văn	Hoàng	30/05/96	1263				
21	1421030084	Đinh Viết	Hùng	10/09/96	1264				
22	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/96	1265				
23	1321040123	Nguyễn Đình	Huy	30/08/95	1266				
24	1221010159	Trần Danh	Huy	22/07/94	1267				
25	1411040032	Hoàng Văn	Khánh	21/02/95	1268				
26	1321030657	Nguyễn Văn	Khoan	05/10/93	1269				
27	1221050059	Nguyễn Huy	Kiên	29/09/94	1270				
28	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/95	1271				
29	1321070107	Hà Văn	Lam	04/05/95	1272				
30	1421070069	Trần Tùng	Lâm	09/09/96	1273				
31	1321050612	Đàm Cảnh	Linh	10/09/95	1274				
32	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/96	1275				
33	1221020367	Khúc Thành	Long	26/06/94	1276				
34	1321060171	Phan Việt	Long	26/09/95	1277				
35	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/95	1278				
36	1221070110	Trần Lê	Nhật	20/03/93	1279				
37	1221010258	Lê Minh	Nhật	26/09/94	1280				
38	1021020443	Hà Thanh	Phong	03/01/92	1281				
39	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/95	1282				
40	1321030184	Vũ Thị	Phượng	29/05/95	1283				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/96	1284				
42	1321080080	Vũ Anh	Quân	09/08/95	1285				
43	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/94	1286				
44	1421060557	Trần Ngọc	Sơn	17/01/96	1287				
45	1321020702	Vũ Thái	Sơn	21/09/95	1288				
46	1221040219	Lương Ngọc	Tâm	12/04/94	1289				
47	1411040050	Phạm Thanh	Tân	15/06/96	1290				
48	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/97	1291				
49	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/95	1292				
50	1221010335	Trần Huy	Thuận	16/11/94	1293				
51	1321060304	Phạm Quang	Thức	21/12/95	1294				
52	1221060457	Bùi Văn	Tráng	02/06/94	1295				
53	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/95	1296				
54	1221011089	Trần Quốc	Trọng	09/05/94	1297				
55	1421060281	Nguyễn Đăng	Truyền	16/11/96	1298				
56	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/95	1299				
57	1221020171	Trần Anh	Tuấn	19/08/94	1300				
58	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/93	1301				
59	1421070141	Vũ Đình	Tuy	10/04/96	1302				
60	1221010409	Nguyễn Đức	Tuyển	24/09/94	1303				
61	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/96	1304				
62	1521080285	Phạm Hoàng	Ước	26/05/97	1305				
63	1211050151	Bùi Anh	Vinh	11/07/94	1306				
64	1321030984	Nguyễn Văn	Vinh	23/08/95	1307				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010009	Đinh Viết	Anh	13/03/93	1308				
2	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/96	1309				
3	1521050280	Vũ Lê Ngọc	Anh	26/02/97	1310				
4	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/97	1311				
5	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/96	1312				
6	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/95	1313				
7	1121011008	Đỗ Đình	Chung	29/09/92	1314				
8	1511060002	Đỗ Việt	Dũng	19/03/97	1315				
9	1521020175	Đỗ Mạnh	Duy	03/10/95	1316				
10	1221070208	Hứa Duy	Dương	17/04/94	1317				
11	1411060037	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/96	1318				
12	1321020480	Trần Quang	Đạt	18/09/95	1319				
13	1411040014	Trần Trọng	Đạt	30/03/96	1320				
14	1421070033	Đinh Văn	Định	10/01/96	1321				
15	1521030201	Dương Văn	Đức	14/08/97	1322				
16	1221070043	Lê Duy	Đức	28/03/93	1323				
17	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/96	1324				
18	1311060056	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/95	1325				
19	1221050043	Phạm Thị Thu	Hằng	03/01/94	1326				
20	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/95	1327				
21	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/97	1328				
22	1424010331	Phan Văn	Hiếu	08/12/96	1329				
23	1221060052	Lý Lê	Hoàng	27/07/94	1330				
24	1521030052	Phạm Quốc	Hoạt	23/05/96	1331				
25	1321020551	Nguyễn Viết	Hội	06/04/95	1332				
26	1121030295	Nguyễn Văn	Hợp	02/12/93	1333				
27	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/97	1334				
28	1321020601	Trần Khánh	Lâm	05/05/95	1335				
29	1411040038	Nguyễn Thùy	Linh	17/02/96	1336				
30	1321050119	Vũ Bá Trường	Linh	20/07/95	1337				
31	1411040039	Đỗ Văn	Long	10/08/96	1338				
32	1411060109	Phạm Duy	Mạnh	04/01/96	1339				
33	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/93	1340				
34	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/96	1341				
35	1311020047	Lê Thanh	Nghiệp	18/03/95	1342				
36	1524010195	Tạ Thị	Ngọc	04/06/97	1343				
37	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/97	1344				
38	1421040211	Phạm Hồng	Phúc	24/10/96	1345				
39	1421040479	Mai Văn	Phùng	10/10/95	1346				
40	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/93	1347				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050160	Nguyễn Xuân	Quân	25/10/95	1348				
42	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/96	1349				
43	1321030208	Lê Thị Ngọc	Thành	07/10/95	1350				
44	1311060171	Trịnh Đức	Thành	02/07/95	1351				
45	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/95	1352				
46	1121020186	Nguyễn Mạnh	Thắng	30/11/93	1353				
47	1521080017	Chu Tiến	Thịnh	11/09/97	1354				
48	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/97	1355				
49	1421050213	Nguyễn Hữu	Toàn	26/08/96	1356				
50	1521020058	Đỗ Thiện	Trung	26/10/95	1357				
51	1521030119	Hoàng	Trung	16/09/97	1358				
52	1221060159	Nguyễn Mạnh	Trường	08/01/94	1359				
53	1221060466	Trần Học	Trường	08/12/92	1360				
54	1421060285	Tạ Xuân	Trường	24/08/96	1361				
55	1411060196	Phan Đình	Tuấn	16/02/96	1362				
56	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/97	1363				
57	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/96	1364				
58	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/95	1365				
59	1321060352	Võ Đình	Yên	24/01/95	1366				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080401	Bùi Thị Trang	Anh	04/12/95	1367				
2	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/08/96	1368				
3	1321030002	Đỗ Việt	Anh	11/12/95	1369				
4	1511070004	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/97	1370				
5	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/97	1371				
6	1221070196	Trịnh Thế	Anh	12/02/94	1372				
7	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/95	1373				
8	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/97	1374				
9	1421080156	Bùi Đức	Chính	31/10/96	1375				
10	1311040012	Lê Thành	Chung	25/02/95	1376				
11	1321020032	Nguyễn Thành	Công	10/10/95	1377				
12	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	1378				
13	1321060432	Phan Viết	Cương	24/11/95	1379				
14	1321040038	Trần Mạnh	Cường	05/01/95	1380				
15	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/94	1381				
16	1321050459	Phùng Văn	Dung	31/01/95	1382				
17	1321050461	Vũ Thị Kim	Dung	06/10/95	1383				
18	1321020459	Trần Tiến	Dũng	14/05/95	1384				
19	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/95	1385				
20	1421080018	Lê Tuấn	Duy	09/08/96	1386				
21	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	03/07/93	1387				
22	1421040399	Đỗ Quang	Đoài	09/04/95	1388				
23	1421040075	Đoàn Trung	Đông	25/07/96	1389				
24	1321060077	Nguyễn Đức	Đông	24/04/95	1390				
25	1321030048	Nguyễn Quang	Đông	26/10/94	1391				
26	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/95	1392				
27	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/96	1393				
28	1321050063	Đỗ Hoàng	Hải	04/07/95	1394				
29	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/96	1395				
30	1421040096	Vũ Đức	Hạnh	17/08/96	1396				
31	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/94	1397				
32	1321080029	Lê Thị Thu	Hiền	21/03/95	1398				
33	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/04/97	1399				
34	1421060104	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/96	1400				
35	1321030079	Phạm Văn	Hiếu	11/11/95	1401				
36	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/05/97	1402				
37	1311030043	Nguyễn Vinh	Hoa	05/07/94	1403				
38	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/97	1404				
39	1321060492	Nguyễn Văn	Hòa	30/03/95	1405				
40	1121020233	Bế Tuấn	Hoàng	16/06/92	1406				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060173	Nguyễn Tiến	Hoàng	01/02/97	1407				
42	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/94	1408				
43	1421050424	Nguyễn Thị	Huệ	10/01/96	1409				
44	1321050566	Lâm Mạnh	Hùng	29/01/95	1410				
45	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/96	1411				
46	1521030230	Nguyễn Quốc	Hùng	30/05/97	1412				
47	1521050130	Phạm Tiến	Hùng	13/10/96	1413				
48	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/96	1414				
49	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/96	1415				
50	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/95	1416				
51	1521080173	Phan Công	Huy	19/12/97	1417				
52	1321060148	Vũ Văn	Huy	01/07/95	1418				
53	1524010184	Bùi Thị Thu	Huyền	30/03/97	1419				
54	1321010182	Hà Văn	Huỳnh	27/07/94	1420				
55	1121060076	Nguyễn Xuân	Hưng	12/09/93	1421				
56	1221050190	Bùi Thị	Hương	05/08/94	1422				
57	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/96	1423				
58	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/95	1424				
59	1121060086	Phạm Thanh	Lâm	27/08/93	1425				
60	1521080190	Nguyễn Tuấn	Linh	12/10/96	1426				
61	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/95	1427				
62	1321010216	Đỗ Thành	Long	03/04/95	1428				
63	1421060161	Nguyễn Ngọc	Long	06/11/96	1429				
64	1421020448	Nguyễn Thế	Long	05/01/94	1430				
65	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/97	1431				
66	1321040172	Nguyễn Đức	Mạnh	16/04/95	1432				
67	1421070080	Nguyễn Học	Mạnh	02/02/96	1433				
68	1421040187	Mai Ngọc	Minh	02/08/95	1434				
69	1321030154	Nguyễn Đức	Nam	11/12/94	1435				
70	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/95	1436				
71	1421030475	Nguyễn Hữu	Ngọc	09/09/96	1437				
72	1321060206	Nguyễn Đăng	Nguyên	10/02/95	1438				
73	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/96	1439				
74	1221050079	Khúc Vũ	Phong	20/12/94	1440				
75	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/94	1441				
76	1421040220	Trịnh Minh	Quang	08/08/96	1442				
77	1221010280	Nguyễn Anh	Quân	31/07/94	1443				
78	1421040225	Nguyễn Văn	Quân	01/09/95	1444				
79	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/97	1445				
80	1421020131	Phạm Như	Quyền	20/05/96	1446				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421030521	Lê Văn	Sao	30/10/95	1447				
82	1421070104	Trần Đình	Sông	10/04/96	1448				
83	1121040407	Nguyễn Đức	Sơn	01/04/93	1449				
84	1421050170	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/11/96	1450				
85	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/96	1451				
86	1321030816	Đình Văn	Sỹ	02/03/95	1452				
87	1521080245	Cao Văn	Thành	24/12/97	1453				
88	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/96	1454				
89	1221040239	Dương Đức	Thắng	13/05/94	1455				
90	1321060293	Lê Đình	Thiện	08/10/95	1456				
91	1421050615	Nguyễn Văn	Thiện	13/01/96	1457				
92	1424010187	Tạ Văn	Thuận	27/04/96	1458				
93	1421060593	Mê Quang	Thương	30/10/94	1459				
94	1221040260	Lương Xuân	Thường	25/04/94	1460				
95	1411050072	Nguyễn Thủy	Tiên	30/12/96	1461				
96	1421020609	Dương Ngọc	Tiến	27/01/96	1462				
97	1221011087	Nguyễn Thanh	Toàn	20/11/93	1463				
98	1421030209	Nguyễn Văn	Triển	12/07/93	1464				
99	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	06/02/96	1465				
100	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/96	1466				
101	1321040305	Hoàng Văn	Trung	10/08/95	1467				
102	1321040307	Lưu Quang	Trung	30/06/95	1468				
103	1221060155	Tạ Thế	Trung	19/12/94	1469				
104	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/93	1470				
105	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/96	1471				
106	1421040310	Phạm Xuân	Trường	16/12/96	1472				
107	1421020650	Nguyễn Văn	Tuân	01/10/95	1473				
108	1421060299	Vũ Minh	Tuấn	02/11/95	1474				
109	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/96	1475				
110	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/95	1476				
111	1321050218	Trần Xuân	Tùng	18/05/95	1477				
112	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/96	1478				
113	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/94	1479				
114	1421080429	Nguyễn Tuấn	Vũ	31/10/94	1480				
115	1521030136	Kiều Thị	Yến	23/07/97	1481				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050002	Nguyễn Việt	An	01/08/96	1482				
2	1221060001	Bùi Thế	Anh	01/04/93	1483				
3	1421030242	Đặng Tuấn	Anh	23/07/95	1484				
4	1321040032	Phạm Đức	Cương	24/12/95	1485				
5	1421020027	Lưu Văn	Cường	07/07/96	1486				
6	1421050029	Nguyễn Quốc	Cường	19/12/96	1487				
7	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/91	1488				
8	1321020464	Nguyễn Văn	Duy	19/08/95	1489				
9	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/96	1490				
10	1221040047	Nguyễn Ngọc	Dương	11/11/94	1491				
11	1221060028	Đinh Tiến	Đạt	02/03/94	1492				
12	1421060073	Đinh Quang	Điều	01/01/96	1493				
13	1221060033	Đinh Văn	Đức	08/06/94	1494				
14	1321040081	Nguyễn Xuân	Giáp	18/09/94	1495				
15	1221020292	Đoàn Minh	Hải	06/05/94	1496				
16	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/96	1497				
17	1321020091	Trương Đình	Hậu	19/08/95	1498				
18	1321020100	Nguyễn Huy	Hiệu	30/03/95	1499				
19	1421060113	Lê Việt	Hoàng	24/03/96	1500				
20	1421050081	Nguyễn Văn	Huy	03/05/96	1501				
21	1321050099	Trần Thị	Hương	04/12/95	1502				
22	1221070078	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/93	1503				
23	1321030113	Đỗ Trung	Kiên	03/03/95	1504				
24	1321020132	Nguyễn Ngọc	Kiên	26/04/94	1505				
25	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/96	1506				
26	1321060163	Hoàng Đại	Lâm	29/10/95	1507				
27	1421080056	Nguyễn Duy	Linh	15/10/96	1508				
28	1421020003L	Kanlaya	Luangla	05/09/94	1509				
29	1221070102	Phạm Quang	Minh	09/07/94	1510				
30	1321040181	Nguyễn Hoàng	Nam	19/09/95	1511				
31	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/95	1512				
32	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/96	1513				
33	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/94	1514				
34	1421060518	Nguyễn Đăng	Ninh	11/03/96	1515				
35	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/96	1516				
36	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/97	1517				
37	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/97	1518				
38	1321030195	Đoàn Văn	Sơn	29/10/95	1519				
39	1521040152	Lương Duy	Tân	28/01/97	1520				
40	1321050177	Cao Thế	Thái	24/12/95	1521				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050183	Trần Danh	Thanh	14/02/96	1522				
42	1421030180	Đặng Phương	Thảo	28/03/96	1523				
43	1321020715	Đỗ Thu	Thảo	02/06/95	1524				
44	1421030187	Đỗ Duy	Thắng	02/04/96	1525				
45	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/95	1526				
46	1321040267	Trần Xuân	Thế	26/12/95	1527				
47	1321040277	Đinh Công	Thịnh	24/10/95	1528				
48	1421050630	Hồ Huy	Thùy	24/04/95	1529				
49	1221040262	Hoàng Xuân	Tiến	22/10/94	1530				
50	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/96	1531				
51	1421050205	Nguyễn Ngọc	Tiến	12/01/95	1532				
52	1421020618	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/95	1533				
53	1321070196	Phùng Đức	Toàn	02/10/95	1534				
54	1221020163	Lý Đức	Trung	28/05/94	1535				
55	1321050213	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/09/95	1536				
56	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/95	1537				
57	1221060171	Phạm Anh	Tuấn	22/06/94	1538				
58	1421080417	Bùi Đỗ	Tùng	16/11/94	1539				
59	1221040306	Trương Tiến	Tùng	05/07/94	1540				
60	1421020705	Nguyễn Hồng	Xuân	29/04/96	1541				
61	1421010390	Trần Hương	Xuân	20/09/96	1542				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030394	Đỗ Ngọc	Anh	05/10/97	1543				
2	1321030002	Đỗ Việt	Anh	11/12/95	1544				
3	1221050145	Hà Thế	Anh	28/06/93	1545				
4	1531070003	Trần Công	Anh	05/04/	1546				
5	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/97	1547				
6	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/95	1548				
7	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/96	1549				
8	1321050017	Nguyễn Ngọc	Bích	14/11/94	1550				
9	1531040401	Nguyễn Hoàng Bảo	Chân	12/07/94	1551				
10	1421070015	Lưu Trọng	Chung	03/03/93	1552				
11	1321040433	Nguyễn Văn	Công	20/08/94	1553				
12	1421030021	Văn	Công	10/12/96	1554				
13	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/96	1555				
14	1321050461	Vũ Thị Kim	Dung	06/10/95	1556				
15	1321020455	Bùi Thế	Dũng	28/07/95	1557				
16	1221050025	Phạm Văn	Duy	16/02/93	1558				
17	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/94	1559				
18	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/95	1560				
19	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/97	1561				
20	1521050170	Đồng Văn	Đạt	04/04/97	1562				
21	1221010087	Nguyễn Tuấn	Đạt	26/10/94	1563				
22	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/95	1564				
23	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/96	1565				
24	1531040402	Lê Xuân	Độ	30/11/93	1566				
25	1321040477	Lã Hải	Hà	16/08/95	1567				
26	1531070022	Hoàng Phi	Hải	18/08/	1568				
27	1421040095	Nông Văn	Hàn	06/01/96	1569				
28	1421030346	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/09/96	1570				
29	1521020383	Dương Xuân	Hùng	03/02/95	1571				
30	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/96	1572				
31	1321011044	Lê Quốc	Hùng	23/04/95	1573				
32	1531040403	Triệu Văn	Huy	02/01/94	1574				
33	1321040131	Nguyễn Văn	Huyền	01/02/95	1575				
34	1421060140	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/95	1576				
35	1321030647	Nguyễn Thế	Khang	22/02/95	1577				
36	1421030112	Phí Ngọc	Kiểm	22/03/95	1578				
37	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/97	1579				
38	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/95	1580				
39	1221020353	Phạm Thị	Liên	18/10/94	1581				
40	1221070090	Lê Văn	Linh	09/11/94	1582				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221030091	Trương Thế	Linh	05/11/94	1583				
42	1321080058	Nguyễn Thị	Lương	15/10/95	1584				
43	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/94	1585				
44	1421020108	Nguyễn Văn	Minh	30/03/96	1586				
45	1421080433	Dương Hoàng	Nam	31/08/96	1587				
46	1321040185	Trần Hoài	Nam	14/08/95	1588				
47	1521080356	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/06/97	1589				
48	1421010221	Lê Minh	Ngọc	14/05/96	1590				
49	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/95	1591				
50	1221070250	Nguyễn Thị Hồng	Nhâm	11/10/92	1592				
51	1421080085	Kiều Hồng	Nhung	05/06/96	1593				
52	1421060209	Bùi Sỹ	Phụng	09/02/96	1594				
53	1521040346	Dương Minh	Phuong	24/03/97	1595				
54	1411060134	Phạm Nhật	Quang	01/01/96	1596				
55	1421020517	Nguyễn Văn	Quảng	20/10/93	1597				
56	1221010280	Nguyễn Anh	Quân	31/07/94	1598				
57	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/94	1599				
58	1121040407	Nguyễn Đức	Sơn	01/04/93	1600				
59	1221020131	Đặng Duy	Tài	05/04/93	1601				
60	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/97	1602				
61	1421040240	Nguyễn Minh	Tân	19/04/94	1603				
62	1321040565	Nguyễn Văn	Tân	19/05/95	1604				
63	1421060245	Lê Chung	Thái	04/05/96	1605				
64	1221020137	Nguyễn Văn	Thanh	22/09/94	1606				
65	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/97	1607				
66	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/95	1608				
67	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/94	1609				
68	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	07/10/94	1610				
69	1531070058	Nhữ Duy	Tiêm	23/03/	1611				
70	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/97	1612				
71	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/96	1613				
72	1521080012	Nguyễn Văn	Toàn	14/07/96	1614				
73	1421050214	Trần Thanh	Toàn	18/09/96	1615				
74	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/96	1616				
75	1521080272	Nguyễn Tiến	Triển	15/06/96	1617				
76	1421030209	Nguyễn Văn	Triển	12/07/93	1618				
77	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/95	1619				
78	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/97	1620				
79	1531070063	Nguyễn Đắc	Trưởng	15/02/	1621				
80	1321040595	Nguyễn Minh	Tú	09/07/95	1622				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/94	1623				
82	1411070046	Lê Anh	Tuấn	19/05/96	1624				
83	1221060176	Ngô Văn	Tùng	27/07/93	1625				
84	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/97	1626				
85	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/97	1627				
86	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/97	1628				
87	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/95	1629				
88	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/97	1630				
89	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/96	1631				
90	1421080429	Nguyễn Tuấn	Vũ	31/10/94	1632				
91	1531070071	Dương Quốc	Vương	29/01/	1633				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020003	Nguyễn Bá	An	17/05/95	1634				
2	1421070001	Nguyễn Tiến	An	16/03/96	1635				
3	1321020004	Nguyễn Trường	An	22/02/95	1636				
4	1321050002	Đoàn Thị Vân	Anh	11/11/95	1637				
5	1421060008	Nguyễn Văn	Anh	08/11/96	1638				
6	1421020010	Nguyễn Việt Tuấn	Anh	12/10/93	1639				
7	1531040400	Trần Tuấn	Anh	11/07/94	1640				
8	1321030015	Vũ Thị Ngọc	ánh	10/12/94	1641				
9	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/96	1642				
10	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/95	1643				
11	1421030014	Trần Văn	Chiến	21/05/92	1644				
12	1321030269	Mai Quý	Cường	03/03/95	1645				
13	1421060349	Nguyễn Đăng	Cường	17/08/96	1646				
14	1421020269	Vũ Tuấn	Dũng	14/04/96	1647				
15	1321030479	Vũ Văn	Dũng	21/02/95	1648				
16	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/96	1649				
17	1421030035	Nguyễn Trọng	Dương	13/11/93	1650				
18	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/97	1651				
19	1221010105	Hoàng Anh	Đức	22/12/94	1652				
20	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/94	1653				
21	1421050050	Ngô Quang	Đức	22/07/96	1654				
22	1221010107	Nguyễn Trung	Đức	03/05/94	1655				
23	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/96	1656				
24	1221020051	Ngô Đức	Giang	13/04/94	1657				
25	1531040010	Nguyễn Văn	Hà	20/03/	1658				
26	1321020519	Trần Minh	Hải	14/11/95	1659				
27	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/94	1660				
28	1221060283	Nguyễn Bá	Hiệp	01/11/92	1661				
29	1321030077	Nguyễn Minh	Hiếu	01/06/95	1662				
30	1421070049	Lại Minh	Hiệu	17/10/96	1663				
31	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/97	1664				
32	1221050238	Nguyễn Quang	Hoàn	02/06/92	1665				
33	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/91	1666				
34	1421010128	Doãn Huy	Hoàng	10/08/96	1667				
35	1421020070	Nguyễn Duy	Hoàng	22/01/96	1668				
36	1321010163	Trần Huy	Hoàng	25/09/95	1669				
37	1321020551	Nguyễn Việt	Hội	06/04/95	1670				
38	1421030088	Nguyễn Tiến	Hùng	12/09/95	1671				
39	1421020388	Cao Văn	Huy	03/11/96	1672				
40	1321020118	Phạm Văn	Huy	04/03/95	1673				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050084	Trần Thị	Huyền	17/06/96	1674				
42	1321020121	Hà Văn	Hưng	27/11/95	1675				
43	1421040136	Lù Mạnh	Hưng	20/09/96	1676				
44	1221050288	Lê Nhật	Lịch	11/01/94	1677				
45	1221020359	Lê Bá	Linh	02/03/94	1678				
46	1221050064	Phan Thị Mỹ	Linh	08/08/94	1679				
47	1521060144	Bùi Phi	Long	02/04/97	1680				
48	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/97	1681				
49	1521010218	Nguyễn Đức	Long	14/05/97	1682				
50	1121011038	Vũ Thành	Long	21/05/93	1683				
51	1221040153	Nguyễn Trọng	Luân	15/11/94	1684				
52	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	14/06/96	1685				
53	1321030144	Lê Ngọc	Mạnh	03/08/94	1686				
54	1221030106	Dương Công	Minh	13/11/93	1687				
55	1421010204	Nguyễn Văn	Minh	22/08/96	1688				
56	1531040405	Phạm Hữu	Nghị	07/09/93	1689				
57	1221050324	Nguyễn Duy	Ngọc	18/02/94	1690				
58	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/95	1691				
59	1521010318	Lê Thanh	Nhân	02/05/96	1692				
60	1421050150	Bùi Đăng	Ninh	15/07/96	1693				
61	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/97	1694				
62	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/97	1695				
63	1421060211	Phạm Thái	Phương	25/02/96	1696				
64	1421030154	Bùi Duy	Quang	16/01/96	1697				
65	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/94	1698				
66	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/97	1699				
67	1221040198	Phạm Ngọc	Quang	10/11/94	1700				
68	1221080059	Lê Bảo	Quân	13/05/94	1701				
69	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/96	1702				
70	1321030189	Hoàng Tứ	Quý	10/11/95	1703				
71	1321020176	Lưu Xuân	Quý	12/09/93	1704				
72	1321030814	Nguyễn Công	Sự	10/04/95	1705				
73	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/96	1706				
74	1421060237	Nguyễn Tiến	Tài	24/08/95	1707				
75	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/96	1708				
76	1421070109	Đào Nguyên	Tấn	10/01/96	1709				
77	1321070162	Nguyễn Gia	Tấn	05/01/95	1710				
78	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/95	1711				
79	1321010321	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/01/93	1712				
80	1421050189	Phạm Thế	Thắng	05/06/95	1713				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221040242	Phạm Văn	Thắng	21/04/94	1714				
82	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	03/11/94	1715				
83	1321050194	Hoàng Sỹ	Thông	03/02/94	1716				
84	1321030228	Đặng Văn	Thuần	10/10/95	1717				
85	1221030152	Lý Thị	Thùy	30/09/93	1718				
86	1321040288	Trịnh Văn	Thư	25/11/95	1719				
87	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/94	1720				
88	1221020153	Hoàng Mạnh	Tiến	24/10/94	1721				
89	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/96	1722				
90	1221040265	Trần Bá	Tiến	08/06/94	1723				
91	1321040584	Lê Văn	Tĩnh	05/04/94	1724				
92	1421050213	Nguyễn Hữu	Toàn	26/08/96	1725				
93	1421030583	Phạm Thị	Trang	15/04/96	1726				
94	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/97	1727				
95	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/97	1728				
96	1421070128	Nguyễn Khắc	Trung	10/04/96	1729				
97	1221010371	Phạm Đức	Trung	28/08/94	1730				
98	1521050301	Phùng Quốc	Trung	04/07/96	1731				
99	1421060285	Tạ Xuân	Trưởng	24/08/96	1732				
100	1521070403	Phạm Văn	Tuấn	22/10/96	1733				
101	1321030256	Trần Quang	Tuấn	13/11/95	1734				
102	1321030259	Đỗ Thanh	Tùng	17/06/95	1735				
103	1321060671	Trần Văn	Tuyển	17/10/95	1736				
104	1221020182	Ngô Quốc	Việt	11/09/93	1737				
105	1321040330	Đoàn Đức	Vinh	21/11/95	1738				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060274	Trần Nhân	ái	25/04/97	1739				
2	1221020232	Nguyễn Bá	Anh	23/10/92	1740				
3	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/95	1741				
4	1321030425	Ngô Đức	Bảo	01/09/95	1742				
5	1321040019	Trần Quang	Bình	06/10/95	1743				
6	1221080007	Chu Hữu	Chiến	23/12/94	1744				
7	1521050255	Đoàn Văn	Duân	04/12/94	1745				
8	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	08/12/96	1746				
9	1321020475	Đỗ Thành	Đạt	20/03/95	1747				
10	1221030033	Đinh Văn	Đô	22/01/93	1748				
11	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/97	1749				
12	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/96	1750				
13	1321070490	Hoàng Chiến	Hào	16/09/94	1751				
14	1321040089	Nguyễn Minh	Hào	05/04/95	1752				
15	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/96	1753				
16	1221040091	Nguyễn Trung	Hiếu	28/09/93	1754				
17	1524010033	Nguyễn Trung	Hiếu	09/08/97	1755				
18	1421040114	Lê Văn	Hoan	01/10/96	1756				
19	1221040099	Vũ Ngọc	Hoàn	16/06/94	1757				
20	1321060141	Vương Văn	Hùng	17/06/94	1758				
21	1321030097	Nguyễn Đăng Quang	Huy	17/09/95	1759				
22	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/96	1760				
23	1221010174	Đỗ Văn	Khang	11/12/94	1761				
24	1321080464	Vũ Đình	Kiên	22/04/95	1762				
25	1221011040	Phạm Hoàng	Kim	02/05/94	1763				
26	1321060163	Hoàng Đại	Lâm	29/10/95	1764				
27	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/95	1765				
28	1421030124	Phạm Văn	Long	22/11/95	1766				
29	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/97	1767				
30	1221040163	Hoàng Quốc	Mạnh	09/05/93	1768				
31	1221020097	Vũ Văn	Mậu	19/10/94	1769				
32	1321011074	Nguyễn Quang	Minh	28/08/95	1770				
33	1221020400	Trần Đình	Nam	08/05/94	1771				
34	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/95	1772				
35	1221060095	Trần Anh	Ngọc	27/10/94	1773				
36	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/95	1774				
37	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/96	1775				
38	1421040476	Lâm Văn	Phúc	28/06/96	1776				
39	1321030797	Hồ Hữu	Quý	13/03/95	1777				
40	1321060237	Hoàng Văn	Quỳnh	19/12/95	1778				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1121040226	Phạm Đắc	Sơn	29/07/93	1779				
42	1221040214	Vũ Hồng	Sơn	18/10/94	1780				
43	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/95	1781				
44	1521050225	Nguyễn Quang	Thạo	19/08/97	1782				
45	1421050630	Hồ Huy	Thùy	24/04/95	1783				
46	1321060307	Đặng Ngọc	Tiến	06/12/95	1784				
47	1421050205	Nguyễn Ngọc	Tiến	12/01/95	1785				
48	1421040286	Nguyễn Tân	Tiến	16/01/96	1786				
49	1421070492	Đỗ Văn	Tranh	06/01/96	1787				
50	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/96	1788				
51	1221010371	Phạm Đức	Trung	28/08/94	1789				
52	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/94	1790				
53	1421030214	Ninh Văn	Trường	09/04/96	1791				
54	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/96	1792				
55	1421080411	Ngô Minh	Tuấn	10/09/96	1793				
56	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/96	1794				
57	1421020187	Vương Văn	Tuấn	29/05/96	1795				
58	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/96	1796				
59	1421020190	Trần Văn	Tùng	02/04/95	1797				
60	1421020192	Lê Thanh	Vân	12/08/96	1798				
61	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/91	1799				
62	1521030078	Đinh Hoàng	Việt	26/08/97	1800				
63	1311040146	Lê Văn	Vượng	14/10/95	1801				
64	1421010390	Trần Hương	Xuân	20/09/96	1802				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070151	Chu Xuân	Anh	10/06/94	1803				
2	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/97	1804				
3	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/97	1805				
4	1311040012	Lê Thành	Chung	25/02/95	1806				
5	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/96	1807				
6	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/94	1808				
7	1521010379	Nguyễn Hồng	Dũng	27/09/96	1809				
8	1521080025	Nguyễn Phương	Duy	06/05/97	1810				
9	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/96	1811				
10	1221020040	Nguyễn Viết	Đệ	30/08/93	1812				
11	1221030213	Phạm Văn	Đông	15/03/93	1813				
12	1321020074	Hoàng Văn	Đức	29/09/95	1814				
13	1521050008	Nguyễn Minh	Đức	20/05/97	1815				
14	1321040078	Nguyễn Văn	Giang	03/09/95	1816				
15	1421040096	Vũ Đức	Hạnh	17/08/96	1817				
16	1521060212	Đỗ Văn	Hậu	14/05/97	1818				
17	1421050403	Dương Tiến	Hiệu	12/01/96	1819				
18	1121020233	Bế Tuấn	Hoàng	16/06/92	1820				
19	1521060322	Phạm Đỗ Việt	Hoàng	29/08/97	1821				
20	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/97	1822				
21	1521050245	Bùi Sĩ	Hùng	20/11/97	1823				
22	1521030230	Nguyễn Quốc	Hùng	30/05/97	1824				
23	1411050035	Nguyễn Quốc	Huy	18/09/96	1825				
24	1521080173	Phan Công	Huy	19/12/97	1826				
25	1321020121	Hà Văn	Hưng	27/11/95	1827				
26	1421080046	Nguyễn Hữu	Hưng	13/08/96	1828				
27	1221020084	Phạm Trung	Kiên	24/04/94	1829				
28	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/97	1830				
29	1521050229	Phạm Quý	Lâm	18/11/97	1831				
30	1121060086	Phạm Thanh	Lâm	27/08/93	1832				
31	1421030421	Phạm Tùng	Lâm	09/10/95	1833				
32	1221020359	Lê Bá	Linh	02/03/94	1834				
33	1521080190	Nguyễn Tuấn	Linh	12/10/96	1835				
34	1421060161	Nguyễn Ngọc	Long	06/11/96	1836				
35	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/97	1837				
36	1321050126	Lưu Thị	Mai	24/06/95	1838				
37	1421020104	Lê Văn	Mạnh	14/10/96	1839				
38	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/95	1840				
39	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/96	1841				
40	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/96	1842				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1311020050	Nguyễn Văn	Ninh	29/10/94	1843				
42	1421050153	Nguyễn Tấn	Phong	02/07/96	1844				
43	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/95	1845				
44	1521050215	Nguyễn Thị	Phuong	29/10/97	1846				
45	1421060529	Nguyễn Việt	Phuong	05/07/96	1847				
46	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/96	1848				
47	1321020172	Lê Sỹ	Quân	25/09/95	1849				
48	1321030189	Hoàng Tứ	Quý	10/11/95	1850				
49	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/95	1851				
50	1421020139	Lâm Hữu	Sự	14/12/95	1852				
51	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/96	1853				
52	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/96	1854				
53	1521050310	Vũ Thanh	Thảo	07/10/96	1855				
54	1321040572	Nguyễn Mạnh	Thieu	16/06/95	1856				
55	1221040251	Hoàng Đức	Thịnh	01/01/94	1857				
56	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/96	1858				
57	1421020609	Dương Ngọc	Tiến	27/01/96	1859				
58	1221070153	Trịnh Quang	Tiến	03/10/93	1860				
59	1521060393	Nguyễn Quốc	Tinh	18/11/97	1861				
60	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/96	1862				
61	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/95	1863				
62	1521070037	Vũ Thanh	Tùng	08/10/97	1864				
63	1321060672	Nguyễn Văn	Tuyến	22/10/94	1865				
64	1321030984	Nguyễn Văn	Vinh	23/08/95	1866				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080086	Vũ Đoàn Thanh	An	07/10/97	1867				
2	1221050145	Hà Thế	Anh	28/06/93	1868				
3	1421080005	Nguyễn Ngọc	Anh	13/06/96	1869				
4	1521050258	Nguyễn Tuấn	Anh	10/06/97	1870				
5	1421080500	Tạ Vũ Việt	Anh	06/12/96	1871				
6	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/97	1872				
7	1221070204	Nguyễn Hữu	Cường	05/06/94	1873				
8	1321010061	Nguyễn Huy	Dân	21/06/95	1874				
9	1421020257	Phạm Đường	Dân	06/03/96	1875				
10	1421060043	Cư Seo	Diu	22/06/96	1876				
11	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/95	1877				
12	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/95	1878				
13	1221010071	Đỗ Công	Duy	28/10/94	1879				
14	1321030487	Hoàng Đại	Dương	29/11/95	1880				
15	1321020059	Trần Thị Thùy	Dương	31/10/94	1881				
16	1221020032	Trương Văn	Dương	18/09/94	1882				
17	1321011023	Lê Nhiên	Định	25/01/95	1883				
18	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	02/08/94	1884				
19	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	01/04/96	1885				
20	1521060179	Nguyễn Thị	Hào	12/11/97	1886				
21	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/97	1887				
22	1221040093	Vũ Đình Minh	Hiếu	03/09/94	1888				
23	1424010334	Đỗ Thị	Hoa	17/01/95	1889				
24	1411050030	Nguyễn Thị	Hoa	30/08/96	1890				
25	1521050062	Bùi Xuân	Hoàng	17/05/96	1891				
26	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/96	1892				
27	1521030052	Phạm Quốc	Hoạt	23/05/96	1893				
28	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/93	1894				
29	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/93	1895				
30	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/97	1896				
31	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/95	1897				
32	1421060148	Đàm Dương	Khánh	15/12/96	1898				
33	1521060030	Nguyễn Huy	Khương	03/06/97	1899				
34	1421060154	Phạm Tùng	Lâm	13/02/96	1900				
35	1321010436	Trương Văn	Linh	23/11/94	1901				
36	1321060172	Trần Văn	Lợi	15/08/95	1902				
37	1421070076	Đàm Ngọc	Luân	12/09/96	1903				
38	1421050117	Hoàng Tiến	Lực	24/08/95	1904				
39	1321080058	Nguyễn Thị	Lương	15/10/95	1905				
40	1521080199	Nguyễn Thị	Mai	02/08/97	1906				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1411050048	Cao Công	Minh	25/10/96	1907				
42	1411060116	Trần Công	Minh	01/09/96	1908				
43	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/97	1909				
44	1324010204	Nguyễn Thị Thùy	Nguyên	19/02/95	1910				
45	1521050207	Đặng Anh	Quân	06/07/97	1911				
46	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/96	1912				
47	1521030127	Hoàng Thị	Sen	18/10/97	1913				
48	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/93	1914				
49	1411060144	Nguyễn Văn	Sơn	17/07/96	1915				
50	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/95	1916				
51	1221040228	Hoàng Hữu	Thanh	21/04/93	1917				
52	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/95	1918				
53	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/97	1919				
54	1121030188	Nguyễn Văn	Trọng	17/06/93	1920				
55	1321030917	Trần Trọng	Trung	16/08/95	1921				
56	1021010387	Bùi Văn	Tuấn	17/06/92	1922				
57	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/95	1923				
58	1524010555	Nguyễn Thanh	Tùng	24/05/97	1924				
59	1321040325	Phạm Văn	Tuyển	20/11/95	1925				
60	1521060047	Đinh Văn	Tường	27/07/97	1926				
61	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/97	1927				
62	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/97	1928				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010302 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD203 Tiết bắt đầu: 8 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/95	1929				
2	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/95	1930				
3	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/95	1931				
4	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/96	1932				
5	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/96	1933				
6	1521010364	Nguyễn Thị	Hoa	08/02/97	1934				
7	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/95	1935				
8	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/96	1936				
9	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/95	1937				
10	0921060180	Phạm Ngọc	Hưng	04/05/91	1938				
11	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/95	1939				
12	1521010118	Phạm Văn	Kiên	22/09/97	1940				
13	1121010196	Đình Văn	Lâm	08/03/93	1941				
14	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/97	1942				
15	0921010310	Trương Bích	Mạnh	04/11/91	1943				
16	1321010227	Vũ Xuân	Mạnh	13/01/95	1944				
17	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/95	1945				
18	1321010235	Võ Anh	Mười	17/02/95	1946				
19	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/95	1947				
20	1221020393	Đoàn Đình	Nam	17/07/93	1948				
21	1121010418	Trương Công	Nam	29/07/92	1949				
22	1521010345	Phạm Thị	Ngân	22/02/97	1950				
23	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/95	1951				
24	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/95	1952				
25	0921050063	Nguyễn Thái	Thành	09/12/91	1953				
26	1421010365	Ngô Anh	Tuấn	16/04/96	1954				
27	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/96	1955				
28	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/91	1956				
29	1321010427	Lê Tuấn	Vũ	08/04/95	1957				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080131	Dương Thúy	Anh	19/10/96	1958				
2	1421080003	Lê Tuấn	Anh	08/01/95	1959				
3	1421020219	Tạ Hoàng	Anh	28/07/96	1960				
4	1421080009	Lã Văn	Chiều	01/02/96	1961				
5	1221080097	Lưu Thế	Dũng	16/10/92	1962				
6	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/95	1963				
7	1421010065	Trần Thị	Duyên	22/11/96	1964				
8	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/09/92	1965				
9	1321050488	Nguyễn Công	Đức	13/02/95	1966				
10	1421020313	Đỗ Đức	Giang	27/10/96	1967				
11	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/97	1968				
12	1421020331	Phạm Đình	Hải	15/11/95	1969				
13	1421080036	Đoàn Văn	Hiếu	21/07/96	1970				
14	1321010151	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/95	1971				
15	1321080032	Hoàng Thị	Hình	25/09/95	1972				
16	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/96	1973				
17	1221020301	Đặng Văn	Hùng	24/06/93	1974				
18	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/96	1975				
19	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/93	1976				
20	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/95	1977				
21	1421020709	Đỗ Quang	Huy	25/01/96	1978				
22	1421080235	Lê Quốc	Huy	26/04/96	1979				
23	1121020292	Mai Văn	Huy	07/03/93	1980				
24	1321080455	Trần Thanh	Huyền	16/08/95	1981				
25	1421030117	Bùi Huyền	Linh	18/11/96	1982				
26	1421020434	Lưu Quang	Linh	02/09/96	1983				
27	1421080061	Trần Thủy Đàm	Linh	18/12/96	1984				
28	1421080274	Nguyễn Hồng	Linh	05/10/96	1985				
29	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	08/08/96	1986				
30	1421080065	Nguyễn Thị	Lộc	23/09/96	1987				
31	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/95	1988				
32	1421080292	Tổng Hà	My	15/10/96	1989				
33	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/96	1990				
34	1421080293	Lê Thế	Nam	08/01/96	1991				
35	1421080078	Vũ Thị	Nga	15/11/96	1992				
36	1021020178	Phạm Văn	Nghị	17/02/90	1993				
37	1321080488	Nguyễn Anh	Ngọc	09/10/95	1994				
38	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/96	1995				
39	1421080086	Lường Thị	Nhung	14/09/96	1996				
40	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/96	1997				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/96	1998				
42	1421020124	Đặng Anh	Phúc	04/02/96	1999				
43	1421080332	Kiều Thị	Phượng	06/09/96	2000				
44	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/96	2001				
45	1421080343	Lâm Phước	Sơn	14/05/96	2002				
46	1421020138	Phạm Thành	Sơn	04/11/96	2003				
47	1421020139	Lâm Hữu	Sự	14/12/95	2004				
48	1421080104	Trần Minh	Tâm	23/11/96	2005				
49	1321040246	Bùi Hồng	Thái	24/11/95	2006				
50	1421040248	Nguyễn Thị	Thanh	23/08/96	2007				
51	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/96	2008				
52	1321080106	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/08/95	2009				
53	1421080400	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/10/96	2010				
54	1221020526	Vì Quang	Trung	05/03/94	2011				
55	1221010378	Trần Văn	Trường	25/06/94	2012				
56	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/95	2013				
57	1421020187	Vương Văn	Tuấn	29/05/96	2014				
58	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/91	2015				
59	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/95	2016				
60	1421020678	Trần Minh	Tùng	11/02/96	2017				
61	1421080423	Trần Hữu	Văn	30/09/96	2018				
62	1321080118	Nguyễn Thị	Xuyến	11/06/95	2019				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040009	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/94	2020				
2	1321010017	Phạm Tuấn	Anh	02/02/94	2021				
3	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/94	2022				
4	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/96	2023				
5	1321020024	Nguyễn Danh	Cánh	11/11/95	2024				
6	1221040357	Hoàng Văn	Cầm	24/10/94	2025				
7	1321080007	Lương Thị	Chào	09/01/95	2026				
8	1221040022	Ngô Đình	Chiến	17/10/94	2027				
9	1221020018	Lê Việt	Cường	30/12/94	2028				
10	1221080095	Tạ Hùng	Cường	06/12/93	2029				
11	1321040045	Bùi Tiến	Dũng	29/04/95	2030				
12	1421080013	Doãn Văn	Dũng	01/08/96	2031				
13	1121030247	Hoàng Đức	Dũng	28/08/93	2032				
14	1421020283	Lê Quốc	Đạt	15/06/96	2033				
15	1321020062	Nguyễn Huy	Đạt	19/12/95	2034				
16	1221020213	Đào Ngọc	Điệp	28/07/94	2035				
17	1421080190	Nguyễn Anh	Đức	13/01/96	2036				
18	1321050488	Nguyễn Công	Đức	13/02/95	2037				
19	1421020309	Nguyễn Văn	Đức	08/08/96	2038				
20	1321010128	Nguyễn Hoàng	Hà	04/03/95	2039				
21	1221020292	Đoàn Minh	Hải	06/05/94	2040				
22	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/96	2041				
23	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/96	2042				
24	1421020357	Nguyễn Minh	Hiếu	26/07/96	2043				
25	1321080032	Hoàng Thị	Hình	25/09/95	2044				
26	1221040096	Phạm Trọng	Hoan	03/11/93	2045				
27	1121020286	Trần Minh	Hoàng	17/02/93	2046				
28	1421040133	Đào Thị	Huyền	16/11/96	2047				
29	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/95	2048				
30	1421080261	Ngô Mỹ	Linh	02/07/96	2049				
31	1321040159	Ngô Thị Ngọc	Loan	30/05/95	2050				
32	1321040621	Tạ Phương	Loan	08/10/95	2051				
33	1521020103	Lý Đình	Long	05/05/95	2052				
34	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/96	2053				
35	1421020003L	Kanlaya	Luangla	05/09/94	2054				
36	1321030700	Đỗ Văn	Luân	04/09/95	2055				
37	1421020112	Bùi Thanh	Nam	25/11/93	2056				
38	1421080077	Nguyễn Thị Thu	Nga	08/02/96	2057				
39	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/96	2058				
40	1321080488	Nguyễn Anh	Ngọc	09/10/95	2059				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221020421	Nguyễn Xuân	Phan	26/10/94	2060				
42	1321080073	Hoàng Thị Hà	Phuong	21/07/95	2061				
43	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phuong	28/06/96	2062				
44	1421080094	Nguyễn Thị Thu	Phuong	13/06/96	2063				
45	1421080095	Nông Quốc	Phuong	27/12/96	2064				
46	1321080498	Đinh Xuân	Quang	10/01/95	2065				
47	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/96	2066				
48	1321020702	Vũ Thái	Sơn	21/09/95	2067				
49	1221020133	Nguyễn Tiến	Tài	09/01/94	2068				
50	1221040224	Phan Văn	Tấn	01/03/94	2069				
51	1421080107	Trịnh Xuân	Thành	17/05/96	2070				
52	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/94	2071				
53	1321010340	Lê Đôn	Thịnh	10/07/94	2072				
54	1321040576	Trần Thị	Thủy	10/01/93	2073				
55	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	27/08/95	2074				
56	1421080115	Nguyễn Tiến	Trọng	20/02/94	2075				
57	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/94	2076				
58	1431080005	Nguyễn Văn Thành	Trung	19/05/93	2077				
59	1221040285	Nguyễn Văn	Trương	09/09/94	2078				
60	1421040551	Lương Thị Cẩm	Tú	01/07/95	2079				
61	1221020170	Đặng Quang	Tuấn	10/10/94	2080				
62	1321040321	Bùi Tiến	Tùng	01/11/95	2081				
63	1221040301	Nguyễn Hữu	Tùng	23/08/94	2082				
64	1321010410	Trần Văn	Tùng	30/03/95	2083				
65	1221080085	Dương Huy	Vinh	26/06/94	2084				
66	1321010428	Nguyễn Văn	Vương	22/09/95	2085				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221070503D	Bùi Văn	ái	21/09/93	2086				
2	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/96	2087				
3	1421070151	Chu Xuân	Anh	10/06/94	2088				
4	1421040360	Nguyễn Hoàng	Anh	06/07/96	2089				
5	1221040011	Phạm Tuấn	Anh	22/09/94	2090				
6	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/96	2091				
7	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/98	2092				
8	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/97	2093				
9	1421020253	Lại Xuân	Cường	19/09/96	2094				
10	1221011020	Đỗ Bình	Dân	27/09/92	2095				
11	1321010062	Phạm Văn	Dân	23/06/95	2096				
12	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/97	2097				
13	1321030486	Vũ Đình	Duy	28/11/95	2098				
14	1321060078	Trịnh Lương	Đông	13/03/95	2099				
15	1121070006	Nguyễn Văn	Đồng	10/12/93	2100				
16	1311070011	Trần Minh	Đức	22/02/94	2101				
17	1021060043	Lã Xuân	Được	03/09/90	2102				
18	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/95	2103				
19	1221011131	Phạm Văn	Hành	22/08/94	2104				
20	1321040095	Nguyễn Ngọc	Hiệp	14/04/95	2105				
21	1421040113	Ngô Quang	Hòa	17/06/96	2106				
22	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	07/03/96	2107				
23	1311070018	Đỗ Công	Hùng	16/06/95	2108				
24	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/96	2109				
25	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/96	2110				
26	1221011042	Nguyễn Văn	Kỳ	17/10/94	2111				
27	1411040034	Đinh Thế	Kỳ	16/05/96	2112				
28	1411070028	Nguyễn Tiến	Linh	09/03/92	2113				
29	1411040039	Đỗ Văn	Long	10/08/96	2114				
30	1221040163	Hoàng Quốc	Mạnh	09/05/93	2115				
31	1321070122	Nguyễn Tiến	Mạnh	29/07/95	2116				
32	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/96	2117				
33	1221010257	Đặng Quý	Nhân	10/08/94	2118				
34	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/95	2119				
35	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/96	2120				
36	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/96	2121				
37	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/94	2122				
38	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/96	2123				
39	1321060232	Đoàn Văn	Quý	28/08/95	2124				
40	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/96	2125				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040233	Nguyễn Hữu	Sơn	18/11/95	2126				
42	1421060241	Triệu Minh	Tâm	22/04/96	2127				
43	1421040240	Nguyễn Minh	Tân	19/04/94	2128				
44	1221070141	Trần Duy	Thanh	09/03/94	2129				
45	1221040448	Lê Minh	Thành	16/03/94	2130				
46	1411040052	Lương Đức	Thành	08/08/96	2131				
47	1411040055	Phùng Kim	Thắng	14/12/96	2132				
48	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/95	2133				
49	1421070123	Hoàng Văn	Thống	17/05/94	2134				
50	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/95	2135				
51	1411040057	Trần Văn	Thùy	14/02/95	2136				
52	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/96	2137				
53	1221020161	Lại Khắc	Trung	16/07/94	2138				
54	1421070511	Lê Công	Tú	06/10/96	2139				
55	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/95	2140				
56	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/95	2141				
57	1421040563	Phạm Thanh	Tùng	19/12/96	2142				
58	1221020179	Bùi Đức	Tường	31/12/93	2143				
59	1311040146	Lê Văn	Vượng	14/10/95	2144				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD502 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511070004	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/97	2145				
2	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/97	2146				
3	1221040014	Trịnh Đức	Anh	06/07/93	2147				
4	1421020017	Đặng Văn	Bằng	05/12/96	2148				
5	1221050014	Lại Quang	Bằng	08/08/94	2149				
6	1421070195	Mai Văn	Cường	11/05/96	2150				
7	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/97	2151				
8	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/96	2152				
9	1421060043	Cư Seo	Điu	22/06/96	2153				
10	1321010075	Nguyễn Tiến	Dũng	14/02/95	2154				
11	1411070006	Đường Gia	Duy	24/06/95	2155				
12	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/96	2156				
13	1221070501D	Lò Hữu	Hải	01/06/93	2157				
14	1321060111	Lê Ngọc	Hiền	02/09/95	2158				
15	1221040091	Nguyễn Trung	Hiếu	28/09/93	2159				
16	1411040025	Vương Trung	Hiếu	15/04/96	2160				
17	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/95	2161				
18	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/95	2162				
19	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/95	2163				
20	1221040383	Lê Mạnh	Hùng	04/10/94	2164				
21	1321040118	Phạm Chí	Hùng	17/05/95	2165				
22	1521010005	Vũ Xuân	Hùng	01/08/94	2166				
23	1121060068	Lê Văn	Huy	12/10/93	2167				
24	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/95	2168				
25	1411040030	Phạm Quốc	Hưng	18/06/96	2169				
26	1221040136	Trần Trung	Kiên	11/07/94	2170				
27	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/95	2171				
28	1411040037	Nguyễn Ngọc	Linh	15/06/96	2172				
29	1421040166	Nguyễn Thị	Linh	29/03/96	2173				
30	1221020361	Nguyễn Văn	Linh	21/07/94	2174				
31	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/97	2175				
32	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/96	2176				
33	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/95	2177				
34	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	07/11/96	2178				
35	1421070086	Lê Nhật	Minh	04/04/96	2179				
36	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/95	2180				
37	1411040045	Trần Tuấn	Ninh	18/11/96	2181				
38	1221070115	Trần Tuấn	Phong	20/11/94	2182				
39	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/96	2183				
40	1421060211	Phạm Thái	Phương	25/02/96	2184				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221040200	Lê Văn	Quý	14/08/94	2185				
42	1421070102	Chào Láo	San	28/10/95	2186				
43	1421020554	Đào Đức	Tân	11/03/96	2187				
44	1321070163	Lê Văn	Tây	19/10/94	2188				
45	1321040246	Bùi Hồng	Thái	24/11/95	2189				
46	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/96	2190				
47	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/95	2191				
48	1411040069	Hoàng Anh	Thắng	08/04/95	2192				
49	1221040242	Phạm Văn	Thắng	21/04/94	2193				
50	1221040260	Lương Xuân	Thường	25/04/94	2194				
51	1221070154	Trần Xuân	Tín	16/07/93	2195				
52	1421040303	Phạm Văn	Tráng	25/03/96	2196				
53	1521070002	Nguyễn Đức	Trọng	20/11/96	2197				
54	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/95	2198				
55	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/95	2199				
56	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/96	2200				
57	1411040065	Trần Ngọc	Tuấn	13/11/96	2201				
58	1221040306	Trương Tiến	Tùng	05/07/94	2202				
59	1221020180	Hoàng Anh	Văn	17/03/94	2203				
60	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/95	2204				
61	1421040348	Lê	Vũ	07/09/96	2205				
62	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/97	2206				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040006	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/06/95	2207				
2	1511070004	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/97	2208				
3	1221040349	Phạm Tuấn	Anh	26/06/94	2209				
4	1321040009	Trần Đức	Anh	21/12/95	2210				
5	1221050014	Lại Quang	Bằng	08/08/94	2211				
6	1421040377	Nguyễn Văn	Cần	14/07/96	2212				
7	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/97	2213				
8	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/96	2214				
9	1321040047	Nguyễn Đăng	Dũng	28/12/95	2215				
10	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/94	2216				
11	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/96	2217				
12	1221040054	Nguyễn Tiến	Đạt	07/02/94	2218				
13	1321060076	Đặng Duy	Đông	19/05/95	2219				
14	1221040340	Lê Trung	Đức	02/10/94	2220				
15	1121040364	Đào Văn	Hiền	28/10/92	2221				
16	1221070055	Trần Văn	Hiệp	11/05/93	2222				
17	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/96	2223				
18	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/95	2224				
19	1021010141	Lê Hữu	Hoàng	11/10/92	2225				
20	1321040107	Vũ Minh	Hoàng	13/11/94	2226				
21	1121060068	Lê Văn	Huy	12/10/93	2227				
22	1121010197	Hà Sỹ	Lâm	24/09/93	2228				
23	1111030064	Nguyễn Đăng	Lịch	21/01/92	2229				
24	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/95	2230				
25	1421060178	Nguyễn Anh	Minh	03/08/96	2231				
26	1321011074	Nguyễn Quang	Minh	28/08/95	2232				
27	1211030118	Phạm Quý	Ninh	08/06/93	2233				
28	1521040346	Dương Minh	Phương	24/03/97	2234				
29	1221010271	Nguyễn Viết	Phượng	07/06/94	2235				
30	1021060107	Nguyễn Văn	Quang	28/06/91	2236				
31	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/96	2237				
32	1221040199	Nguyễn Hồng	Quân	10/06/94	2238				
33	1221070127	Nguyễn Đức	Quyên	24/01/93	2239				
34	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/96	2240				
35	1321040229	Lê Ngọc	Sơn	15/12/95	2241				
36	1421060552	Ngô Văn	Sơn	01/05/96	2242				
37	1221070132	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/94	2243				
38	1321040234	Nguyễn Ngọc	Sơn	20/05/95	2244				
39	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/96	2245				
40	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/96	2246				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060261	Nguyễn Hữu	Thái	21/09/94	2247				
42	1221040234	Nguyễn Công	Thành	24/06/94	2248				
43	1121040241	Nguyễn Văn	Thành	09/08/93	2249				
44	1121040242	Nguyễn Văn	Thành	13/03/93	2250				
45	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/95	2251				
46	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/96	2252				
47	1221010332	Đặng Trần	Thông	21/01/94	2253				
48	1221040260	Lương Xuân	Thường	25/04/94	2254				
49	1221040263	Lương Minh	Tiến	13/06/93	2255				
50	1221040266	Hoàng Xuân	Tín	10/10/94	2256				
51	1421070493	Ngô Minh	Trí	23/09/96	2257				
52	1121040332	Phạm Anh	Tuấn	01/10/92	2258				
53	1411040065	Trần Ngọc	Tuấn	13/11/96	2259				
54	1421040559	Bùi Duy	Tùng	26/09/94	2260				
55	1221010403	Đỗ Duy	Tùng	02/01/94	2261				
56	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/96	2262				
57	1321040323	Hoàng Thanh	Tùng	08/05/93	2263				
58	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/95	2264				
59	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/96	2265				
60	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/95	2266				
61	1311040143	Lương Xuân	Vũ	01/02/92	2267				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010007	Đặng Thọ	Anh	24/10/94	2268				
2	1321040003	Mai Viết	Anh	07/11/95	2269				
3	1321040008	Tạ Ngọc	Anh	08/12/95	2270				
4	1321040009	Trần Đức	Anh	21/12/95	2271				
5	1321040010	Trần Đức	Anh	05/09/95	2272				
6	1321030427	Nguyễn Tuấn	Bảo	17/12/94	2273				
7	1321070020	Ngô Minh	Công	22/10/95	2274				
8	1221050019	Nguyễn Hùng	Cường	23/05/94	2275				
9	1321040045	Bùi Tiến	Dũng	29/04/95	2276				
10	1421040050	Phó Đức	Dũng	25/12/96	2277				
11	1321060070	Trần Quang	Đạt	03/09/95	2278				
12	1321011020	Hoàng Hải	Đăng	23/02/95	2279				
13	1221010096	Bùi Văn	Điệp	19/10/94	2280				
14	1221070041	Đỗ Xuân	Đức	30/10/93	2281				
15	1221040341	Phạm Trung	Đức	07/10/94	2282				
16	1221010108	Trần Minh	Đức	17/03/94	2283				
17	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/95	2284				
18	1321040076	Đỗ Trường	Giang	16/09/95	2285				
19	1221040072	Nguyễn Tuấn	Giang	05/09/93	2286				
20	1221070046	Nguyễn Văn	Giang	03/03/90	2287				
21	1321010122	Nguyễn Văn	Giang	18/04/95	2288				
22	1321040478	Phạm Văn	Hà	31/01/95	2289				
23	1221050039	Nguyễn Đức Minh	Hải	04/11/94	2290				
24	1221040080	Bùi Thị	Hạnh	10/11/94	2291				
25	1221040098	Trịnh Hữu	Hoàn	24/03/94	2292				
26	1321040107	Vũ Minh	Hoàng	13/11/94	2293				
27	1221010148	Nguyễn Văn	Hợp	07/09/94	2294				
28	1221010151	Lê Văn	Hùng	01/06/93	2295				
29	1221010158	Nguyễn Tuấn	Huy	27/01/94	2296				
30	1221040117	Nguyễn Thị	Hương	02/11/94	2297				
31	1321030112	Nguyễn Đình	Khuyến	28/01/95	2298				
32	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/95	2299				
33	1221010203	Đàm Tuấn	Linh	16/12/94	2300				
34	1221020376	Ngô Văn	Lĩnh	15/10/93	2301				
35	1221040156	Hoàng Thanh	Luyện	04/09/94	2302				
36	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/95	2303				
37	1321060183	Phạm Văn	Mạnh	26/11/94	2304				
38	1421020106	Vũ Đức	Mạnh	05/02/96	2305				
39	1321011074	Nguyễn Quang	Minh	28/08/95	2306				
40	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/95	2307				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221070120	Nguyễn Văn	Quang	04/05/94	2308				
42	1221010282	Nguyễn Hùng	Quân	10/02/94	2309				
43	1321040230	Lô Quang	Sơn	08/10/95	2310				
44	1321080507	Đào Thị Thanh	Tâm	27/12/94	2311				
45	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/96	2312				
46	1221040232	Hoàng Hữu	Thành	05/08/94	2313				
47	1221010314	Hồ Thế	Thành	16/09/92	2314				
48	1221040237	Trần Kim	Thành	22/06/94	2315				
49	1221060413	Bùi Văn	Thắng	01/05/93	2316				
50	1221040240	Hoàng Minh	Thắng	07/02/94	2317				
51	1221040250	Nguyễn Thế	Thìn	04/07/94	2318				
52	1321040276	Bùi Văn	Thịnh	10/12/95	2319				
53	1221070277	Hồ Đức	Thịnh	26/08/94	2320				
54	1321010341	Lê Ngọc	Thịnh	21/09/94	2321				
55	1221010357	Nguyễn Trọng	Toàn	10/05/94	2322				
56	1324010319	Nguyễn Thùy	Trang	08/01/95	2323				
57	1421070492	Đỗ Văn	Tranh	06/01/96	2324				
58	1321010380	Phạm Văn	Trung	28/10/95	2325				
59	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/95	2326				
60	1321040329	Trần Bảo	Việt	07/06/95	2327				
61	1321030982	Lê Tuấn	Vinh	13/07/94	2328				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010006	Đặng Thế	Anh	19/11/94	2329				
2	1221020008	Đỗ Văn	Ban	31/01/94	2330				
3	1221020012	Lê Văn	Cam	08/04/91	2331				
4	1221010038	Lưu Văn	Chính	05/04/93	2332				
5	1221010054	Lê Văn	Cường	20/07/94	2333				
6	1321020058	Trần Khánh	Dương	06/11/95	2334				
7	1221030215	Nguyễn Anh	Đắc	27/10/94	2335				
8	1221030222	Nguyễn Anh	Đoài	23/08/94	2336				
9	1221010102	Trần Văn	Đoàn	25/08/93	2337				
10	1221070040	Nguyễn Phú	Đông	17/12/94	2338				
11	1421080190	Nguyễn Anh	Đức	13/01/96	2339				
12	1221080102	Nguyễn Thị Thanh	Giang	27/02/94	2340				
13	1221030299	Bùi Văn	Hai	27/07/93	2341				
14	1321040090	Lê Thị	Hằng	27/03/94	2342				
15	1221030280	Nguyễn Thị	Hằng	21/07/94	2343				
16	1321030593	Bùi Khánh	Hoàng	16/07/94	2344				
17	1421060122	Bùi Văn	Huân	06/03/96	2345				
18	1221010174	Đỗ Văn	Khang	11/12/94	2346				
19	1531040016	Trần Sách	Khang	02/11/	2347				
20	1221010181	Nguyễn Đăng	Khuê	08/03/94	2348				
21	1221020093	Trần Đồng	Luân	05/06/94	2349				
22	1221030102	Nguyễn Đức	Lương	28/07/94	2350				
23	1431020010	Đinh Đắc	Mạnh	28/11/89	2351				
24	1221010227	Đinh Quang	Mạnh	15/09/94	2352				
25	1121020121	Phạm Duy	Mạnh	06/10/93	2353				
26	1421020112	Bùi Thanh	Nam	25/11/93	2354				
27	1531040405	Phạm Hữu	Nghị	07/09/93	2355				
28	1321040189	Tăng Văn	Nghị	16/06/95	2356				
29	1221010250	Phan Tất	Ngọc	12/04/93	2357				
30	1221070113	Đinh Văn	Pháp	18/08/92	2358				
31	1221060370	Vũ Phong	Phú	16/01/94	2359				
32	1221030121	Hoàng Thị	Phương	30/11/94	2360				
33	1221010283	Nguyễn Văn	Quân	02/08/94	2361				
34	1221030395	Lê Đình	Quý	28/01/93	2362				
35	1421010271	Mai Kim	Quý	19/12/96	2363				
36	1321020695	Bùi Hoàng	Sơn	13/05/95	2364				
37	1321010292	Nguyễn Trung	Sơn	15/10/95	2365				
38	1221060396	Trần Thái	Sơn	15/11/94	2366				
39	1321010310	Trần Thị	Thanh	11/05/95	2367				
40	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/92	2368				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221030428	Phạm Ngọc	Thao	13/06/94	2369				
42	1221050097	Lê Văn	Thống	20/06/94	2370				
43	1221020148	Lê Thị	Thu	20/09/94	2371				
44	1221030153	Nguyễn Thị	Thùy	20/08/94	2372				
45	1531040031	Nguyễn Thị	Thùy	06/05/	2373				
46	1321070195	Nguyễn Hà	Toàn	16/02/95	2374				
47	1221030168	Hoàng Tân	Trà	04/12/94	2375				
48	1221030174	Nguyễn Đức	Trung	01/05/94	2376				
49	1531040407	Nguyễn Đức	Trung	10/01/94	2377				
50	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/94	2378				
51	1221010372	Phạm Văn	Trung	22/07/94	2379				
52	1221060170	Nguyễn Anh	Tuấn	02/10/94	2380				
53	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/94	2381				
54	1321020787	Nguyễn Đăng	Tuấn	02/06/95	2382				
55	1221030444	Dương Thanh	Tùng	10/10/92	2383				
56	1121020217	Đào Duy	Tùng	12/09/93	2384				
57	1221010405	Nguyễn Minh	Tùng	08/11/94	2385				
58	1531040408	Đỗ Minh	Tuyên	07/07/93	2386				
59	1321080114	Nguyễn Thị	Tươi	24/02/95	2387				
60	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/94	2388				
61	1221020182	Ngô Quốc	Việt	11/09/93	2389				
62	1221040320	Lê Quang	Vĩnh	12/07/93	2390				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040007	Nguyễn Đức	Anh	15/01/94	2391				
2	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/96	2392				
3	1321040012	Đào Văn	ánh	14/02/95	2393				
4	1421070010	Trần Thanh	Bình	02/05/96	2394				
5	1221010037	Lê Trường	Chinh	04/09/93	2395				
6	1321040032	Phạm Đức	Cương	24/12/95	2396				
7	1321050034	Nguyễn Mạnh	Cường	16/02/95	2397				
8	1321070047	Lê Văn	Đăng	08/02/94	2398				
9	1221070035	Trần Đức	Đăng	10/10/94	2399				
10	1321020489	Nguyễn Văn	Đô	25/09/93	2400				
11	1021020069	Bùi Trung	Đức	24/08/92	2401				
12	1421070255	Vũ Ngọc	Đức	21/08/96	2402				
13	1221040373	Vũ Trường	Giang	06/11/94	2403				
14	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/96	2404				
15	1221070053	Vũ Văn	Hào	02/02/92	2405				
16	1321040092	Phạm Thị	Hiền	12/03/95	2406				
17	1421070049	Lại Minh	Hiệu	17/10/96	2407				
18	1321080446	Đào Thị	Hoa	01/10/95	2408				
19	1221020066	Nguyễn Công	Hoan	13/10/94	2409				
20	1221010142	Lê Đức	Hoàng	25/02/92	2410				
21	1221060303	Trần Trọng	Hoàng	27/03/94	2411				
22	1221070062	Đặng Đức	Học	04/09/94	2412				
23	1221020339	Nguyễn Văn	Huy	08/09/94	2413				
24	1321060518	Hà Đức	Hưng	13/08/95	2414				
25	1221060068	Đinh Ngọc	Hường	11/03/93	2415				
26	1221040121	Trần Đình	Khải	22/07/94	2416				
27	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/95	2417				
28	1321040147	Nguyễn Đình	Khỏe	05/04/93	2418				
29	1221070084	Vũ Phú	Kiểm	10/02/94	2419				
30	1221040139	Phạm Tuấn	Kiệt	20/08/94	2420				
31	1321040172	Nguyễn Đức	Mạnh	16/04/95	2421				
32	1221030108	Nguyễn Đức	Minh	31/07/94	2422				
33	1321080481	Đỗ Trà	My	08/04/95	2423				
34	1221040421	Doãn Đình	Nam	12/09/94	2424				
35	1321050647	Lê Xuân	Nguyên	10/08/94	2425				
36	1321040545	Vũ Hải	Ninh	19/04/95	2426				
37	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/95	2427				
38	1421070096	Nguyễn Anh	Phương	20/10/95	2428				
39	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/94	2429				
40	1221010300	Nguyễn Văn	Sơn	29/10/94	2430				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1121010286	Đào Xuân	Tâm	01/02/93	2431				
42	1321070162	Nguyễn Gia	Tấn	05/01/95	2432				
43	1221010328	Lê Xuân	Thế	23/06/94	2433				
44	1321070181	Phạm Duy	Thiện	16/11/95	2434				
45	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/96	2435				
46	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/96	2436				
47	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/95	2437				
48	1221040259	Nguyễn Ngọc	Thường	14/10/94	2438				
49	1221060147	Trần Đức	Toàn	08/11/94	2439				
50	1321080524	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/10/95	2440				
51	1321080528	Vũ Thảo	Trang	19/02/95	2441				
52	1321040307	Lưu Quang	Trung	30/06/95	2442				
53	1221020163	Lý Đức	Trung	28/05/94	2443				
54	1321070689	Nguyễn Văn	Trung	01/08/95	2444				
55	1321030918	Trịnh Văn	Trung	18/03/95	2445				
56	1221070163	Ma Anh	Tú	02/12/94	2446				
57	1221010389	Lê Anh	Tuấn	12/03/94	2447				
58	1221010417	Nguyễn Xuân	Việt	08/06/94	2448				
59	1221010421	Cao Trung	Vũ	15/08/94	2449				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/95	2450				
2	1321080002	Lê Tuấn	Anh	24/06/95	2451				
3	1531060017	Lê Hoàng	Chương	08/10/	2452				
4	1221060227	Nguyễn Xương	Công	16/02/94	2453				
5	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/94	2454				
6	1321010069	Lê Xuân	Đuẩn	16/11/95	2455				
7	1531060018	Đỗ Đình	Dũng	30/06/	2456				
8	1321060455	Phạm Thành	Đạt	11/12/92	2457				
9	1531060019	Phan Nguyên	Đạt	23/08/	2458				
10	1221040057	Vũ Văn	Đạt	26/11/94	2459				
11	1221050030	Nguyễn Sỹ	Đắc	04/03/94	2460				
12	1221070036	Đinh Văn	Diệp	28/02/94	2461				
13	1221030032	Nguyễn Quốc	Đoàn	16/04/94	2462				
14	1221011168	Nguyễn Vương	Đô	10/10/94	2463				
15	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/95	2464				
16	1221011131	Phạm Văn	Hành	22/08/94	2465				
17	1531060020	Văn Thị	Hằng	22/12/	2466				
18	1321050540	Cồ Như	Hiên	23/09/95	2467				
19	1221060292	Phạm Xuân	Hiếu	10/08/94	2468				
20	1221030303	Tô Văn	Hình	06/12/94	2469				
21	1531060021	Nguyễn Văn	Hòa	18/04/	2470				
22	1221060272	Mai Văn	Hùng	27/05/93	2471				
23	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/95	2472				
24	1531060022	Nguyễn Văn	Hưng	21/03/	2473				
25	1521070272	Trịnh Minh	Hưng	18/08/97	2474				
26	1321080047	Hoàng Cao	Khải	18/11/95	2475				
27	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/95	2476				
28	1021010187	Nguyễn Thế	Kiên	21/10/92	2477				
29	1531060023	Văn Huy	Lâm	29/05/	2478				
30	1221060336	Vũ Tiến	Linh	15/08/94	2479				
31	1321040621	Tạ Phương	Loan	08/10/95	2480				
32	1321050122	Nguyễn Văn	Long	22/02/95	2481				
33	1221030349	Vũ Văn	Long	17/05/94	2482				
34	1221070096	Nguyễn Văn	Luân	05/03/93	2483				
35	1531040404	Lê Mã	Lương	17/10/94	2484				
36	1121040461	Kham Kom	Machan	28/08/91	2485				
37	1321040171	Lại Tuấn	Mạnh	03/09/95	2486				
38	1531060024	Nguyễn Văn	Mạnh	05/02/	2487				
39	1221020400	Trần Đình	Nam	08/05/94	2488				
40	1531060025	Đào Thị	Nga	06/01/	2489				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1531060027	Vũ Việt	Ninh	13/12/	2490				
42	1221010284	Nguyễn Xuân	Quân	19/10/94	2491				
43	1321060232	Đoàn Văn	Quý	28/08/95	2492				
44	1221030387	Nguyễn Xuân	Quý	04/09/93	2493				
45	1221060389	Hoàng Ngọc	Sơn	22/01/94	2494				
46	1324010291	Nguyễn Thị	Thùy	20/06/95	2495				
47	1321050206	Đoàn Đức	Toán	27/06/95	2496				
48	1321080105	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/01/95	2497				
49	1321060319	Phan Văn	Trung	21/11/95	2498				
50	1221070162	Nguyễn Văn	Trương	25/03/94	2499				
51	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/94	2500				
52	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/95	2501				
53	1321050776	Nguyễn Thanh	Tuấn	03/03/95	2502				
54	1221060171	Phạm Anh	Tuấn	22/06/94	2503				
55	1531060030	Trần Anh	Tuấn	17/11/	2504				
56	1531060034	Bùi Khánh	Tùng	31/08/	2505				
57	1321050216	Lại Thanh	Tùng	10/11/95	2506				
58	1221011122	Nguyễn Tiến	Tùng	19/12/93	2507				
59	1531060033	Trịnh Ngọc	Tùng	10/02/	2508				
60	1531060035	Vũ Văn	Tùng	19/01/	2509				
61	1531060037	Bùi Hữu	Việt	19/06/	2510				
62	1321040330	Đoàn Đức	Vinh	21/11/95	2511				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 05 Tổ thi: 001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1021020462	Nguyễn Bá Tuấn	Anh	20/10/92	2512				
2	1321060015	Trịnh Hoàng	Anh	13/03/95	2513				
3	1221070198	Hồ Xuân	Bằng	21/09/94	2514				
4	1221011020	Đỗ Bình	Dân	27/09/92	2515				
5	1121011012	Nguyễn Minh	Dương	02/11/93	2516				
6	1321060076	Đặng Duy	Đông	19/05/95	2517				
7	1321030517	Đoàn Văn	Đồng	14/02/95	2518				
8	1221060036	Phạm Minh	Đức	12/12/93	2519				
9	1421060092	Nguyễn Văn	Hải	22/09/96	2520				
10	1221070077	Dương Ngọc	Khánh	23/02/94	2521				
11	1321070581	Phan Tuấn	Lực	22/06/95	2522				
12	1531040021	Nguyễn Văn	Ngọc	24/09/	2523				
13	1221030129	Phạm Văn	Sâm	05/06/94	2524				
14	1531040406	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/94	2525				
15	1221060166	Bùi Mạnh	Tuấn	13/06/94	2526				
16	1531040038	Nguyễn Thanh	Tùng	17/03/	2527				
17	1221040462	Phạm Mạnh	Tùng	27/06/94	2528				
18	1421070141	Vũ Đình	Tuy	10/04/96	2529				
19	1321070720	Phùng Việt	Vinh	30/01/96	2530				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060002	Bùi Hoàng	Anh	13/12/96	2531				
2	1421080003	Lê Tuấn	Anh	08/01/95	2532				
3	1421030005	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/94	2533				
4	1421040007	Phan Đức	Anh	03/01/96	2534				
5	1324010021	Vũ Hiền Thực	Anh	30/12/95	2535				
6	1521080097	Nguyễn Ngọc	Bảo	05/05/97	2536				
7	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/96	2537				
8	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/95	2538				
9	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/91	2539				
10	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/96	2540				
11	1421080171	Lê Gia	Dũng	18/10/96	2541				
12	1121030249	Lê Tiến	Dũng	28/08/92	2542				
13	1421060054	Vũ Đức	Dũng	08/11/96	2543				
14	1121030256	Ngô Văn	Dương	14/02/93	2544				
15	1421030039	Bùi Tiến	Đạt	14/02/96	2545				
16	1121030262	Phạm Viết	Đạt	07/04/93	2546				
17	1421080190	Nguyễn Anh	Đức	13/01/96	2547				
18	1421080024	Phạm Minh	Đức	11/07/96	2548				
19	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/97	2549				
20	1321050509	Ngô Duy	Hải	04/01/95	2550				
21	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/96	2551				
22	1421080036	Đoàn Văn	Hiếu	21/07/96	2552				
23	0921060174	Hà Minh	Hiếu	04/12/91	2553				
24	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/95	2554				
25	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/96	2555				
26	1321020108	Vũ Ngọc	Hoàng	14/06/95	2556				
27	1221030312	Nguyễn Văn Tuấn	Hưng	06/03/93	2557				
28	1221010176	Nguyễn Công	Khanh	28/10/94	2558				
29	1421070355	Đỗ Thành	Liêm	03/05/96	2559				
30	1421080274	Nguyễn Hồng	Linh	05/10/96	2560				
31	1421060162	Ngô Đức	Lộc	01/07/96	2561				
32	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/97	2562				
33	1421080069	Đồng Duy	Mạnh	10/12/96	2563				
34	1421060172	Phạm Đức	Mạnh	29/07/95	2564				
35	1321030713	Trần Duy	Mạnh	02/02/95	2565				
36	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/95	2566				
37	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/95	2567				
38	1321060565	Hà Văn	Nam	06/03/94	2568				
39	1421080074	Lê Hữu	Nam	20/07/95	2569				
40	1421060188	Lê Thế	Nam	17/04/96	2570				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421080293	Lê Thế	Nam	08/01/96	2571				
42	1421080078	Vũ Thị	Nga	15/11/96	2572				
43	1521010345	Phạm Thị	Ngân	22/02/97	2573				
44	1321060201	Trịnh Hồng	Nghĩa	26/09/95	2574				
45	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/96	2575				
46	1421020124	Đặng Anh	Phúc	04/02/96	2576				
47	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/96	2577				
48	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/94	2578				
49	1221030388	Đinh Sơn	Quân	06/12/94	2579				
50	1321030804	Lưu Bá	Quyết	11/03/95	2580				
51	1121020185	Trần Văn	Thành	27/09/92	2581				
52	1321060624	Trần Văn	Thoại	29/11/95	2582				
53	1421080383	Triệu Thị Thanh	Thủy	20/10/96	2583				
54	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/95	2584				
55	1421030583	Phạm Thị	Trang	15/04/96	2585				
56	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/95	2586				
57	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/94	2587				
58	1221080083	Trần Đăng	Tuân	28/11/94	2588				
59	1221060481	Dương Anh	Tuấn	12/05/93	2589				
60	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/95	2590				
61	1121030436	Trần Văn	Tuấn	25/10/92	2591				
62	1221080085	Dương Huy	Vinh	26/06/94	2592				
63	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/97	2593				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD204 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121010018	Trần Ngọc	Anh	11/11/93	2594				
2	1321030442	Ngô Văn	Cảnh	16/10/94	2595				
3	1421030029	Vũ Đình	Cường	15/12/95	2596				
4	1121011084	Nguyễn Mạnh	Dũng	20/11/91	2597				
5	1421030035	Nguyễn Trọng	Dương	13/11/93	2598				
6	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/96	2599				
7	1321080022	Đỗ Thị	Hải	01/09/95	2600				
8	1521080134	Nguyễn Thị	Hằng	23/03/97	2601				
9	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/	2602				
10	1521060218	Nguyễn Minh	Hùng	13/02/97	2603				
11	1421020448	Nguyễn Thế	Long	05/01/94	2604				
12	1121011038	Vũ Thành	Long	21/05/93	2605				
13	1321010251	Đỗ Huỳnh	Ngọc	20/12/95	2606				
14	1221020114	Đặng Văn	Phương	19/06/94	2607				
15	1221080059	Lê Bảo	Quân	13/05/94	2608				
16	1321080109	Bế Anh	Tuấn	01/06/95	2609				
17	1221020531	Lưu Công	Tuấn	08/06/94	2610				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/95	2611				
2	1221020005	Nguyễn Tuấn	Anh	04/10/93	2612				
3	1321040013	Nguyễn Thị	ánh	20/04/95	2613				
4	1321070015	Nguyễn Thanh	Bình	01/06/95	2614				
5	1421010031	Lương Xuân	Cảnh	26/11/96	2615				
6	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/95	2616				
7	1421020248	Hoàng Văn	Chính	07/10/96	2617				
8	1221060015	Đoàn Kim	Chung	14/12/94	2618				
9	1321020030	Trần Văn	Chương	18/11/95	2619				
10	1421020027	Lưu Văn	Cường	07/07/96	2620				
11	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/95	2621				
12	1221020267	Cao Tiến	Dũng	20/06/94	2622				
13	1321030486	Vũ Đình	Duy	28/11/95	2623				
14	1421060060	Lê Thị Thùy	Dương	25/07/96	2624				
15	1421010071	Nguyễn Quang	Dương	24/06/96	2625				
16	1321060060	Trần Hải	Dương	29/03/95	2626				
17	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/95	2627				
18	1221010088	Phạm Tuấn	Đạt	31/10/94	2628				
19	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/96	2629				
20	1221050030	Nguyễn Sỹ	Đắc	04/03/94	2630				
21	1321011020	Hoàng Hải	Đăng	23/02/95	2631				
22	1421010081	Nguyễn Bùi	Đăng	16/02/96	2632				
23	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/96	2633				
24	1321060121	Nguyễn Thị Phương	Hoa	04/03/95	2634				
25	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/96	2635				
26	1021020116	Đoàn Trung	Huân	24/10/92	2636				
27	1021010154	Nguyễn Huy	Hùng	20/05/92	2637				
28	1521010005	Vũ Xuân	Hùng	01/08/94	2638				
29	1321040123	Nguyễn Đình	Huy	30/08/95	2639				
30	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/96	2640				
31	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/95	2641				
32	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/96	2642				
33	1221050062	Nguyễn Tùng	Lâm	12/09/94	2643				
34	1221020355	Phạm Văn	Lượng	12/11/94	2644				
35	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/96	2645				
36	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/96	2646				
37	1421040202	Đào Minh	Nguyên	01/02/96	2647				
38	1221040188	Lê Hồng	Phong	01/07/94	2648				
39	1221040201	Nguyễn Duy	Quý	03/11/94	2649				
40	1221040207	Vi Minh	Sáng	24/10/94	2650				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221020131	Đặng Duy	Tài	05/04/93	2651				
42	1221020452	Phạm Văn	Tân	03/08/93	2652				
43	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/96	2653				
44	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thào	16/07/95	2654				
45	1221040240	Hoàng Minh	Thắng	07/02/94	2655				
46	1321070179	Nguyễn Văn	Thắng	30/10/94	2656				
47	1221070152	Nguyễn Việt	Tiến	10/11/94	2657				
48	1421040532	Lê Hữu	Tinh	30/08/96	2658				
49	1421040291	Hoàng Văn	Toan	25/04/95	2659				
50	1421020618	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/95	2660				
51	1121040270	Nguyễn ánh	Toàn	22/07/93	2661				
52	1321040295	Đoàn Thị	Trang	08/11/95	2662				
53	1321040297	Hà Minh	Trang	25/04/95	2663				
54	1221010369	Ma Đình	Trọng	01/10/94	2664				
55	1321070200	Nguyễn Danh	Tú	05/04/95	2665				
56	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/96	2666				
57	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/05/94	2667				
58	1221040478	Lương Anh	Tuấn	22/03/88	2668				
59	1421040324	Nguyễn Văn	Tuấn	04/04/96	2669				
60	1421040563	Phạm Thanh	Tùng	19/12/96	2670				
61	1421040342	Lương Văn	Ước	24/10/95	2671				
62	1221011095	Lê Duy	Việt	24/05/94	2672				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/92	2673				
2	1221020232	Nguyễn Bá	Anh	23/10/92	2674				
3	1221040010	Phạm Tuấn	Anh	30/11/94	2675				
4	1321040012	Đào Văn	ánh	14/02/95	2676				
5	1321010026	Trần Ngọc	ánh	29/12/95	2677				
6	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/94	2678				
7	1221040364	Đinh Văn	Chiến	17/10/94	2679				
8	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/95	2680				
9	1411070003	Văn Thư	Cường	27/09/96	2681				
10	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/95	2682				
11	1221020037	Nguyễn Tiến	Đạt	14/01/94	2683				
12	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/96	2684				
13	1221020050	Vũ Minh	Đức	20/09/94	2685				
14	1321040083	Nguyễn Văn	Hà	30/09/95	2686				
15	1421010100	Đặng Văn	Hào	05/10/96	2687				
16	1521060088	Nguyễn Minh	Hiền	27/02/97	2688				
17	1221050044	Đào Thanh	Hiếu	06/03/94	2689				
18	1221040091	Nguyễn Trung	Hiếu	28/09/93	2690				
19	1121040102	Nguyễn Đức	Hoàn	30/06/93	2691				
20	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/94	2692				
21	1421040129	Lại Quang	Huy	17/12/96	2693				
22	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/96	2694				
23	1121010181	Phạm Văn	Hướng	15/10/93	2695				
24	1321040146	Nguyễn Quang	Khoát	10/06/95	2696				
25	1411040037	Nguyễn Ngọc	Linh	15/06/96	2697				
26	1411040038	Nguyễn Thùy	Linh	17/02/96	2698				
27	1221020361	Nguyễn Văn	Linh	21/07/94	2699				
28	1221040160	Nguyễn Hoàng	Lưu	05/03/94	2700				
29	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/96	2701				
30	1321010233	Nguyễn Việt	Minh	04/11/95	2702				
31	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/95	2703				
32	1421060193	Nguyễn Văn	Nghĩa	22/05/93	2704				
33	1411040045	Trần Tuấn	Ninh	18/11/96	2705				
34	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/95	2706				
35	1421020128	Nguyễn Đức	Quân	07/11/96	2707				
36	1221010281	Nguyễn Hồng	Quân	12/08/93	2708				
37	1221010289	Đỗ Văn	Quyền	26/11/94	2709				
38	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/95	2710				
39	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/96	2711				
40	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/09/95	2712				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221040231	Đoàn Trung	Thành	10/06/94	2713				
42	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/96	2714				
43	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/96	2715				
44	1221050384	Trịnh Toàn	Thắng	26/12/94	2716				
45	1221070283	Bùi Văn	Tiến	09/08/94	2717				
46	1121011063	Hà Như	Tiến	25/11/93	2718				
47	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/94	2719				
48	1421040294	Lưu Ngọc	Toàn	07/11/96	2720				
49	1221040269	Phạm Minh	Toàn	22/09/94	2721				
50	1421040302	Vũ Thị Huyền	Trang	19/10/96	2722				
51	1221050111	Lê Văn	Trọng	19/01/94	2723				
52	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/96	2724				
53	1221040282	Vũ Thành	Trung	10/04/94	2725				
54	1221020168	Nguyễn Anh	Tú	06/04/94	2726				
55	1221040291	Nguyễn Bá	Tuân	18/11/94	2727				
56	1421020654	Đới Sĩ	Tuấn	06/08/96	2728				
57	1411070046	Lê Anh	Tuấn	19/05/96	2729				
58	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/93	2730				
59	1221070173	Nguyễn Văn	Tư	18/04/94	2731				
60	1421020690	Đặng Thúy	Vân	16/04/96	2732				
61	1221050120	Đỗ Quang	Vinh	28/10/93	2733				
62	1221040006L	Xaypanya	Vongpuk	31/08/93	2734				
63	1221010421	Cao Trung	Vũ	15/08/94	2735				
64	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/97	2736				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020004	Đặng Đức	Anh	15/09/96	2737				
2	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/97	2738				
3	1421060008	Nguyễn Văn	Anh	08/11/96	2739				
4	1221060005	Nguyễn Xuân	Anh	20/04/94	2740				
5	1421020014	Vũ Thế	Anh	30/05/96	2741				
6	1321070413	Đỗ Đình	Bắc	29/10/95	2742				
7	1411060009	Nguyễn Tiến	Bắc	05/06/96	2743				
8	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/96	2744				
9	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/96	2745				
10	1221060234	Nguyễn Văn	Chiến	15/07/93	2746				
11	1411040007	Hà Văn	Công	30/04/92	2747				
12	1221020016	Trần Đình	Cương	18/07/92	2748				
13	1531020008	Bùi Việt	Dũng	11/04/93	2749				
14	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/96	2750				
15	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/96	2751				
16	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/95	2752				
17	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/96	2753				
18	1411070008	Đình Văn Thành	Đạt	03/07/93	2754				
19	1411040014	Trần Trọng	Đạt	30/03/96	2755				
20	1411060212	Nguyễn Vũ	Diệt	16/10/96	2756				
21	1321011023	Lê Nhiên	Định	25/01/95	2757				
22	1421070035	Đình Công	Đức	19/04/94	2758				
23	1421020042	Nguyễn Anh	Đức	08/12/96	2759				
24	1221020054	Lộ Chí	Giàu	01/11/94	2760				
25	1321040477	Lã Hải	Hà	16/08/95	2761				
26	1221020063	Hồ Thị	Hoa	20/07/94	2762				
27	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/96	2763				
28	1421060111	Phạm Công	Hoàn	21/02/96	2764				
29	1321070079	Trần Văn	Hoàng	25/01/94	2765				
30	1421070052	Nguyễn Huy	Hùng	20/11/96	2766				
31	1021040128	Đình Quang	Huy	02/05/92	2767				
32	1221010177	Nguyễn Văn	Khánh	10/06/94	2768				
33	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/96	2769				
34	1421070075	Trần Duy	Lợi	06/05/95	2770				
35	1421070076	Đàm Ngọc	Luân	12/09/96	2771				
36	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/96	2772				
37	1411040040	Vùi Thị	Mai	23/09/95	2773				
38	1221060090	Phạm Huy	Mạnh	20/03/94	2774				
39	1311060125	Lại Văn	Minh	11/10/95	2775				
40	1411060115	Tạ Viết	Minh	25/11/96	2776				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/96	2777				
42	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/95	2778				
43	1411040042	Đào Hằng	Nga	01/02/96	2779				
44	1411060125	Trần Anh	Nghĩa	03/04/96	2780				
45	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/95	2781				
46	1521010387	Hoàng Nhật	Phương	10/09/97	2782				
47	1411060134	Phạm Nhật	Quang	01/01/96	2783				
48	1421040220	Trịnh Minh	Quang	08/08/96	2784				
49	1321011089	Trần Đình	Quốc	03/05/95	2785				
50	1321020176	Lưu Xuân	Quý	12/09/93	2786				
51	1421060222	Vũ Yên	Quyết	03/02/96	2787				
52	1421060553	Nguyễn Văn	Sơn	23/02/96	2788				
53	1421060245	Lê Chung	Thái	04/05/96	2789				
54	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/96	2790				
55	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/95	2791				
56	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	03/11/94	2792				
57	1221060152	Bùi Quang	Trung	10/03/94	2793				
58	1321040305	Hoàng Văn	Trung	10/08/95	2794				
59	1421010359	Đinh Tuấn	Tú	17/09/96	2795				
60	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/96	2796				
61	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/91	2797				
62	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/09/96	2798				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040344	Lê Tuấn	Anh	11/04/94	2799				
2	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/95	2800				
3	1221011012	Phạm Tuấn	Anh	12/08/93	2801				
4	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/96	2802				
5	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/98	2803				
6	1221020012	Lê Văn	Cam	08/04/91	2804				
7	1421060341	Lương Quang	Chiến	19/01/95	2805				
8	1321040433	Nguyễn Văn	Công	20/08/94	2806				
9	1221060018	Đoàn Văn	Cương	22/04/94	2807				
10	1321040034	Hoàng Mạnh	Cường	04/12/95	2808				
11	1321040038	Trần Mạnh	Cường	05/01/95	2809				
12	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/96	2810				
13	1321040450	Hà Trọng	Duy	22/08/95	2811				
14	1421010067	Đặng Thị Thùy	Dương	22/12/96	2812				
15	1421060375	Vũ Ngọc	Đam	04/05/96	2813				
16	1511060024	Nguyễn Song	Đức	05/02/96	2814				
17	1511040010	Vũ Mạnh	Hà	22/05/97	2815				
18	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/95	2816				
19	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/96	2817				
20	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/96	2818				
21	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/96	2819				
22	1411040025	Vương Trung	Hiếu	15/04/96	2820				
23	1521020383	Dương Xuân	Hùng	03/02/95	2821				
24	1321040113	Hoàng Việt	Hùng	11/12/95	2822				
25	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/96	2823				
26	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/96	2824				
27	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/95	2825				
28	1221010159	Trần Danh	Huy	22/07/94	2826				
29	1421040140	Nguyễn Văn	Hưng	18/12/96	2827				
30	1221020075	Trịnh Khánh	Hưng	29/09/94	2828				
31	1421060148	Đàm Dương	Khánh	15/12/96	2829				
32	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/94	2830				
33	1411040034	Đinh Thế	Kỷ	16/05/96	2831				
34	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/96	2832				
35	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/96	2833				
36	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/97	2834				
37	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/95	2835				
38	1421070397	Vũ Văn	Nam	10/08/96	2836				
39	1521010345	Phạm Thị	Ngân	22/02/97	2837				
40	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	04/08/95	2838				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421060209	Bùi Sỹ	Phụng	09/02/96	2839				
42	1421060214	Vũ Việt	Phương	22/10/96	2840				
43	1221040197	Nguyễn Tiến	Quang	01/04/94	2841				
44	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/96	2842				
45	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/96	2843				
46	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/96	2844				
47	1321040565	Nguyễn Văn	Tân	19/05/95	2845				
48	1411040050	Phạm Thanh	Tân	15/06/96	2846				
49	1221060422	Nguyễn Ngọc	Thạch	21/09/94	2847				
50	1221040234	Nguyễn Công	Thành	24/06/94	2848				
51	1311070046	Phạm Văn	Thành	25/09/95	2849				
52	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/95	2850				
53	1411040057	Trần Văn	Thùy	14/02/95	2851				
54	1321040584	Lê Văn	Tĩnh	05/04/94	2852				
55	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/94	2853				
56	1411040062	Bùi Văn	Trường	01/03/96	2854				
57	1421060285	Tạ Xuân	Trường	24/08/96	2855				
58	1521070403	Phạm Văn	Tuấn	22/10/96	2856				
59	1421070534	Phạm Văn	Tùng	06/10/94	2857				
60	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/95	2858				
61	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/97	2859				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010038	Lê Thanh	Bình	21/09/95	2860				
2	1221040019	Phạm Thanh	Bình	17/10/94	2861				
3	1321060041	Đỗ Văn	Cường	08/07/95	2862				
4	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/93	2863				
5	1221040039	Nguyễn Văn	Duy	21/11/94	2864				
6	1321070048	Lê Văn	Đề	18/12/94	2865				
7	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/95	2866				
8	1521040040	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/08/97	2867				
9	1221020314	Phạm Minh	Hiếu	29/06/94	2868				
10	1221040103	Vương Huy	Hoàng	12/05/94	2869				
11	1221020304	Nguyễn Văn	Hùng	05/10/94	2870				
12	1321060141	Vương Văn	Hùng	17/06/94	2871				
13	1321060520	Trần Phúc	Hưng	19/09/95	2872				
14	1321020124	Vì Văn	Hường	16/02/95	2873				
15	1221070090	Lê Văn	Linh	09/11/94	2874				
16	1221020373	Vũ Thành	Long	11/07/94	2875				
17	1321040173	Vũ Đức	Mạnh	01/08/95	2876				
18	1321070135	Vũ Đình	Nghĩa	06/02/95	2877				
19	1321050647	Lê Xuân	Nguyên	10/08/94	2878				
20	1221040185	Mông Anh	Nguyên	29/09/94	2879				
21	1414010063	Nguyễn Thị	Phuong	28/01/95	2880				
22	1221020428	Lê Anh	Quân	16/12/94	2881				
23	1321070628	Nguyễn Văn	Quyết	08/05/95	2882				
24	1121020167	Lại Thái	Sơn	18/07/93	2883				
25	1221050092	Nguyễn Văn	Sơn	02/12/94	2884				
26	1221040214	Vũ Hồng	Sơn	18/10/94	2885				
27	1321070161	Vũ Mạnh	Tài	20/07/95	2886				
28	1221040216	Nhữ Văn	Tám	21/09/94	2887				
29	1321060254	Nguyễn Thanh	Tâm	03/01/95	2888				
30	1321070179	Nguyễn Văn	Thắng	30/10/94	2889				
31	1221080069	Quách Xuân	Thắng	25/11/94	2890				
32	1421050192	Dương Quỳnh	Thiện	02/01/96	2891				
33	1221040458	Trần Thị	Thùy	05/11/94	2892				
34	1221010344	Hoàng Văn	Thuyết	13/05/94	2893				
35	1221040259	Nguyễn Ngọc	Thường	14/10/94	2894				
36	1221020152	Phan Văn	Thường	27/11/94	2895				
37	1121040270	Nguyễn ánh	Toàn	22/07/93	2896				
38	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/95	2897				
39	1221070286	Hoàng Văn	Tú	13/07/93	2898				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030002	Đỗ Thị Lan	Anh	10/07/96	2899				
2	1321030013	Trần Tuấn	Anh	29/07/95	2900				
3	1421050016	Thái Quốc	Bảo	16/12/96	2901				
4	1321020032	Nguyễn Thành	Công	10/10/95	2902				
5	1521010124	Lê Văn	Cương	01/08/97	2903				
6	1421080184	Nguyễn Thùy	Dương	20/06/96	2904				
7	1521060132	Hoàng Thị Thu	Hà	07/09/97	2905				
8	1421080199	Nguyễn Thị	Hà	25/03/96	2906				
9	1221070504D	Nguyễn Văn	Hải	09/01/93	2907				
10	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/93	2908				
11	1421040095	Nông Văn	Hàn	06/01/96	2909				
12	1421080211	Đinh Mỹ	Hằng	30/04/96	2910				
13	1221010130	Lê Thị	Hiền	23/10/94	2911				
14	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/04/97	2912				
15	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/95	2913				
16	1321010156	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/08/95	2914				
17	1421040126	Nguyễn Văn	Hùng	03/10/96	2915				
18	1521060019	Cao Thị Hồng	Khuyên	02/11/97	2916				
19	1521050229	Phạm Quý	Lâm	18/11/97	2917				
20	1321020601	Trần Khánh	Lâm	05/05/95	2918				
21	1521010325	Lê Thị Vũ	Linh	30/03/97	2919				
22	1221080042	Phạm Thị	Loan	20/01/94	2920				
23	1221020094	Lê Đình	Lượng	05/10/94	2921				
24	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/96	2922				
25	1321060194	Mạc Văn	Nam	30/10/93	2923				
26	1424010446	Nguyễn Thanh	Nam	01/01/96	2924				
27	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/97	2925				
28	1421020124	Đặng Anh	Phúc	04/02/96	2926				
29	1521010445	Trần	Quang	27/06/97	2927				
30	1221070126	Nguyễn Đình	Quyền	01/06/94	2928				
31	1421040236	Nguyễn Trọng	Tạo	24/01/96	2929				
32	1221070140	Nguyễn Mạnh	Thái	22/08/94	2930				
33	1221030148	Hoàng Thị	Thoa	14/03/94	2931				
34	1421020602	Phạm Thanh	Thủy	18/04/95	2932				
35	1221010364	Nguyễn Thị Phương	Trang	04/09/89	2933				
36	1221020158	Lương Văn	Triều	20/01/94	2934				
37	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/97	2935				
38	1221030478	Nguyễn Mạnh	Tuấn	28/02/94	2936				
39	1221020173	Hà Xuân	Tùng	15/03/94	2937				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040009	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/94	2938				
2	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/96	2939				
3	1221020011	Trịnh Văn	Bằng	17/01/94	2940				
4	1221050170	Nguyễn Trọng	Chiến	13/08/92	2941				
5	1221060014	Vũ Minh	Chính	14/09/94	2942				
6	1221040358	Lê Mạnh	Cường	24/07/94	2943				
7	1521060107	Ngô Đức	Duy	14/05/97	2944				
8	1311060070	Cao Văn	Hiếu	28/06/95	2945				
9	1221050045	Nguyễn Trung	Hiếu	10/12/94	2946				
10	1221050046	Đào Xuân	Hiệu	07/07/94	2947				
11	1311040048	Nguyễn Xuân	Huân	25/11/94	2948				
12	1421060134	Trần Quốc	Huy	08/09/96	2949				
13	1321070099	Nguyễn Quang	Khánh	06/06/94	2950				
14	1221030087	Nguyễn Văn	Lâm	10/06/94	2951				
15	1221010199	Trần Thanh	Lâm	01/01/94	2952				
16	1321060548	Hoàng Văn	Linh	12/01/95	2953				
17	1421060170	Ngô Xuân	Mạnh	06/05/96	2954				
18	1421010236	Trần Văn	Ninh	12/11/96	2955				
19	1324010222	Đỗ Thị	Phương	14/04/95	2956				
20	1324010242	Trần Hồng	Quân	06/07/95	2957				
21	1324010243	Đỗ Thị	Quyên	25/12/95	2958				
22	1421050164	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	27/05/96	2959				
23	1221020123	Nguyễn Trọng	Sang	22/12/94	2960				
24	1321040233	Nguyễn Hữu	Sơn	18/11/95	2961				
25	1221060115	Tạ Thái	Sơn	16/11/94	2962				
26	1221040441	Vũ Ngọc	Sơn	11/08/93	2963				
27	1321030816	Đinh Văn	Sỹ	02/03/95	2964				
28	1221040231	Đoàn Trung	Thành	10/06/94	2965				
29	1321030209	Nguyễn Doãn	Thành	08/12/94	2966				
30	1321060289	Vũ Minh	Thắng	24/12/95	2967				
31	1321020723	Lê Trọng	Thập	15/06/95	2968				
32	1321020724	Dương Văn	Thế	01/10/95	2969				
33	1311070049	Phạm Ngọc	Thịnh	30/08/95	2970				
34	1221080073	Nguyễn Thị	Thu	04/01/93	2971				
35	1311030124	Ngô Thị	Thùy	15/03/95	2972				
36	1221060157	Lê Đình	Trưởng	08/05/93	2973				
37	1321060336	Phạm Minh	Tuấn	21/09/95	2974				
38	1421020669	Lê Thanh	Tùng	08/03/93	2975				
39	1524010025	Lương Xuân	Vĩnh	10/01/97	2976				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 05 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221060003	Lê Đức	Anh	04/02/94	2977				
2	1224010010	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/11/93	2978				
3	1221030005	Trần Tuấn	Anh	31/03/94	2979				
4	1221010066	Nguyễn Trọng	Doanh	17/07/92	2980				
5	1411060030	Trần Đình	Dur	05/03/96	2981				
6	1221080015	Nguyễn Phan	Đại	18/10/94	2982				
7	1321070467	Đặng Trọng	Đoan	14/01/93	2983				
8	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/97	2984				
9	1524010332	Hồ Cẩm	Hà	13/11/97	2985				
10	1321020092	Nguyễn Mạnh	Hiền	22/04/94	2986				
11	1221050229	Nguyễn Đức	Hiếu	19/05/94	2987				
12	1321020541	Nguyễn Trọng	Hiếu	19/12/94	2988				
13	1421050067	Lý Thanh	Hòa	10/11/96	2989				
14	1221060052	Lý Lê	Hoàng	27/07/94	2990				
15	1521060013	Đặng Văn	Hùng	17/09/97	2991				
16	1321020126	Hồ Đăng	Khang	10/10/95	2992				
17	1421030112	Phí Ngọc	Kiểm	22/03/95	2993				
18	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/97	2994				
19	1221020353	Phạm Thị	Liên	18/10/94	2995				
20	1221050283	Trương Công	Linh	24/04/93	2996				
21	1431030018	Nguyễn Đức	Lợi	28/02/89	2997				
22	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/97	2998				
23	1521050309	Nguyễn Tuấn	Phong	28/02/97	2999				
24	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/95	3000				
25	1224010216	Hoàng Ngọc	Phúc	05/12/93	3001				
26	1221030389	Nguyễn Việt	Quân	03/12/94	3002				
27	1221070128	Vũ Cao	Quyển	14/02/94	3003				
28	1221010295	Đặng Thế	Sơn	20/06/94	3004				
29	1521060018	Nguyễn Hữu	Sỹ	07/04/96	3005				
30	1411040051	Phạm Văn	Thanh	10/03/96	3006				
31	1221060124	Đàm Văn	Thắng	08/03/94	3007				
32	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	06/07/95	3008				
33	1421020154	Phạm Cao	Thắng	19/02/95	3009				
34	1321010363	Đặng Tuấn	Toàn	15/07/95	3010				
35	1221040276	Đàm Văn	Trọng	20/12/92	3011				
36	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/97	3012				
37	1521060256	Nguyễn Mạnh	Tuấn	24/10/97	3013				
38	1521040100	Trần Minh	Tùng	05/01/97	3014				
39	1221030452	Trương Ngọc	Tùng	01/05/94	3015				
40	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/97	3016				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 06 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411040001	Đặng Hoàng	Anh	20/04/96	3017				
2	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/97	3018				
3	1221040344	Lê Tuấn	Anh	11/04/94	3019				
4	1311040017	Đặng Trọng Khánh	Công	18/12/95	3020				
5	1324010045	Nguyễn Thị Kim	Dung	18/11/95	3021				
6	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/97	3022				
7	1321050467	Trần Văn	Dũng	07/05/94	3023				
8	1321040450	Hà Trọng	Duy	22/08/95	3024				
9	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/97	3025				
10	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/97	3026				
11	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/94	3027				
12	1324010096	Đỗ Thị	Hiền	06/10/95	3028				
13	1221080028	Trần Văn	Hòa	01/01/93	3029				
14	1521060163	Nguyễn Văn	Kiên	25/02/97	3030				
15	1421030138	Nguyễn Phương	Nam	09/09/96	3031				
16	1324010604	Ngô Hồng	Ngọc	21/09/95	3032				
17	1221080050	Trần Thị	Nhài	03/08/93	3033				
18	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/96	3034				
19	1521060005	Nguyễn Văn	Thăng	15/11/97	3035				
20	1221020517	Lê Xuân	Trường	09/12/91	3036				
21	1521070403	Phạm Văn	Tuấn	22/10/96	3037				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040011L	Keo Oudom Lao	.	23/02/92	3038				
2	1221010007	Đặng Thọ	Anh	24/10/94	3039				
3	1221040005	Lê Việt	Anh	31/07/94	3040				
4	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/94	3041				
5	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/94	3042				
6	1321070022	Nguyễn Thiện	Công	13/07/95	3043				
7	1221080014	Trần Ngọc	Dũng	02/08/94	3044				
8	1321020051	Trần Trung	Dũng	31/01/94	3045				
9	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/97	3046				
10	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/93	3047				
11	1321070039	Nguyễn Văn	Dương	27/10/94	3048				
12	1321040461	Nguyễn Quốc	Đạt	28/10/94	3049				
13	1221020037	Nguyễn Tiến	Đạt	14/01/94	3050				
14	1311030163	Nguyễn Trọng	Đức	06/04/95	3051				
15	1221010111	Nguyễn Hồng	Giang	26/04/93	3052				
16	1221070501D	Lò Hữu	Hải	01/06/93	3053				
17	1221030303	Tô Văn	Hình	06/12/94	3054				
18	1321030593	Bùi Khánh	Hoàng	16/07/94	3055				
19	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/95	3056				
20	1221040102	Vũ Văn	Hoàng	22/02/94	3057				
21	1321020114	Bùi Ngọc	Hùng	19/07/95	3058				
22	1221060272	Mai Văn	Hùng	27/05/93	3059				
23	1321050091	Nguyễn Văn	Huy	20/04/95	3060				
24	1221040114	Hà Đức	Hưng	05/11/94	3061				
25	1221060344	Nguyễn Văn	Luân	28/01/94	3062				
26	1121040461	Kham Kom	Machan	28/08/91	3063				
27	1321040181	Nguyễn Hoàng	Nam	19/09/95	3064				
28	1221030113	Kiều Bảo	Ngọc	15/05/94	3065				
29	1221030130	Đinh Văn	Sơn	01/11/94	3066				
30	1221070132	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/94	3067				
31	1321030819	Mai Xuân	Tài	13/03/94	3068				
32	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/96	3069				
33	1221040250	Nguyễn Thế	Thìn	04/07/94	3070				
34	1321020204	Phùng Đức	Thịnh	18/11/95	3071				
35	1311020077	Nguyễn Văn	Thông	30/11/95	3072				
36	1221060134	Nguyễn Hải	Thuận	23/12/94	3073				
37	1221040256	Lê Thị	Thủy	29/11/94	3074				
38	1221070285	Phạm Văn	Tiếp	29/05/93	3075				
39	1221060455	Vũ Tiến	Toàn	29/10/94	3076				
40	1221060151	Lê Văn	Trúc	26/12/94	3077				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040309	Phạm Minh	Trung	25/01/95	3078				
42	1411070046	Lê Anh	Tuấn	19/05/96	3079				
43	1221060170	Nguyễn Anh	Tuấn	02/10/94	3080				
44	1221020536	Nguyễn Ngọc	Tuất	28/02/94	3081				
45	1221060174	Hoàng Thanh	Tùng	15/05/94	3082				
46	1221070170	Phạm Văn	Tùng	23/05/94	3083				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010009	Đinh Viết	Anh	13/03/93	3084				
2	1221020005	Nguyễn Tuấn	Anh	04/10/93	3085				
3	1221030003	Phạm Thị Vân	Anh	21/06/94	3086				
4	1321030420	Trần Tuấn	Anh	29/10/95	3087				
5	1221070016	Nguyễn Văn	Bộ	31/01/94	3088				
6	1221010037	Lê Trường	Chinh	04/09/93	3089				
7	1411050008	Nguyễn Văn	Chinh	12/02/96	3090				
8	1221070024	Phạm Văn	Cường	03/06/93	3091				
9	1221010069	Nguyễn Văn	Dũng	08/06/93	3092				
10	1321030482	Lê Việt	Duy	22/02/95	3093				
11	1321070046	Hàn Viết	Đạt	09/10/95	3094				
12	1221010087	Nguyễn Tuấn	Đạt	26/10/94	3095				
13	1221030211	Lê Trường Sơn	Đông	10/07/94	3096				
14	1221020221	Thân Anh	Đức	14/09/92	3097				
15	1221010130	Lê Thị	Hiền	23/10/94	3098				
16	1221020309	Vũ Văn	Hiền	26/07/94	3099				
17	1221020310	Đỗ Văn	Hiền	14/06/94	3100				
18	1221060067	Đỗ Thị Thu	Hường	10/02/94	3101				
19	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/95	3102				
20	1321030653	Nguyễn Văn	Khéo	03/03/93	3103				
21	1221010197	Nguyễn Văn	Lâm	29/03/94	3104				
22	1321060168	Bùi Văn	Long	22/08/95	3105				
23	1221020355	Phạm Văn	Lượng	12/11/94	3106				
24	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/94	3107				
25	1221010246	Hồ Viết	Ngọc	09/03/94	3108				
26	1221020111	Chu Văn	Phổ	09/05/94	3109				
27	1221050087	Nguyễn Văn	Quân	25/02/94	3110				
28	1221050093	Hoàng Ngọc	Tân	09/07/94	3111				
29	1221020452	Phạm Văn	Tân	03/08/93	3112				
30	1321010311	Cao Ngọc	Thành	12/02/95	3113				
31	1321080086	Đoàn Phương	Thành	16/06/95	3114				
32	1221020150	Đỗ Văn	Thụ	13/04/94	3115				
33	1221060473	Trần Văn	Trí	05/05/94	3116				
34	1321020769	Nguyễn Đức	Trung	12/02/95	3117				
35	1221040281	Tăng Xuân	Trung	03/08/94	3118				
36	1221060161	Phạm Xuân	Trường	26/01/94	3119				
37	1221060481	Dương Anh	Tuấn	12/05/93	3120				
38	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/95	3121				
39	1221010389	Lê Anh	Tuấn	12/03/94	3122				
40	1321070704	Đào Mạnh	Tùng	15/10/94	3123				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2
Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 8 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010422	Phan Thanh Quang	Vũ	08/03/93	3124				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số tờ:
Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221050144	Bùi Đức Tuấn	Anh	29/09/94	3125				
2	1221060003	Lê Đức	Anh	04/02/94	3126				
3	1421020216	Nguyễn Quang	Anh	03/05/96	3127				
4	1221030016	Nguyễn Quý	Chung	20/01/94	3128				
5	1021010057	Bùi Việt	Cường	07/11/92	3129				
6	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/96	3130				
7	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	03/07/93	3131				
8	1321070467	Đặng Trọng	Đoan	14/01/93	3132				
9	1221030049	Nguyễn Quý	Hạnh	08/01/94	3133				
10	1221060304	Đỗ Văn	Hoan	29/10/91	3134				
11	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/91	3135				
12	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/96	3136				
13	1221070068	Vũ Đức	Huy	30/10/94	3137				
14	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/86	3138				
15	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/97	3139				
16	1414010043	Trần Thị	Linh	28/06/96	3140				
17	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/96	3141				
18	1021020184	Nguyễn Văn	Ngọc	19/02/92	3142				
19	1221010258	Lê Minh	Nhật	26/09/94	3143				
20	1321050650	Bùi Thị Cẩm	Nhung	14/11/95	3144				
21	1221040198	Phạm Ngọc	Quang	10/11/94	3145				
22	1221060385	Trần Ngọc	Quý	15/09/93	3146				
23	1221030125	Hà Văn	Quốc	12/07/92	3147				
24	1121060275	Nguyễn Xuân	Son	23/01/93	3148				
25	1221020129	Vũ Hồng	Sơn	10/09/94	3149				
26	1211030139	Nguyễn Thế	Sự	23/08/93	3150				
27	1221040223	Vũ Ngọc	Tân	26/11/91	3151				
28	1411040055	Phùng Kim	Thắng	14/12/96	3152				
29	1411030059	Giang Sơn	Thịnh	20/05/96	3153				
30	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	03/11/94	3154				
31	1321050194	Hoàng Sỹ	Thông	03/02/94	3155				
32	1321030228	Đặng Văn	Thuần	10/10/95	3156				
33	1221020158	Lương Văn	Triều	20/01/94	3157				
34	1221040276	Đàm Văn	Trọng	20/12/92	3158				
35	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/95	3159				
36	1411050088	Đỗ Quốc	Việt	08/06/94	3160				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221030005	Trần Tuấn	Anh	31/03/94	3161				
2	1221050167	Nguyễn	Cường	07/07/93	3162				
3	1411050012	Trương Mạnh	Cường	04/06/96	3163				
4	1221010066	Nguyễn Trọng	Doanh	17/07/92	3164				
5	1221020023	Đào Anh	Dũng	01/08/94	3165				
6	1221080015	Nguyễn Phan	Đại	18/10/94	3166				
7	1321060077	Nguyễn Đức	Đông	24/04/95	3167				
8	1221060034	Lưu Hoàng	Đức	01/08/94	3168				
9	1221060289	Bùi Đức	Hiếu	19/04/93	3169				
10	1221050229	Nguyễn Đức	Hiếu	19/05/94	3170				
11	1311030043	Nguyễn Vinh	Hoa	05/07/94	3171				
12	1421060113	Lê Việt	Hoàng	24/03/96	3172				
13	1221060052	Lý Lê	Hoàng	27/07/94	3173				
14	1311040048	Nguyễn Xuân	Huân	25/11/94	3174				
15	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/95	3175				
16	1221070090	Lê Văn	Linh	09/11/94	3176				
17	1431030018	Nguyễn Đức	Lợi	28/02/89	3177				
18	1221030100	Lê Thị	Luân	12/09/94	3178				
19	1421060170	Ngô Xuân	Mạnh	06/05/96	3179				
20	1311030080	Nguyễn Thành	Minh	08/12/94	3180				
21	1321010238	Hoàng Huy	Nam	11/12/95	3181				
22	1421080078	Vũ Thị	Nga	15/11/96	3182				
23	1221010247	Lê Cao	Ngọc	02/06/94	3183				
24	1321030168	Đào Thiện	Nguyên	17/07/95	3184				
25	1321060206	Nguyễn Đăng	Nguyên	10/02/95	3185				
26	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/96	3186				
27	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/95	3187				
28	1221060115	Tạ Thái	Sơn	16/11/94	3188				
29	1221050370	Vũ Mạnh	Tài	21/09/94	3189				
30	1221020135	Lê Văn	Tân	24/09/94	3190				
31	1221010313	Vũ Văn	Thanh	15/10/94	3191				
32	1311060169	Nguyễn Văn	Thành	10/11/95	3192				
33	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/93	3193				
34	1321050219	Trần Sách	Tuyên	10/07/94	3194				
35	1221030485	Đinh Công	Viên	01/02/92	3195				
36	1221030488	Hồ Văn	Việt	26/07/93	3196				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 05 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411060005	Vũ Thế	Anh	03/07/95	3197				
2	1221040015	Đặng Văn	Bắc	10/11/94	3198				
3	1321020024	Nguyễn Danh	Cảnh	11/11/95	3199				
4	1321070018	Nguyễn Tiến	Chiến	25/12/95	3200				
5	1321040052	Nguyễn Ngọc	Duy	11/06/95	3201				
6	1221070208	Hứa Duy	Dương	17/04/94	3202				
7	1221060196	Nguyễn Tiến	Đạt	05/02/94	3203				
8	1221020041	Nguyễn Phương	Điệp	02/08/94	3204				
9	1321020074	Hoàng Văn	Đức	29/09/95	3205				
10	1221030043	Nguyễn Đức	Hải	15/06/94	3206				
11	1321010148	Ngô Ngọc	Hiên	07/03/95	3207				
12	1311040043	Phạm Đức	Hiên	27/11/95	3208				
13	1321030573	Hà Trung	Hiếu	12/06/95	3209				
14	1221030298	Phạm Thế	Học	12/09/94	3210				
15	1321020136	Vũ Khánh	Lâm	16/07/95	3211				
16	1321010225	Nguyễn Bá	Mạnh	16/02/95	3212				
17	1221070118	Vũ Bích	Phượng	30/11/94	3213				
18	1421050160	Nguyễn Xuân	Quân	25/10/95	3214				
19	1411030049	Nhữ Văn	Quyên	15/11/96	3215				
20	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/94	3216				
21	1321070167	Dương Văn	Thái	20/02/95	3217				
22	1221070142	Trần Ngọc	Thanh	13/10/94	3218				
23	1321010313	Lê Ngọc	Thành	05/07/95	3219				
24	1121020356	Nguyễn Minh	Thành	23/12/93	3220				
25	1221030148	Hoàng Thị	Thoa	14/03/94	3221				
26	1221060459	Hồ Văn	Trọng	10/04/94	3222				
27	1221060164	Trương Thanh	Tú	11/09/94	3223				
28	1311040135	Đỗ Anh	Tuấn	08/08/94	3224				
29	1221030478	Nguyễn Mạnh	Tuấn	28/02/94	3225				
30	1411030072	Thang Anh	Tuấn	11/05/96	3226				
31	1321060672	Nguyễn Văn	Tuyến	22/10/94	3227				
32	1321060352	Võ Đình	Yên	24/01/95	3228				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 06 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040003	Bùi Duy	Anh	27/09/94	3229				
2	1021020462	Nguyễn Bá Tuấn	Anh	20/10/92	3230				
3	1421030253	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/06/96	3231				
4	1121020006	Nguyễn Tuấn	Anh	26/08/93	3232				
5	1321060044	Phạm Quốc	Doanh	19/05/94	3233				
6	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/97	3234				
7	1311060043	Phạm Văn	Đáng	10/12/95	3235				
8	1221060028	Đinh Tiến	Đạt	02/03/94	3236				
9	1221030221	Vũ Văn	Đạt	30/07/94	3237				
10	1421080199	Nguyễn Thị	Hà	25/03/96	3238				
11	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/93	3239				
12	1221010142	Lê Đức	Hoàng	25/02/92	3240				
13	1221020333	Nguyễn Tiến	Huân	26/09/94	3241				
14	1411060074	Đỗ Văn	Hùng	06/06/95	3242				
15	1221070083	Nguyễn Đức	Kiên	22/09/94	3243				
16	1221010189	Trần Mạnh Hoàng	Kim	20/02/94	3244				
17	1411040034	Đinh Thế	Kỷ	16/05/96	3245				
18	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/94	3246				
19	1311060125	Lại Văn	Minh	11/10/95	3247				
20	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/95	3248				
21	1421050152	Mạc Văn	Phong	06/02/96	3249				
22	1321060218	Cao Xuân	Phương	12/11/95	3250				
23	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/96	3251				
24	1221040224	Phan Văn	Tấn	01/03/94	3252				
25	1421050591	Nguyễn Ngọc	Thái	01/12/96	3253				
26	1411040052	Lương Đức	Thành	08/08/96	3254				
27	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/96	3255				
28	1321060278	Trần Văn	Thăng	16/07/95	3256				
29	1121010318	Trịnh Xuân	Thắng	01/02/93	3257				
30	1411040057	Trần Văn	Thùy	14/02/95	3258				
31	1221030174	Nguyễn Đức	Trung	01/05/94	3259				
32	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/94	3260				
33	1421050691	Phạm Lê	Tuấn	01/12/95	3261				
34	1321010405	Nguyễn Duy	Tùng	20/12/95	3262				
35	1221020538	Trần Văn	Tuyên	07/04/94	3263				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050404	Chu Hoàng	Anh	31/03/94	3264				
2	1524010311	Lê Thục	Anh	09/10/97	3265				
3	1321050409	Lê Tuấn	Anh	16/10/95	3266				
4	1321080002	Lê Tuấn	Anh	24/06/95	3267				
5	1221080090	Nguyễn Công	ánh	27/05/94	3268				
6	1321030018	Phạm Ngọc	Bảo	08/10/94	3269				
7	1221060008	Nguyễn Văn	Bắc	11/10/94	3270				
8	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/94	3271				
9	1321060036	Nguyễn Văn	Cương	03/05/94	3272				
10	1321060042	Lương Minh	Cường	30/06/95	3273				
11	1321080412	Nguyễn Đình	Cường	25/09/95	3274				
12	1421050030	Nguyễn Văn	Cường	25/10/96	3275				
13	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/94	3276				
14	1221040037	Đặng Minh	Duy	14/06/94	3277				
15	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/95	3278				
16	1324010452	Nguyễn Minh	Đức	21/01/95	3279				
17	1324010094	Trần Thị	Hậu	10/02/95	3280				
18	1221020311	Nguyễn Đức	Hiệp	03/06/94	3281				
19	1324010104	Trần Thị	Hoa	03/01/95	3282				
20	1324010105	Hoàng Thị	Hòa	10/02/95	3283				
21	1424010061	Phạm Thị	Hồng	28/12/96	3284				
22	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/95	3285				
23	1321050592	Đại Duy	Khánh	23/09/94	3286				
24	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	06/10/95	3287				
25	1324010561	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/02/95	3288				
26	1321010217	Trần	Long	23/11/95	3289				
27	1321010228	Hoàng Văn	Mạo	06/04/93	3290				
28	1324010181	Phạm Thị Dáng	Mi	06/02/95	3291				
29	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/95	3292				
30	1421080071	Nguyễn Tuấn	Minh	19/03/96	3293				
31	1324010206	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/06/95	3294				
32	1321040545	Vũ Hải	Ninh	19/04/95	3295				
33	1221020421	Nguyễn Xuân	Phan	26/10/94	3296				
34	1321040221	Đình Trí	Quyền	18/10/95	3297				
35	1321040224	Đoàn Trọng	Quỳnh	01/03/94	3298				
36	1421040578	Lê Thanh	Sơn	02/07/94	3299				
37	1321080507	Đào Thị Thanh	Tâm	27/12/94	3300				
38	1421060248	Vũ Hồng	Thanh	13/12/96	3301				
39	1321080089	Nguyễn Văn	Thành	05/08/94	3302				
40	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/96	3303				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060280	Dương Thế	Thắng	09/05/95	3304				
42	1321010341	Lê Ngọc	Thịnh	21/09/94	3305				
43	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	02/11/94	3306				
44	1221050099	Đỗ Thị Thu	Thùy	03/08/94	3307				
45	1321040576	Trần Thị	Thùy	10/01/93	3308				
46	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/95	3309				
47	1321020221	Phạm Thanh	Tịnh	11/07/95	3310				
48	1321010375	Mai Duy	Trình	28/08/95	3311				
49	1321080532	Đinh Đức	Trung	24/04/95	3312				
50	1321040307	Lưu Quang	Trung	30/06/95	3313				
51	1321060321	Dương Đức	Trương	27/10/95	3314				
52	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/96	3315				
53	1221010380	Nguyễn Văn	Trường	03/11/94	3316				
54	1221040285	Nguyễn Văn	Trường	09/09/94	3317				
55	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/94	3318				
56	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/95	3319				
57	1421060302	Nguyễn Thế	Tùng	04/04/96	3320				
58	1221080085	Dương Huy	Vinh	26/06/94	3321				
59	1421010388	Đào Việt	Vương	15/04/96	3322				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/96	3323				
2	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/95	3324				
3	1421060014	Vũ Hoàng	Anh	16/08/96	3325				
4	1421030009	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/96	3326				
5	1321040013	Nguyễn Thị	ánh	20/04/95	3327				
6	1421060017	Đặng Chí	Bảo	15/06/96	3328				
7	1221020012	Lê Văn	Cam	08/04/91	3329				
8	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/96	3330				
9	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/95	3331				
10	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/95	3332				
11	1221060243	Nguyễn Văn	Dừa	06/06/93	3333				
12	1321020058	Trần Khánh	Dương	06/11/95	3334				
13	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/95	3335				
14	1221030033	Đinh Văn	Đô	22/01/93	3336				
15	1221060205	Dương Minh	Đức	04/12/92	3337				
16	1421080190	Nguyễn Anh	Đức	13/01/96	3338				
17	1321010128	Nguyễn Hoàng	Hà	04/03/95	3339				
18	1424010039	Cao Thị	Hào	30/09/96	3340				
19	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/04/97	3341				
20	1221040389	Nguyễn Văn	Hiệp	07/03/94	3342				
21	1221060285	Nguyễn Văn	Hiệp	15/09/93	3343				
22	1221080024	Phạm Hồng	Hiếu	15/10/94	3344				
23	1321010155	Nguyễn Đình	Hiệu	12/02/95	3345				
24	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/94	3346				
25	1321010163	Trần Huy	Hoàng	25/09/95	3347				
26	1421060122	Bùi Văn	Huân	06/03/96	3348				
27	1421070317	Nguyễn Khắc	Huy	18/01/95	3349				
28	1424010075	Trần Trọng	Huỳnh	08/03/96	3350				
29	1221060321	Vũ Trung	Kiên	19/01/93	3351				
30	1424010104	Phạm Thị Thùy	Linh	04/08/95	3352				
31	1421080277	Đinh Phi	Long	26/09/96	3353				
32	1321040524	Dương Mạnh	Luân	13/06/94	3354				
33	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/95	3355				
34	1321020629	Phạm Tiến	Mạnh	26/04/95	3356				
35	1321060183	Phạm Văn	Mạnh	26/11/94	3357				
36	1421030130	Nguyễn Thị	Mĩ	01/07/96	3358				
37	1321040181	Nguyễn Hoàng	Nam	19/09/95	3359				
38	1421050136	Trịnh Văn	Nam	25/08/96	3360				
39	1221030368	Lê Nguyên	Ngọc	07/03/94	3361				
40	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/95	3362				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421030149	Trần Thị	Nhung	24/08/96	3363				
42	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/94	3364				
43	1321010285	Trần Văn	Quân	19/07/95	3365				
44	1121050082	Hà Văn	Quyết	10/06/88	3366				
45	1321020695	Bùi Hoàng	Sơn	13/05/95	3367				
46	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/96	3368				
47	1321040258	Nguyễn Văn	Thào	18/02/91	3369				
48	1424010181	Trần Thị Thu	Thào	01/07/96	3370				
49	1421030186	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	15/11/96	3371				
50	1321060278	Trần Văn	Thăng	16/07/95	3372				
51	1321050717	Hoàng Mạnh	Thắng	23/07/94	3373				
52	1221040255	Đỗ Thị Thu	Thủy	01/01/94	3374				
53	1221070152	Nguyễn Việt	Tiến	10/11/94	3375				
54	1321040295	Đoàn Thị	Trang	08/11/95	3376				
55	1221050425	Nguyễn Quang	Triệu	18/11/94	3377				
56	1321070197	Lê Đức	Trọng	03/07/95	3378				
57	1221060450	Nguyễn Văn	Tú	13/05/94	3379				
58	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/95	3380				
59	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/95	3381				
60	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/93	3382				
61	1321050219	Trần Sách	Tuyên	10/07/94	3383				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/95	3384				
2	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/94	3385				
3	1221011012	Phạm Tuấn	Anh	12/08/93	3386				
4	1321060021	Nguyễn Thái	Bảo	06/06/94	3387				
5	1424010015	Cao Trọng	Báu	18/10/96	3388				
6	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/96	3389				
7	1321060024	Nguyễn Thái	Bình	04/08/95	3390				
8	1321060034	Đoàn Ngọc	Cuong	10/03/95	3391				
9	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/95	3392				
10	1321050038	Vũ Mạnh	Cường	29/02/95	3393				
11	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/93	3394				
12	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/96	3395				
13	1321050475	Phạm Văn	Dương	12/05/95	3396				
14	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/95	3397				
15	1321060072	Nguyễn Đình	Diễn	26/12/94	3398				
16	1221030033	Đinh Văn	Đô	22/01/93	3399				
17	1321040072	Bùi Minh	Đức	01/08/95	3400				
18	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/96	3401				
19	1221060040	Nguyễn Mạnh	Hà	29/08/94	3402				
20	1221070047	Bùi Thế	Hải	20/05/94	3403				
21	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/96	3404				
22	1421050397	Đoàn Hoàng	Hiệp	04/09/96	3405				
23	1221040091	Nguyễn Trung	Hiếu	28/09/93	3406				
24	1221060292	Phạm Xuân	Hiếu	10/08/94	3407				
25	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/93	3408				
26	1421020369	Nguyễn Văn	Hoàng	30/05/96	3409				
27	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/94	3410				
28	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/95	3411				
29	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/96	3412				
30	1321050096	Hoàng Công	Huỳnh	18/07/95	3413				
31	1321060523	Vũ Quang	Hưng	08/07/95	3414				
32	1221060070	Trần Duy	Khánh	15/02/94	3415				
33	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/95	3416				
34	1321030126	Hoàng Kim	Long	07/12/94	3417				
35	1321050121	Nguyễn Văn	Long	04/10/95	3418				
36	1321040171	Lại Tuấn	Mạnh	03/09/95	3419				
37	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/95	3420				
38	1221080045	Hoàng Văn	Minh	14/12/94	3421				
39	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/94	3422				
40	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/94	3423				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060201	Trịnh Hồng	Nghĩa	26/09/95	3424				
42	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/95	3425				
43	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/94	3426				
44	1321030804	Lưu Bá	Quyết	11/03/95	3427				
45	1421060227	Trần Văn	Sang	29/07/96	3428				
46	1321040243	Nguyễn Ngọc	Tân	22/01/95	3429				
47	1524010303	Lương Thu	Thảo	07/10/97	3430				
48	1221060419	Phạm Văn	Thắng	05/10/94	3431				
49	1321030860	Tô Bá	Thế	15/08/95	3432				
50	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/95	3433				
51	1321030889	Phạm Đức	Tiến	16/09/95	3434				
52	1221060147	Trần Đức	Toàn	08/11/94	3435				
53	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/96	3436				
54	1221040284	Bùi Văn	Trưởng	16/05/94	3437				
55	1421020187	Vương Văn	Tuấn	29/05/96	3438				
56	1321040321	Bùi Tiến	Tùng	01/11/95	3439				
57	1421060307	Nguyễn Bá	Tuyên	10/02/93	3440				
58	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/94	3441				
59	1421020201	Đinh Thị Hải	Yên	22/05/96	3442				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020003	Nguyễn Bá	An	17/05/95	3443				
2	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/97	3444				
3	1321010009	Nguyễn Đức Duy	Anh	07/04/95	3445				
4	1321070007	Phạm Thế	Anh	14/04/95	3446				
5	1221080090	Nguyễn Công	ánh	27/05/94	3447				
6	1321030425	Ngô Đức	Bảo	01/09/95	3448				
7	1221010028	Lê Tuấn	Bằng	10/08/94	3449				
8	1221070018	Nguyễn Đình	Chiều	22/05/93	3450				
9	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/96	3451				
10	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/94	3452				
11	1221060248	Thân Tiến	Dũng	02/10/94	3453				
12	1321050471	Phạm Hồng	Duy	11/01/94	3454				
13	1221040052	Lương Văn	Đạt	22/06/94	3455				
14	1221020209	Nguyễn Tiến	Đạt	21/02/94	3456				
15	1221050029	Phạm Tiến	Đạt	20/10/93	3457				
16	1321060464	Đoàn Mạnh	Đồng	01/07/95	3458				
17	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/94	3459				
18	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/97	3460				
19	1321060085	Phạm Văn	Đức	19/09/95	3461				
20	1221020054	Lộ Chí	Giàu	01/11/94	3462				
21	1324010076	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/10/95	3463				
22	1321030551	Phạm Văn	Hải	02/04/94	3464				
23	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/93	3465				
24	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/94	3466				
25	1421050402	Vũ Văn	Hiếu	09/08/96	3467				
26	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/96	3468				
27	1321030593	Bùi Khánh	Hoàng	16/07/94	3469				
28	1424010061	Phạm Thị	Hồng	28/12/96	3470				
29	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/95	3471				
30	1221060066	Nguyễn Mạnh	Hưng	01/12/94	3472				
31	1321030646	Đinh Văn	Khá	12/04/95	3473				
32	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/95	3474				
33	1221010180	Trần Văn	Khôi	21/05/94	3475				
34	1221010195	Nguyễn Chí	Lâm	02/10/94	3476				
35	1421050108	Nguyễn Khánh	Linh	25/09/96	3477				
36	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/94	3478				
37	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/95	3479				
38	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/96	3480				
39	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/95	3481				
40	1221040169	Nguyễn Văn	Minh	17/10/93	3482				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 8/11/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 8 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030159	Trần Thanh	Nam	17/07/95	3483				
42	1321060205	Phạm Thiện	Ngọc	05/04/94	3484				
43	1421080316	Kiều Văn	Phong	10/03/96	3485				
44	1321020668	Nguyễn Văn	Phóng	02/06/95	3486				
45	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/95	3487				
46	1221080058	Lương Trọng	Quang	20/11/93	3488				
47	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/95	3489				
48	1321040220	Trần Văn	Quân	20/05/95	3490				
49	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/95	3491				
50	1321040232	Mã Văn	Sơn	20/12/95	3492				
51	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/94	3493				
52	1221030428	Phạm Ngọc	Thao	13/06/94	3494				
53	1321070656	Lê Sỹ	Thắng	10/08/95	3495				
54	1321040276	Bùi Văn	Thịnh	10/12/95	3496				
55	1321060307	Đặng Ngọc	Tiến	06/12/95	3497				
56	1421010358	Huỳnh Bá	Truyền	24/11/96	3498				
57	1021040331	Nguyễn Tiến	Trưởng	02/10/91	3499				
58	1221020179	Bùi Đức	Tường	31/12/93	3500				
59	1221080085	Dương Huy	Vinh	26/06/94	3501				
60	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/97	3502				
61	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/97	3503				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1534010002	Hà Thùy	An	24/02/	3504				
2	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/97	3505				
3	1534010004	Lưu Đức	Anh	23/04/	3506				
4	1534010009	Lê Văn	Đệ	20/01/	3507				
5	1534010010	Nguyễn Tiến	Độ	23/08/	3508				
6	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/97	3509				
7	1534010012	Phan Hồng	Hoa	06/10/	3510				
8	1534010015	Đỗ Thị Thanh	Huyền	18/03/	3511				
9	1521060262	Vũ Văn	Huỳnh	14/08/97	3512				
10	1534010017	Trương Thị	Hương	28/12/	3513				
11	1534010402	Phạm Đức Nam	Khánh	30/07/93	3514				
12	1321020130	Nguyễn Đăng	Khoa	08/11/95	3515				
13	1534010405	Nguyễn Thị Thúy	Mai	17/02/90	3516				
14	1534010404	Nguyễn Tuyết	Mai	19/08/91	3517				
15	1534010021	Nguyễn Lộc	Minh	23/04/	3518				
16	1534010024	Nguyễn Thị	Oanh	03/10/	3519				
17	1421030160	Trần Minh	Quyên	02/02/95	3520				
18	1321050168	Nguyễn Mai Diệu	Quỳnh	17/06/95	3521				
19	1534010027	Trần Thị	Quỳnh	12/03/	3522				
20	1421010294	Lê Hữu	Thành	20/07/96	3523				
21	1534010029	Trịnh Thị Phương	Thảo	29/03/	3524				
22	1534010406	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/07/84	3525				
23	1534010036	Lê Thị	Trinh	30/06/	3526				
24	1534010037	Lê Thanh	Trúc	02/09/	3527				
25	1534010038	Trần Thanh	Tuấn	28/12/	3528				
26	1221030488	Hồ Văn	Việt	26/07/93	3529				
27	1534010407	Nguyễn Công	Võ	12/07/92	3530				
28	1421010391	Lê Thị	Yên	26/07/96	3531				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411050001	Nguyễn Văn	An	10/03/96	3532				
2	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/97	3533				
3	1421050268	Phạm Tuấn	Anh	12/06/96	3534				
4	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/94	3535				
5	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/96	3536				
6	1521010141	Nguyễn Thế	Công	06/10/96	3537				
7	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/95	3538				
8	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/97	3539				
9	1321030463	Nguyễn Công Mạnh	Cường	01/06/95	3540				
10	1221020267	Cao Tiến	Dũng	20/06/94	3541				
11	1221040057	Vũ Văn	Đạt	26/11/94	3542				
12	1221030034	Nguyễn Huy	Đông	10/09/94	3543				
13	1324010450	Nguyễn Xuân	Đông	20/09/95	3544				
14	1421050053	Bùi Hương	Giang	21/04/96	3545				
15	1321040076	Đỗ Trường	Giang	16/09/95	3546				
16	1221010122	Phạm Văn	Hải	10/10/93	3547				
17	1321050535	Trần Đức	Hậu	10/10/95	3548				
18	1321020094	Bùi Doãn	Hiên	23/10/95	3549				
19	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/95	3550				
20	1321050549	Trần Hữu	Hiệu	26/05/95	3551				
21	1321060491	Lê Văn	Hòa	16/11/95	3552				
22	1321070074	Nguyễn Bá	Hòa	15/11/94	3553				
23	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/97	3554				
24	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/97	3555				
25	1411060066	Nguyễn Vũ	Hoàng	14/07/96	3556				
26	1321050564	Hoàng Văn	Hội	16/07/95	3557				
27	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/97	3558				
28	1424010073	Phan Thị	Huyền	29/10/96	3559				
29	1421050448	Vũ Văn	Hữu	23/06/96	3560				
30	1221040136	Trần Trung	Kiên	11/07/94	3561				
31	1221060077	Nguyễn Văn	Lâm	15/10/94	3562				
32	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/97	3563				
33	1521060038	Dương Duy	Lợi	17/08/97	3564				
34	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/97	3565				
35	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/96	3566				
36	1321050128	Nguyễn Hữu	Mạnh	18/05/95	3567				
37	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/96	3568				
38	1521050084	Phùng Quang	Minh	17/12/97	3569				
39	1321060189	Trần Trọng	Minh	28/02/95	3570				
40	1424010493	Nguyễn Bá	Phong	05/11/96	3571				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321010267	Nguyễn Duy	Phúc	05/09/95	3572				
42	1221050083	Doãn Thị Mai	Phương	13/06/94	3573				
43	1521010304	Phan Minh	Quân	04/10/97	3574				
44	1321030189	Hoàng Tứ	Quý	10/11/95	3575				
45	1321020705	Nguyễn Ngọc	Tân	20/04/95	3576				
46	1221040232	Hoàng Hữu	Thành	05/08/94	3577				
47	1421050595	Nguyễn Năng	Thành	02/02/96	3578				
48	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/95	3579				
49	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/96	3580				
50	1321020754	Lê Xuân	Tinh	16/01/94	3581				
51	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/96	3582				
52	1321070198	Nguyễn Thành	Trung	22/01/95	3583				
53	1421030215	Nguyễn Sỹ	Tú	24/05/96	3584				
54	1321030938	Đoàn Mạnh	Tuấn	17/02/95	3585				
55	1321031003	Hoàng Văn	Tuấn	12/07/95	3586				
56	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/97	3587				
57	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/96	3588				
58	1321030945	Nguyễn Anh	Tuấn	03/06/95	3589				
59	1421030225	Phạm Văn	Tuấn	25/06/96	3590				
60	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	02/10/96	3591				
61	1421040348	Lê	Vũ	07/09/96	3592				
62	1521020075	Phạm Hải	Yên	04/08/97	3593				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/96	3594				
2	1321020004	Nguyễn Trường	An	22/02/95	3595				
3	1521080086	Vũ Đoàn Thanh	An	07/10/97	3596				
4	1321050404	Chu Hoàng	Anh	31/03/94	3597				
5	1521050061	Kiều Việt	Anh	08/05/97	3598				
6	1521020050	Nguyễn Thế	Anh	22/06/97	3599				
7	1521050313	Bùi Sĩ	Biên	18/03/97	3600				
8	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/97	3601				
9	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/97	3602				
10	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/97	3603				
11	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/94	3604				
12	1221010048	Trần Sỹ	Công	28/12/94	3605				
13	1321030023	Đàm Như	Cương	12/01/95	3606				
14	1421030023	Vũ Kim	Cương	06/02/95	3607				
15	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/97	3608				
16	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/96	3609				
17	1321030269	Mai Quý	Cường	03/03/95	3610				
18	1411060022	Liêu Văn	Danh	04/07/94	3611				
19	1311060031	Lý Hà	Dũng	16/03/95	3612				
20	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/95	3613				
21	1424010025	Trần Anh	Dũng	23/12/96	3614				
22	1421020269	Vũ Tuấn	Dũng	14/04/96	3615				
23	1321030479	Vũ Văn	Dũng	21/02/95	3616				
24	1521020113	Nguyễn Quang	Duy	12/10/97	3617				
25	1311050015	Nguyễn Hồng	Duyên	22/09/95	3618				
26	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/96	3619				
27	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/97	3620				
28	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/96	3621				
29	1321010115	Nguyễn Đình	Đức	12/10/95	3622				
30	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/95	3623				
31	1424010032	Nguyễn Thị Hương	Giang	04/07/96	3624				
32	1521030018	Vũ Văn	Giáp	23/12/94	3625				
33	1524010323	Bùi Phương	Hà	10/10/97	3626				
34	1524010332	Hồ Cẩm	Hà	13/11/97	3627				
35	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/97	3628				
36	1524010347	Bùi Thị	Hằng	26/09/97	3629				
37	1221050043	Phạm Thị Thu	Hằng	03/01/94	3630				
38	1221060283	Nguyễn Bá	Hiệp	01/11/92	3631				
39	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	07/06/96	3632				
40	1521050379	Đỗ Ngọc	Hoàn	06/11/97	3633				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521050062	Bùi Xuân	Hoàng	17/05/96	3634				
42	1511060003	Nguyễn Huy	Hoàng	22/05/96	3635				
43	1321070519	Lê Cao	Hội	11/08/94	3636				
44	1321050566	Lâm Mạnh	Hùng	29/01/95	3637				
45	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/06/97	3638				
46	1521050130	Phạm Tiến	Hùng	13/10/96	3639				
47	1411060080	Trần Mạnh	Hùng	22/08/96	3640				
48	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/97	3641				
49	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/97	3642				
50	1521050179	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/97	3643				
51	1521060141	Vũ Mạnh	Hưng	23/01/97	3644				
52	1524010240	Nguyễn Thị Thúy	Hường	03/09/97	3645				
53	1521060082	Nguyễn Thành	Khá	19/05/97	3646				
54	1521050243	Nguyễn Văn	Khanh	29/12/97	3647				
55	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/97	3648				
56	1521050413	Bùi Thị	Lan	12/12/97	3649				
57	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/97	3650				
58	1521060034	Nguyễn Bá	Linh	09/02/97	3651				
59	1324010163	Nguyễn Tuấn	Linh	23/06/95	3652				
60	1521050143	Phạm Quang	Linh	19/04/97	3653				
61	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/97	3654				
62	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/96	3655				
63	1421040170	Phạm Đức	Long	12/06/96	3656				
64	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/97	3657				
65	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/97	3658				
66	1221060085	Nguyễn Đình	Luân	22/11/94	3659				
67	1521060439	Đình Văn	Lực	17/12/97	3660				
68	1311060127	Nguyễn Văn	Minh	01/11/94	3661				
69	1311060133	Vũ Nhật	Nam	28/09/94	3662				
70	1521050095	Đỗ Thị	Ngọc	25/08/96	3663				
71	1524010295	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/03/97	3664				
72	1524010259	Vũ Thị	Ngọc	24/10/97	3665				
73	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/94	3666				
74	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/95	3667				
75	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/97	3668				
76	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	06/03/97	3669				
77	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/97	3670				
78	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/96	3671				
79	1221010295	Đặng Thế	Sơn	20/06/94	3672				
80	1421050170	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/11/96	3673				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/95	3674				
82	1221030134	Lương Việt	Thái	25/10/94	3675				
83	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/97	3676				
84	1521070364	Nguyễn Xuân	Thào	01/08/97	3677				
85	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/96	3678				
86	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/97	3679				
87	1521010001	Đinh Đức	Thiện	20/02/97	3680				
88	1421050615	Nguyễn Văn	Thiện	13/01/96	3681				
89	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/97	3682				
90	1221060141	Nguyễn Văn	Tiến	04/06/94	3683				
91	1521070102	Phạm Minh	Tiến	21/11/97	3684				
92	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/96	3685				
93	1421040310	Phạm Xuân	Trường	16/12/96	3686				
94	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/97	3687				
95	1521020334	Nguyễn Anh	Tuấn	13/12/95	3688				
96	1421050689	Nguyễn Văn	Tuấn	11/10/96	3689				
97	1321050779	Vũ Anh	Tuấn	21/08/95	3690				
98	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/94	3691				
99	1524010555	Nguyễn Thanh	Tùng	24/05/97	3692				
100	1521020006	Vũ Hoàng	Tùng	01/11/97	3693				
101	1121060317	Trịnh Duy	Tuyên	25/09/93	3694				
102	1321040325	Phạm Văn	Tuyên	20/11/95	3695				
103	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/97	3696				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050045	Nguyễn Văn	An	06/09/97	3697				
2	1521050128	Cao Thế	Anh	23/02/97	3698				
3	1511080003	Dương Thái Bình	Anh	21/12/96	3699				
4	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/96	3700				
5	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/97	3701				
6	1321080408	Đỗ Văn	Cảnh	20/06/94	3702				
7	1521060304	Nguyễn Xuân	Chính	10/06/97	3703				
8	1121011008	Đỗ Đình	Chung	29/09/92	3704				
9	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/97	3705				
10	1521040049	Trương Lê	Duy	03/11/97	3706				
11	1521010314	Thái Bình	Dương	29/01/97	3707				
12	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/97	3708				
13	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/97	3709				
14	1521060007	Nguyễn Thành	Đạt	07/01/97	3710				
15	1521050150	Trần Văn	Đồng	30/08/97	3711				
16	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/96	3712				
17	1221060034	Lưu Hoàng	Đức	01/08/94	3713				
18	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/95	3714				
19	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/97	3715				
20	1421060083	Phạm Văn	Đường	12/11/96	3716				
21	1121040078	Dương Văn	Giang	07/12/93	3717				
22	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/97	3718				
23	1311060056	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/95	3719				
24	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/97	3720				
25	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/95	3721				
26	1221020061	Bùi Quang	Hiếu	03/11/94	3722				
27	1321080031	Trần Trung	Hiếu	16/09/95	3723				
28	1521050115	Trần Trung	Hiếu	15/02/97	3724				
29	1521060368	Bùi Lê	Hoàng	14/04/97	3725				
30	1121030295	Nguyễn Văn	Hợp	02/12/93	3726				
31	1421080233	Lê Xuân	Hùng	18/08/96	3727				
32	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/97	3728				
33	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/97	3729				
34	1311030053	Nguyễn Dương	Huy	13/04/95	3730				
35	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/97	3731				
36	1521050201	Bùi Văn	Huyền	10/12/97	3732				
37	1511030008	Tạ Tuấn	Hưng	11/12/97	3733				
38	1221020076	Phạm Hải	Hương	04/04/94	3734				
39	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/97	3735				
40	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/96	3736				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/96	3737				
42	1521060163	Nguyễn Văn	Kiên	25/02/97	3738				
43	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/97	3739				
44	1521060265	Hoàng Văn	Lâm	14/04/97	3740				
45	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/97	3741				
46	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/95	3742				
47	1321020601	Trần Khánh	Lâm	05/05/95	3743				
48	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/97	3744				
49	1111030064	Nguyễn Đăng	Lịch	21/01/92	3745				
50	1421060170	Ngô Xuân	Mạnh	06/05/96	3746				
51	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/93	3747				
52	1321030719	Ngô Đình	Minh	14/02/95	3748				
53	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/94	3749				
54	1521010361	Trần Trung	Nghĩa	04/09/97	3750				
55	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/97	3751				
56	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/97	3752				
57	1211050163	Phạm Quốc	Oai	01/10/94	3753				
58	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/97	3754				
59	1521060064	Mạc Duy	Phuong	06/10/97	3755				
60	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/97	3756				
61	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/97	3757				
62	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/94	3758				
63	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/97	3759				
64	1521070128	Vũ Hoàng	Thái	09/03/97	3760				
65	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/97	3761				
66	1421030181	Đậu Xuân	Thảo	06/07/95	3762				
67	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/97	3763				
68	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/96	3764				
69	1221060444	Hứa Văn	Tiến	12/03/91	3765				
70	1421050207	Phùng Danh	Tiến	21/07/96	3766				
71	1221040266	Hoàng Xuân	Tín	10/10/94	3767				
72	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/97	3768				
73	1321010372	Trịnh Sơn	Trang	10/11/95	3769				
74	1524010156	Võ Linh	Trang	23/06/97	3770				
75	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/95	3771				
76	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/94	3772				
77	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/96	3773				
78	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/97	3774				
79	1411060186	Hoàng Minh	Trưởng	27/11/96	3775				
80	1521050127	Đỗ Hữu	Trưởng	16/11/97	3776				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221060159	Nguyễn Mạnh	Trường	08/01/94	3777				
82	1321060324	Thân Ngọc	Trường	30/01/94	3778				
83	1521060180	Phan Văn	Tuân	24/06/96	3779				
84	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/97	3780				
85	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/95	3781				
86	1521060347	Vũ Huy	Vũ	22/02/97	3782				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/96	3783				
2	1311040002	Bùi Tuấn	Anh	10/10/95	3784				
3	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/95	3785				
4	1524010147	Trần Thị Vân	Anh	25/04/96	3786				
5	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/96	3787				
6	1221010049	Bùi Đăng	Cương	26/08/94	3788				
7	1321070031	Nguyễn Bá	Du	18/05/95	3789				
8	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/96	3790				
9	1421030039	Bùi Tiến	Đạt	14/02/96	3791				
10	1221040055	Phan Tuấn	Đạt	02/08/94	3792				
11	1221040338	Nguyễn Văn	Đoàn	19/08/94	3793				
12	1421050359	Nguyễn Văn	Đức	17/02/96	3794				
13	1221010111	Nguyễn Hồng	Giang	26/04/93	3795				
14	1221060040	Nguyễn Mạnh	Hà	29/08/94	3796				
15	1321070061	Biện Xuân	Hải	21/06/95	3797				
16	1524010159	Phí Thị	Hải	01/05/97	3798				
17	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/95	3799				
18	1221040082	Nguyễn Thị	Hạnh	10/08/93	3800				
19	1321040089	Nguyễn Minh	Hào	05/04/95	3801				
20	1421050062	Chu Thị Thanh	Hằng	01/06/96	3802				
21	1321060110	Đỗ Ngọc	Hiên	22/03/95	3803				
22	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	04/11/97	3804				
23	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/97	3805				
24	1311060070	Cao Văn	Hiếu	28/06/95	3806				
25	1221050048	Nguyễn Công	Hoàng	26/02/94	3807				
26	1411050035	Nguyễn Quốc	Huy	18/09/96	3808				
27	1121050222	Phạm Quang	Huy	09/11/93	3809				
28	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/96	3810				
29	1221030312	Nguyễn Văn Tuấn	Hưng	06/03/93	3811				
30	1411040030	Phạm Quốc	Hưng	18/06/96	3812				
31	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/95	3813				
32	1414010035	Lê Thị	Khuyên	06/09/96	3814				
33	1221040145	Đào Văn	Linh	04/06/94	3815				
34	1524010268	Vũ Thị Mỹ	Linh	19/11/97	3816				
35	1221050066	Tạ Thị Thanh	Loan	14/01/94	3817				
36	1221070238	Nguyễn Thành	Long	01/10/92	3818				
37	1321050122	Nguyễn Văn	Long	22/02/95	3819				
38	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/95	3820				
39	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/96	3821				
40	1221040161	Vũ Khánh	Ly	06/12/94	3822				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1524010335	Hoàng Thanh	Mai	27/06/97	3823				
42	1221040165	Vũ Đức	Mạnh	31/10/94	3824				
43	1424010441	Lê Thị Hà	My	08/08/96	3825				
44	1321060201	Trịnh Hồng	Nghĩa	26/09/95	3826				
45	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/96	3827				
46	1421050159	Nguyễn Việt	Quang	07/07/96	3828				
47	1321060224	Phạm Duy	Quang	12/06/94	3829				
48	1221050370	Vũ Mạnh	Tài	21/09/94	3830				
49	1321070163	Lê Văn	Tây	19/10/94	3831				
50	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/95	3832				
51	1311060176	Nguyễn Quyết	Thắng	29/04/94	3833				
52	1221060419	Phạm Văn	Thắng	05/10/94	3834				
53	1321040266	Vũ Đức	Thắng	12/12/94	3835				
54	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/96	3836				
55	1521030144	Nguyễn Hoài	Thương	14/01/97	3837				
56	1521030122	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/12/97	3838				
57	1321030909	Nguyễn Minh	Trình	24/12/95	3839				
58	1521070002	Nguyễn Đức	Trọng	20/11/96	3840				
59	1321040309	Phạm Minh	Trung	25/01/95	3841				
60	1221020500	Nguyễn Duy	Tú	28/09/94	3842				
61	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/96	3843				
62	1221020536	Nguyễn Ngọc	Tuất	28/02/94	3844				
63	1324010341	Nguyễn Thị Tường	Vân	06/09/95	3845				
64	1521030078	Đinh Hoàng	Việt	26/08/97	3846				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/97	3847				
2	1221050144	Bùi Đức Tuấn	Anh	29/09/94	3848				
3	1411040001	Đặng Hoàng	Anh	20/04/96	3849				
4	1524010308	Đỗ Thị Ngọc	Anh	06/09/97	3850				
5	1511070004	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/97	3851				
6	1521050258	Nguyễn Tuấn	Anh	10/06/97	3852				
7	1521050280	Vũ Lê Ngọc	Anh	26/02/97	3853				
8	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/97	3854				
9	1221020009	Ninh Chí	Bảo	15/02/93	3855				
10	1521050134	Ngô Quang	Chính	14/06/97	3856				
11	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	3857				
12	1321050035	Nguyễn Mạnh	Cường	01/03/95	3858				
13	1321040051	Lê Ba	Duy	05/05/95	3859				
14	1321040052	Nguyễn Ngọc	Duy	11/06/95	3860				
15	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/94	3861				
16	1411060031	Đặng Hùng	Dương	09/09/96	3862				
17	1221020032	Trương Văn	Dương	18/09/94	3863				
18	1221040054	Nguyễn Tiến	Đạt	07/02/94	3864				
19	1221020043	Nhữ Đình	Đỗ	16/12/92	3865				
20	1421040399	Đỗ Quang	Đoài	09/04/95	3866				
21	1421040075	Đoàn Trung	Đông	25/07/96	3867				
22	1521030201	Dương Văn	Đức	14/08/97	3868				
23	1321050506	Lê Khả	Hải	04/01/95	3869				
24	1221050043	Phạm Thị Thu	Hằng	03/01/94	3870				
25	1121040364	Đào Văn	Hiền	28/10/92	3871				
26	1421010110	Nguyễn Quang	Hiển	06/10/96	3872				
27	1121030068	Lê Bá	Hiệu	17/06/90	3873				
28	0921010066	Lê Văn	Hòa	21/07/91	3874				
29	1524010184	Bùi Thị Thu	Huyền	30/03/97	3875				
30	1524010281	Vũ Thị Thanh	Huyền	11/09/97	3876				
31	1524010151	Nguyễn Thị	Hương	13/04/96	3877				
32	1411060089	Vũ	Khang	05/09/96	3878				
33	1421050466	Trần Trung	Kiên	14/07/96	3879				
34	1421050492	Nguyễn Văn	Lợi	05/09/96	3880				
35	1411060109	Phạm Duy	Mạnh	04/01/96	3881				
36	1421060178	Nguyễn Anh	Minh	03/08/96	3882				
37	1411060116	Trần Công	Minh	01/09/96	3883				
38	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/96	3884				
39	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/97	3885				
40	1524010195	Tạ Thị	Ngọc	04/06/97	3886				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1324010618	Nguyễn Phồn	Nhật	14/01/95	3887				
42	1321070151	Đỗ Hồng	Quân	22/08/95	3888				
43	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/94	3889				
44	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/96	3890				
45	1411060150	Trần Văn	Tâm	08/08/96	3891				
46	1521030066	Nguyễn Kim	Tân	09/07/95	3892				
47	1411060153	Tô Minh	Thái	26/11/96	3893				
48	1521080017	Chu Tiến	Thịnh	11/09/97	3894				
49	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/97	3895				
50	1221060155	Tạ Thế	Trung	19/12/94	3896				
51	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/93	3897				
52	1421050222	Nguyễn Anh	Tú	23/06/96	3898				
53	1411060196	Phan Đình	Tuấn	16/02/96	3899				
54	1321030256	Trần Quang	Tuấn	13/11/95	3900				
55	1321060667	Đoàn Minh	Tùng	06/08/94	3901				
56	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/96	3902				
57	1221060175	Lê Văn	Tùng	02/01/94	3903				
58	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/95	3904				
59	1521060047	Đình Văn	Tường	27/07/97	3905				
60	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	07/10/96	3906				
61	1321060352	Vô Đình	Yên	24/01/95	3907				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	02/07/94	3908				
2	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/95	3909				
3	1521030010	Đặng Hữu	Chú	06/11/97	3910				
4	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/97	3911				
5	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/97	3912				
6	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/95	3913				
7	1521050055	Lê Thế	Dũng	20/04/97	3914				
8	1311060031	Lý Hà	Dũng	16/03/95	3915				
9	1421060051	Quản Ngọc	Dũng	08/03/96	3916				
10	1421010061	Nguyễn Phương	Duy	28/07/96	3917				
11	1321070450	Đặng Văn	Dương	10/11/92	3918				
12	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/96	3919				
13	1321060060	Trần Hải	Dương	29/03/95	3920				
14	1521060025	Đoàn Cát	Đặng	18/09/95	3921				
15	1421010086	Nguyễn Văn	Đức	05/07/94	3922				
16	1221010111	Nguyễn Hồng	Giang	26/04/93	3923				
17	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/96	3924				
18	1421050374	Nguyễn Ngọc	Hà	06/11/96	3925				
19	1521080134	Nguyễn Thị	Hằng	23/03/97	3926				
20	1221030305	Lê Hồng	Hiệp	29/03/94	3927				
21	1221050044	Đào Thanh	Hiếu	06/03/94	3928				
22	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/95	3929				
23	1221030298	Phạm Thế	Học	12/09/94	3930				
24	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/97	3931				
25	1424010073	Phan Thị	Huyền	29/10/96	3932				
26	1221060077	Nguyễn Văn	Lâm	15/10/94	3933				
27	1521050229	Phạm Quý	Lâm	18/11/97	3934				
28	1421040440	Trần Văn	Lê	11/11/96	3935				
29	1521080186	Đặng Vũ Nhật	Lệ	04/05/97	3936				
30	1424010101	Nguyễn Hoài	Linh	23/09/96	3937				
31	1221040148	Nguyễn Văn	Linh	23/08/94	3938				
32	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/96	3939				
33	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/96	3940				
34	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/95	3941				
35	1424010127	Phạm Văn	Nam	09/02/92	3942				
36	1531040405	Phạm Hữu	Nghị	07/09/93	3943				
37	1221040175	Nguyễn Trung	Nghĩa	28/06/94	3944				
38	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/95	3945				
39	1521080229	Nguyễn Văn Hồng	Quang	08/02/97	3946				
40	1321010285	Trần Văn	Quân	19/07/95	3947				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1424010170	Nguyễn Thị	Tâm	24/11/96	3948				
42	1121050089	Tổng Minh	Tân	18/03/93	3949				
43	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/95	3950				
44	1421050183	Trần Danh	Thanh	14/02/96	3951				
45	1424010181	Trần Thị Thu	Thảo	01/07/96	3952				
46	1321010332	Ngô Tiến	Thắng	06/07/95	3953				
47	1421050187	Nguyễn Quốc	Thắng	11/03/96	3954				
48	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/96	3955				
49	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/95	3956				
50	1221070152	Nguyễn Việt	Tiến	10/11/94	3957				
51	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/96	3958				
52	1531040407	Nguyễn Đức	Trung	10/01/94	3959				
53	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/96	3960				
54	1421030214	Ninh Văn	Trưởng	09/04/96	3961				
55	1421030215	Nguyễn Sỹ	Tú	24/05/96	3962				
56	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/05/94	3963				
57	1311020094	Nguyễn Văn	Tuấn	09/10/95	3964				
58	1531050010	Trần Thanh	Tùng	19/05/	3965				
59	1221030452	Trương Ngọc	Tùng	01/05/94	3966				
60	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/96	3967				
61	1531040408	Đỗ Minh	Tuyên	07/07/93	3968				
62	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/94	3969				
63	1411050089	Vũ Văn	Vinh	12/03/96	3970				
64	1311030161	Đào Trọng	Vương	19/05/95	3971				
65	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/94	3972				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/96	3973				
2	1121060002	Cao Việt	Anh	01/08/93	3974				
3	1531040400	Trần Tuấn	Anh	11/07/94	3975				
4	1521050524	Lê Thị Ngọc	ánh	25/08/97	3976				
5	1521050328	Lê Danh	Biên	15/09/96	3977				
6	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/97	3978				
7	1531040401	Nguyễn Hoàng Bảo	Chân	12/07/94	3979				
8	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/97	3980				
9	1421030021	Văn	Công	10/12/96	3981				
10	1421030023	Vũ Kim	Cương	06/02/95	3982				
11	1224010033	Lê Quý	Diệp	05/02/94	3983				
12	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/95	3984				
13	1314010009	Nguyễn Thị	Duyên	09/09/94	3985				
14	1311060043	Phạm Văn	Đáng	10/12/95	3986				
15	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/96	3987				
16	1531040402	Lê Xuân	Độ	30/11/93	3988				
17	1521060414	Nguyễn Tiên	Hải	19/01/97	3989				
18	1321020541	Nguyễn Trọng	Hiếu	19/12/94	3990				
19	1421050403	Dương Tiến	Hiệu	12/01/96	3991				
20	1521080308	Bùi Văn	Hoàng	07/04/97	3992				
21	1511060003	Nguyễn Huy	Hoàng	22/05/96	3993				
22	1521050389	Trần Đức	Hùng	15/10/95	3994				
23	1531040403	Triệu Văn	Huy	02/01/94	3995				
24	1421040136	Lù Mạnh	Hưng	20/09/96	3996				
25	1521050405	Hạ Đức	Kiên	12/05/97	3997				
26	1521050406	Nguyễn Trung	Kiên	22/08/96	3998				
27	1524010319	Trần Thị	Lanh	05/12/96	3999				
28	1521010286	Bùi Xuân	Lộc	29/01/97	4000				
29	1531040404	Lê Mã	Lương	17/10/94	4001				
30	1311060127	Nguyễn Văn	Minh	01/11/94	4002				
31	1521050241	Phạm Hoài	Nam	19/11/97	4003				
32	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/97	4004				
33	1524010259	Vũ Thị	Ngọc	24/10/97	4005				
34	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/94	4006				
35	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/96	4007				
36	1421050153	Nguyễn Tấn	Phong	02/07/96	4008				
37	1421080332	Kiều Thị	Phượng	06/09/96	4009				
38	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/94	4010				
39	1221010289	Đỗ Văn	Quyền	26/11/94	4011				
40	1421030537	Nguyễn Thị	Tâm	14/03/96	4012				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/95	4013				
42	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/97	4014				
43	1521080245	Cao Văn	Thành	24/12/97	4015				
44	1521050310	Vũ Thanh	Thảo	07/10/96	4016				
45	1531040406	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/94	4017				
46	1521050211	Đỗ Trí	Thức	08/11/97	4018				
47	1221060444	Hứa Văn	Tiến	12/03/91	4019				
48	1511020005	Nguyễn Trọng	Toàn	07/10/97	4020				
49	1521080012	Nguyễn Văn	Toàn	14/07/96	4021				
50	1421030583	Phạm Thị	Trang	15/04/96	4022				
51	1524010156	Võ Linh	Trang	23/06/97	4023				
52	1121050325	Khổng Văn	Trọng	04/11/92	4024				
53	1521070107	Nguyễn Việt	Trung	11/01/97	4025				
54	1021040331	Nguyễn Tiến	Trường	02/10/91	4026				
55	1421040310	Phạm Xuân	Trường	16/12/96	4027				
56	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/97	4028				
57	1521020334	Nguyễn Anh	Tuấn	13/12/95	4029				
58	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/95	4030				
59	1521070037	Vũ Thanh	Tùng	08/10/97	4031				
60	1521070151	Đỗ Tuấn	Việt	25/01/97	4032				
61	1321070720	Phùng Việt	Vinh	30/01/96	4033				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	4034				
2	1311040002	Bùi Tuấn	Anh	10/10/95	4035				
3	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/97	4036				
4	1521080097	Nguyễn Ngọc	Bảo	05/05/97	4037				
5	1531020006	Nguyễn Thành	Công	15/10/	4038				
6	1531020007	Nguyễn Việt	Cường	23/06/	4039				
7	1311040022	Đỗ Mạnh	Dũng	16/05/95	4040				
8	1421050035	Hoàng Văn	Dũng	15/08/96	4041				
9	1311060031	Lý Hà	Dũng	16/03/95	4042				
10	1421020269	Vũ Tuấn	Dũng	14/04/96	4043				
11	1411070006	Đường Gia	Duy	24/06/95	4044				
12	1321070037	Trần Đức	Duy	18/03/95	4045				
13	1321070054	Lưu Phần	Đức	06/05/94	4046				
14	1321010128	Nguyễn Hoàng	Hà	04/03/95	4047				
15	1324010469	Mạnh Ngọc	Hải	07/01/95	4048				
16	1421040097	Nguyễn Văn	Hào	22/09/96	4049				
17	1321070499	Lê Công	Hiếu	10/02/92	4050				
18	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/96	4051				
19	1221060268	Nguyễn Đức	Hội	16/04/93	4052				
20	1521010086	Dương Thị	Huệ	19/05/97	4053				
21	1421020380	Bùi Việt	Hùng	06/11/95	4054				
22	1221060272	Mai Văn	Hùng	27/05/93	4055				
23	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/95	4056				
24	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/97	4057				
25	1321050115	Nguyễn Thành	Liên	26/08/95	4058				
26	1324010358	Đỗ Thủy	Linh	24/08/95	4059				
27	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/95	4060				
28	1521020103	Lý Đình	Long	05/05/95	4061				
29	1221060325	Trần Văn	Lộc	23/02/94	4062				
30	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/96	4063				
31	1531020023	Nguyễn Nhật	Minh	30/08/	4064				
32	1521060055	Phạm Thị	Mơ	04/07/97	4065				
33	1521050428	Phạm Vũ Thảo	My	15/01/97	4066				
34	1221040176	Vũ Đức	Nghĩa	21/01/94	4067				
35	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/95	4068				
36	1221060363	Nguyễn Bình	Nguyên	12/10/94	4069				
37	1521010318	Lê Thanh	Nhàn	02/05/96	4070				
38	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/95	4071				
39	1421010242	Nguyễn Hoàng	Phú	12/08/95	4072				
40	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phương	28/06/96	4073				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221080058	Lường Trọng	Quang	20/11/93	4074				
42	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/96	4075				
43	1424010169	Nguyễn Cao	Sơn	04/05/96	4076				
44	1221040441	Vũ Ngọc	Sơn	11/08/93	4077				
45	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/95	4078				
46	1221060400	Trần Văn	Tài	12/05/94	4079				
47	1411040069	Hoàng Anh	Thắng	08/04/95	4080				
48	1321050717	Hoàng Mạnh	Thắng	23/07/94	4081				
49	1531020033	Nguyễn Ngọc	Thân	22/03/	4082				
50	1531020039	Nguyễn Thị	Thúy	10/10/	4083				
51	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	27/08/95	4084				
52	1531020040	Nguyễn Mạnh	Tiến	28/03/	4085				
53	1221060144	Trần Văn	Tĩnh	03/05/94	4086				
54	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/03/97	4087				
55	1531020044	Ngô Đình	Trung	01/02/	4088				
56	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/97	4089				
57	1221060159	Nguyễn Mạnh	Trường	08/01/94	4090				
58	1221020500	Nguyễn Duy	Tú	28/09/94	4091				
59	1221060450	Nguyễn Văn	Tú	13/05/94	4092				
60	1421030223	Nguyễn Mạnh	Tuấn	01/11/96	4093				
61	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/96	4094				
62	1221060181	Vũ Quốc	Việt	18/10/93	4095				
63	1521030004	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/01/97	4096				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050524	Lê Thị Ngọc	ánh	25/08/97	4097				
2	1321080406	Lưu Xuân	Bách	29/04/95	4098				
3	1311060019	Đinh Công	Chức	15/09/95	4099				
4	1521010124	Lê Văn	Cương	01/08/97	4100				
5	1521080335	Phạm Ngọc	Cường	24/04/97	4101				
6	1221080014	Trần Ngọc	Dũng	02/08/94	4102				
7	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/97	4103				
8	1521020175	Đỗ Mạnh	Duy	03/10/95	4104				
9	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/94	4105				
10	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/97	4106				
11	1411060031	Đặng Hùng	Dương	09/09/96	4107				
12	1311060040	Nguyễn Xuân	Dương	27/05/95	4108				
13	1521050170	Đồng Văn	Đạt	04/04/97	4109				
14	1411060036	Nguyễn Tiến	Đạt	16/06/96	4110				
15	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/96	4111				
16	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/96	4112				
17	1121010100	Hoàng Trường	Giang	23/06/93	4113				
18	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/96	4114				
19	1321010156	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/08/95	4115				
20	1321020103	Vũ Nhật	Hoa	24/10/95	4116				
21	1521060218	Nguyễn Minh	Hùng	13/02/97	4117				
22	1521050389	Trần Đức	Hùng	15/10/95	4118				
23	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/97	4119				
24	1421010151	Trần Đại	Hưng	07/04/96	4120				
25	1411060089	Vũ	Khang	05/09/96	4121				
26	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/96	4122				
27	1521050413	Bùi Thị	Lan	12/12/97	4123				
28	1521010325	Lê Thị Vũ	Linh	30/03/97	4124				
29	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/97	4125				
30	1221030091	Trương Thế	Linh	05/11/94	4126				
31	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/97	4127				
32	1311060133	Vũ Nhật	Nam	28/09/94	4128				
33	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/97	4129				
34	1321020159	Nguyễn Hồng	Nhung	12/05/95	4130				
35	1211030118	Phạm Quý	Ninh	08/06/93	4131				
36	1321050154	Trần Trung	Phong	13/09/95	4132				
37	1521060211	Kiều Đại	Phú	14/05/96	4133				
38	1411060134	Phạm Nhật	Quang	01/01/96	4134				
39	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/97	4135				
40	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/95	4136				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1311060155	Nguyễn Hoài	Sơn	02/08/94	4137				
42	1421030167	Nguyễn Thị	Sơn	04/09/96	4138				
43	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/97	4139				
44	1211030139	Nguyễn Thế	Sự	23/08/93	4140				
45	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/97	4141				
46	1221040223	Vũ Ngọc	Tân	26/11/91	4142				
47	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/95	4143				
48	1421060245	Lê Chung	Thái	04/05/96	4144				
49	1411060153	Tô Minh	Thái	26/11/96	4145				
50	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/96	4146				
51	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/96	4147				
52	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/97	4148				
53	1511050015	Nguyễn Thị	Thơm	26/02/97	4149				
54	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/97	4150				
55	1521020112	Trần Nhật	Trường	03/08/97	4151				
56	1421010359	Đinh Tuấn	Tú	17/09/96	4152				
57	1421010369	Nguyễn Văn	Tuấn	18/11/96	4153				
58	1421080419	Hoàng	Tùng	24/11/96	4154				
59	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/97	4155				
60	1521010095	Nguyễn Thanh	Tùng	20/02/97	4156				
61	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/97	4157				
62	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	07/10/96	4158				
63	1211020237	Trần Quang	Vũ	20/08/94	4159				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/96	4160				
2	1321010017	Phạm Tuấn	Anh	02/02/94	4161				
3	1421030263	Tạ Thị Hà	Anh	09/12/95	4162				
4	1421030015	Nguyễn Thị	Chinh	29/07/95	4163				
5	1524010350	Phạm Thị Tuyết	Chinh	12/10/97	4164				
6	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/96	4165				
7	1524010231	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/10/97	4166				
8	1121030247	Hoàng Đức	Dũng	28/08/93	4167				
9	1321010075	Nguyễn Tiến	Dũng	14/02/95	4168				
10	1311030015	Nguyễn Ngọc	Duy	07/08/95	4169				
11	1524010256	Vũ Thùy	Duyên	21/12/97	4170				
12	1424010274	Luyên Ngọc	Dương	03/10/94	4171				
13	1421070030	Nguyễn Thành	Đạt	02/04/96	4172				
14	1221020280	Hà Trọng	Giáp	19/10/94	4173				
15	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/95	4174				
16	1421030059	Phương Quang	Hải	09/12/96	4175				
17	1321010138	Trần Thanh	Hải	17/03/95	4176				
18	1421010111	Nguyễn Văn	Hiên	05/03/96	4177				
19	1221060290	Bùi Trung	Hiếu	10/12/94	4178				
20	1321020540	Lưu Minh	Hiếu	06/12/93	4179				
21	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	03/12/96	4180				
22	1221011032	Nguyễn Trung	Hiếu	18/02/94	4181				
23	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/95	4182				
24	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/96	4183				
25	1221011115	Nguyễn Huy	Hoàng	22/04/93	4184				
26	1524010059	Đoàn Văn	Hùng	12/04/96	4185				
27	1321010171	Đỗ Đình	Hùng	17/05/95	4186				
28	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/97	4187				
29	1421030107	Vũ Văn	Khang	10/06/96	4188				
30	1421050095	Hoàng Minh	Khánh	22/05/96	4189				
31	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/96	4190				
32	1524010226	Đặng Thị	Kiều	11/08/97	4191				
33	1421020433	Lê Quang	Linh	15/12/96	4192				
34	1221040148	Nguyễn Văn	Linh	23/08/94	4193				
35	1521030422	Đào Thị Mỹ	Loan	06/11/97	4194				
36	1311040067	Nguyễn Thành	Long	26/11/95	4195				
37	1521060439	Đình Văn	Lực	17/12/97	4196				
38	1411060115	Tạ Viết	Minh	25/11/96	4197				
39	1521070307	Nguyễn Lê Trà	My	26/02/97	4198				
40	1421010209	Đỗ Quang	Nam	06/10/96	4199				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010263	Đào Tiến	Quân	14/09/96	4200				
42	1321020688	Lê Hữu	Quyền	12/09/95	4201				
43	1311030098	Bế Thị Ngọc	Quỳnh	14/06/95	4202				
44	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/95	4203				
45	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/95	4204				
46	1421010308	Nguyễn Đình	Thăng	10/01/96	4205				
47	1321060613	Ngô Minh	Thắng	06/05/95	4206				
48	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/94	4207				
49	1421050191	Vũ Quyết	Thắng	14/12/96	4208				
50	1321010339	Hoàng Văn	Thịnh	28/02/95	4209				
51	1321010340	Lê Đôn	Thịnh	10/07/94	4210				
52	1321060294	Trần Xuân	Thịnh	09/08/95	4211				
53	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/95	4212				
54	1221060134	Nguyễn Hải	Thuận	23/12/94	4213				
55	1321030231	Phạm Đình	Tiệm	14/10/95	4214				
56	1221010360	Vũ Minh	Toàn	08/06/93	4215				
57	1411050077	Lê Minh	Trung	19/05/96	4216				
58	1321030918	Trịnh Văn	Trung	18/03/95	4217				
59	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/95	4218				
60	1421030237	Nguyễn Văn	Tú	30/12/96	4219				
61	1421030217	Phương Anh	Tú	27/11/96	4220				
62	1421070133	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/95	4221				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/13/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070005	Nguyễn Dũng	Anh	16/12/96	4222				
2	1411060005	Vũ Thế	Anh	03/07/95	4223				
3	1221080010	Nguyễn Đức	Chiến	25/07/94	4224				
4	1421070017	Nguyễn Văn	Chương	24/02/96	4225				
5	1521060441	Nguyễn Danh	Cường	07/05/97	4226				
6	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/96	4227				
7	1421040054	Vũ Tiến	Dũng	07/04/96	4228				
8	1411060030	Trần Đình	Dur	05/03/96	4229				
9	1311050067	Đoàn Thùy	Dương	10/02/95	4230				
10	1321040061	Nguyễn Duy	Đạt	05/01/95	4231				
11	1411060036	Nguyễn Tiến	Đạt	16/06/96	4232				
12	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/96	4233				
13	1321070467	Đặng Trọng	Đoan	14/01/93	4234				
14	1321010123	Trần Thị Hương	Giang	29/07/95	4235				
15	1321050509	Ngô Duy	Hải	04/01/95	4236				
16	1221040078	Ngô Hồng	Hải	#N/A	4237				
17	1524010232	Đặng Thị Phương	Hào	18/10/97	4238				
18	1321010148	Ngô Ngọc	Hiên	07/03/95	4239				
19	1521050533	Đinh Mạnh	Hùng	15/04/97	4240				
20	1411060074	Đỗ Văn	Hùng	06/06/95	4241				
21	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/96	4242				
22	1321060148	Vũ Văn	Huy	01/07/95	4243				
23	1524010164	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	24/12/97	4244				
24	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/93	4245				
25	1421050089	Vũ Quang	Hưng	26/04/95	4246				
26	1321010210	Đỗ Thị Thùy	Linh	07/01/95	4247				
27	1421080056	Nguyễn Duy	Linh	15/10/96	4248				
28	1321050119	Vũ Bá Trường	Linh	20/07/95	4249				
29	1411060111	Phùng Văn	Mạnh	02/11/96	4250				
30	1411060112	Đoàn Văn	Minh	28/02/96	4251				
31	1521060435	Nguyễn Ngọc	Nguyen	20/08/97	4252				
32	1521050309	Nguyễn Tuấn	Phong	28/02/97	4253				
33	1521060211	Kiều Đại	Phú	14/05/96	4254				
34	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/93	4255				
35	1421050160	Nguyễn Xuân	Quân	25/10/95	4256				
36	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/96	4257				
37	1421010283	Trần Quang	Sang	29/06/96	4258				
38	1121020167	Lại Thái	Sơn	18/07/93	4259				
39	1421050591	Nguyễn Ngọc	Thái	01/12/96	4260				
40	1121050091	Nguyễn Xuân	Thanh	11/09/93	4261				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321080086	Đoàn Phương	Thành	16/06/95	4262				
42	1521080246	Nguyễn Trung	Thành	15/10/97	4263				
43	1421070463	Nguyễn Văn	Thành	15/02/96	4264				
44	1311060171	Trịnh Đức	Thành	02/07/95	4265				
45	1321010322	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/06/95	4266				
46	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/97	4267				
47	1521060005	Nguyễn Văn	Thăng	15/11/97	4268				
48	1421020154	Phạm Cao	Thắng	19/02/95	4269				
49	1321060293	Lê Đình	Thiện	08/10/95	4270				
50	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/97	4271				
51	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/96	4272				
52	1421030209	Nguyễn Văn	Triển	12/07/93	4273				
53	1521020058	Đỗ Thiện	Trung	26/10/95	4274				
54	1121020203	Lê Thành	Trung	03/01/93	4275				
55	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/97	4276				
56	1421050691	Phạm Lê	Tuấn	01/12/95	4277				
57	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/97	4278				
58	1521040100	Trần Minh	Tùng	05/01/97	4279				
59	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/97	4280				
60	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/97	4281				
61	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/97	4282				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4030114 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: 8/12/2016 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010003	Đinh Tuấn	Anh	12/12/95	4283				
2	1221050006	Nguyễn Ngọc	Anh	10/10/94	4284				
3	1221020237	Nguyễn Tuấn	Anh	06/11/94	4285				
4	1121060006	Vũ Ngọc	Anh	25/11/93	4286				
5	1421060017	Đặng Chí	Bảo	15/06/96	4287				
6	1321030428	Vương Quốc	Bảo	15/07/95	4288				
7	1221050015	Nguyễn Văn	Biển	20/11/94	4289				
8	1121030010	Nguyễn Thanh	Bình	06/10/93	4290				
9	1321010045	Nguyễn Thế	Công	26/08/95	4291				
10	1221010053	Đinh Văn	Cường	31/01/93	4292				
11	1321010060	Vũ Mạnh	Cường	07/07/94	4293				
12	1321060445	Phan Quốc	Dũng	10/10/95	4294				
13	1221020213	Đào Ngọc	Diệp	28/07/94	4295				
14	1321060081	Hà Quang	Đức	08/09/94	4296				
15	1221010112	Nguyễn Minh	Giang	08/09/94	4297				
16	1324010462	Đào Thị	Hà	05/04/95	4298				
17	1321010149	Nguyễn Tiến	Hiển	22/07/95	4299				
18	1221050045	Nguyễn Trung	Hiếu	10/12/94	4300				
19	1221060047	Nguyễn Văn	Hiếu	16/03/94	4301				
20	1221030303	Tô Văn	Hình	06/12/94	4302				
21	1221010139	Nguyễn Bá	Hoan	05/01/94	4303				
22	1221060053	Phạm Việt	Hoàng	31/08/94	4304				
23	1221020333	Nguyễn Tiến	Huân	26/09/94	4305				
24	1221050049	Nguyễn Văn	Huân	17/03/93	4306				
25	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/93	4307				
26	1424010075	Trần Trọng	Huỳnh	08/03/96	4308				
27	1221040144	Nguyễn Thị	Liên	10/08/93	4309				
28	1221050064	Phan Thị Mỹ	Linh	08/08/94	4310				
29	1221020366	Đoàn Ngọc	Long	14/05/94	4311				
30	1221060343	Vũ Thành	Long	20/05/88	4312				
31	1221020092	Nguyễn Đình	Lộc	30/11/93	4313				
32	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/95	4314				
33	1221040165	Vũ Đức	Mạnh	31/10/94	4315				
34	1321030151	Ngô Thế	Minh	20/10/95	4316				
35	1321040176	Trần Văn	Minh	15/04/95	4317				
36	1221010239	Đỗ Văn	Nam	11/08/94	4318				
37	1221020100	Nguyễn Thành	Nam	14/07/94	4319				
38	1221030368	Lê Nguyên	Ngọc	07/03/94	4320				
39	1321030757	Nguyễn Thành	Nhật	22/06/94	4321				
40	1324010632	Tổng Thị Quỳnh	Nương	24/09/94	4322				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4030114 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010273	Hoàng Xuân	Quang	06/11/94	4323				
42	1321010281	Lê Minh	Quang	12/10/95	4324				
43	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/94	4325				
44	1221020437	Vũ Kiến	Quốc	08/10/94	4326				
45	1321060594	Nguyễn Bá	Sơn	03/01/95	4327				
46	1221010298	Nguyễn Minh	Sơn	27/11/94	4328				
47	1221060119	Nguyễn Trần	Thanh	14/02/94	4329				
48	1221030202	Nguyễn Văn	Thanh	05/07/94	4330				
49	1321030840	Vũ Văn	Thành	15/09/94	4331				
50	1321060278	Trần Văn	Thăng	16/07/95	4332				
51	1221060131	Nguyễn Văn	Thịnh	25/04/94	4333				
52	1421040299	Nguyễn Thị Linh	Trang	24/12/96	4334				
53	1321030244	Bùi Đức	Trung	04/11/95	4335				
54	1321010380	Phạm Văn	Trung	28/10/95	4336				
55	1221020525	Trần Quang	Trung	08/09/94	4337				
56	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/95	4338				
57	1221010394	Nguyễn Văn	Tuấn	17/07/94	4339				
58	1221060178	Phạm Khánh	Tuyền	25/10/94	4340				
59	1221040313	Nguyễn Đình	Văn	14/03/94	4341				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4030114 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080400	Nguyễn Thị Thúy	An	21/11/95	4342				
2	0921010212	Đinh Ngọc	Anh	/ /	4343				
3	1121080034	Nguyễn Tuấn	Anh	25/07/93	4344				
4	1221010017	Nguyễn Tuấn	Anh	02/05/94	4345				
5	1321020015	Mai Thị Ngọc	ánh	25/05/94	4346				
6	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/95	4347				
7	1221040357	Hoàng Văn	Cầm	24/10/94	4348				
8	1221080007	Chu Hữu	Chiến	23/12/94	4349				
9	1221010037	Lê Trường	Chinh	04/09/93	4350				
10	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/95	4351				
11	1221050019	Nguyễn Hùng	Cường	23/05/94	4352				
12	1421040050	Phó Đức	Dũng	25/12/96	4353				
13	1221060250	Trần Trung	Dũng	26/03/93	4354				
14	1221020037	Nguyễn Tiến	Đạt	14/01/94	4355				
15	1021020069	Bùi Trung	Đức	24/08/92	4356				
16	1421080027	Hoàng Thị	Giang	01/11/96	4357				
17	1221060040	Nguyễn Mạnh	Hà	29/08/94	4358				
18	1321010137	Ngô Sỹ	Hải	10/01/95	4359				
19	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/95	4360				
20	1321020090	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/95	4361				
21	1221070055	Trần Văn	Hiệp	11/05/93	4362				
22	1221060302	Phạm Ngọc	Hoàng	23/08/94	4363				
23	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/94	4364				
24	1321030095	Trần Việt	Hùng	05/09/95	4365				
25	1321020124	Vì Văn	Hường	16/02/95	4366				
26	1324010139	Nguyễn Quang	Khanh	05/10/95	4367				
27	1221030330	Nguyễn Minh	Khiêm	27/06/94	4368				
28	1221070081	Phạm Khắc	Khương	15/10/94	4369				
29	1121070022	Hạ Việt	Linh	26/08/93	4370				
30	1221060078	Nguyễn Phương	Linh	07/07/94	4371				
31	1524010212	Vũ Việt	Long	07/07/97	4372				
32	1221060325	Trần Văn	Lộc	23/02/94	4373				
33	1221030102	Nguyễn Đức	Lương	28/07/94	4374				
34	1221070099	Phạm Văn	Lương	14/08/93	4375				
35	1221010232	Lương Đức	Minh	05/04/91	4376				
36	1421020112	Bùi Thanh	Nam	25/11/93	4377				
37	1324010188	Đỗ Duy	Nam	25/09/95	4378				
38	1221070246	Nguyễn Tiến	Nam	06/09/94	4379				
39	1321030167	Trần Quốc	Ngọc	15/03/95	4380				
40	1321020658	Trần Bá	Nhật	26/02/95	4381				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030114 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/95	4382				
42	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/92	4383				
43	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/96	4384				
44	1321080515	Phùng Thị	Thoa	02/01/95	4385				
45	1434010034	Lê Thị Ngọc	Thúy	25/08/93	4386				
46	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/95	4387				
47	1321020758	Trần Minh	Toàn	19/05/95	4388				
48	1424010600	Vũ Thị	Trâm	05/09/93	4389				
49	1221010366	Lê Trần	Trí	13/09/94	4390				
50	1324010326	Đặng Đức	Trung	07/01/95	4391				
51	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/95	4392				
52	1221010371	Phạm Đức	Trung	28/08/94	4393				
53	1221010378	Trần Văn	Trường	25/06/94	4394				
54	1321030250	Phạm Văn	Tú	13/05/95	4395				
55	1221030450	Phạm Duy	Tùng	04/09/94	4396				
56	1221080168	Võ Văn	Vinh	14/09/94	4397				
57	1121010403	Nguyễn Phương	Vững	03/04/92	4398				
58	1221060183	Đào Văn	Vương	29/09/92	4399				
59	1221060184	Đoàn Minh	Vương	08/10/94	4400				
60	1321070212	Dương Trường	Xuân	09/09/95	4401				
61	1424010635	Phạm Thị Thanh	Xuân	07/10/96	4402				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030422 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	04/10/95	4403				
2	1531020004	Nguyễn Đức	Bình	15/09/	4404				
3	1321050021	Nguyễn Thị	Chang	10/09/95	4405				
4	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/96	4406				
5	1221040358	Lê Mạnh	Cường	24/07/94	4407				
6	1121030247	Hoàng Đức	Dũng	28/08/93	4408				
7	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/96	4409				
8	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/96	4410				
9	0921010249	Nguyễn Văn	Điệp	16/07/91	4411				
10	1121070137	Trần Quang	Định	16/05/93	4412				
11	1021020069	Bùi Trung	Đức	24/08/92	4413				
12	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/94	4414				
13	1321030551	Phạm Văn	Hải	02/04/94	4415				
14	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/	4416				
15	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/96	4417				
16	1221020061	Bùi Quang	Hiếu	03/11/94	4418				
17	1221040089	Lưu Văn	Hiếu	16/06/94	4419				
18	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/95	4420				
19	1221070067	Nguyễn Như	Huy	16/11/94	4421				
20	1221060061	Nguyễn Văn	Huy	01/07/94	4422				
21	1421040133	Đào Thị	Huyền	16/11/96	4423				
22	1221070077	Dương Ngọc	Khánh	23/02/94	4424				
23	1221050055	Nguyễn Ngọc	Khánh	21/09/93	4425				
24	0921040218	Nguyễn Trung	Kiên	01/08/91	4426				
25	1421045005	Vương Tuấn	Lãm	20/10/96	4427				
26	1421040166	Nguyễn Thị	Linh	29/03/96	4428				
27	1221010218	Nguyễn Hải	Long	05/07/94	4429				
28	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/96	4430				
29	1221030110	Vũ Ngọc	Minh	02/05/93	4431				
30	1421045007	Phan Thị Thảo	Nga	24/04/96	4432				
31	1121050263	Nguyễn Thị	Ngát	23/07/93	4433				
32	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/96	4434				
33	1421040202	Đào Minh	Nguyên	01/02/96	4435				
34	1421040479	Mai Văn	Phùng	10/10/95	4436				
35	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/93	4437				
36	1121050082	Hà Văn	Quyết	10/06/88	4438				
37	1021020542	Nguyễn Xuân	Quỳnh	08/01/91	4439				
38	1021050083	Nguyễn Hữu	Sao	01/01/90	4440				
39	1121020165	Vũ Tiến	Song	05/10/93	4441				
40	1221020444	Phạm Minh	Sơn	17/09/94	4442				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030422 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/95	4443				
42	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/96	4444				
43	1221060123	Trịnh Công	Thành	22/12/93	4445				
44	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/01/96	4446				
45	1531020032	Nguyễn Dương	Thảo	26/10/	4447				
46	1121010320	Trần Ngọc	Thi	16/01/93	4448				
47	1321050744	Vũ Thị	Thường	19/09/95	4449				
48	1531020042	Nguyễn Anh	Tiến	14/05/	4450				
49	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/96	4451				
50	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/96	4452				
51	1221060160	Nguyễn Minh	Trường	26/05/94	4453				
52	1221040475	Nguyễn Văn	Trường	20/04/92	4454				
53	1531020046	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/11/	4455				
54	1321070699	Nguyễn Tài	Tuấn	04/10/95	4456				
55	1421040324	Nguyễn Văn	Tuấn	04/04/96	4457				
56	1321020791	Trương Sinh	Tuấn	13/09/95	4458				
57	1221060174	Hoàng Thanh	Tùng	15/05/94	4459				
58	1431070024	Nguyễn Mạnh	Việt	21/09/93	4460				
59	1221060184	Đoàn Minh	Vương	08/10/94	4461				
60	1431070025	Nguyễn Văn	Xuân	04/08/93	4462				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030502 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD203

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1531070002	Bùi Tuấn	Anh	08/07/	4463				
2	1321070001	Hoàng Tuấn	Anh	19/09/95	4464				
3	1321070413	Đỗ Đình	Bắc	29/10/95	4465				
4	1321070013	Chu Văn	Bình	23/02/95	4466				
5	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/94	4467				
6	1531070014	Vũ Xuân	Dương	27/07/	4468				
7	1321040058	Hoàng Văn	Đàm	06/07/95	4469				
8	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/95	4470				
9	1221070501D	Lò Hữu	Hải	01/06/93	4471				
10	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/95	4472				
11	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/95	4473				
12	1321070079	Trần Văn	Hoàng	25/01/94	4474				
13	1321070082	Nguyễn Ngọc	Huân	04/01/95	4475				
14	1321070522	Đình Văn	Hùng	26/09/95	4476				
15	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/95	4477				
16	1221070068	Vũ Đức	Huy	30/10/94	4478				
17	1321070097	Trần Văn	Hướng	16/03/95	4479				
18	1531070031	Phạm Văn	Kiên	07/10/92	4480				
19	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/96	4481				
20	1121070022	Hạ Việt	Linh	26/08/93	4482				
21	1321070583	Nguyễn Thế	Lượng	10/07/95	4483				
22	1421070086	Lê Nhật	Minh	04/04/96	4484				
23	1531070036	Nguyễn Khắc	Minh	10/06/	4485				
24	1531070040	Bùi Văn	Nghĩa	28/09/	4486				
25	1531070052	Đình Minh	Tâm	08/02/	4487				
26	1531070054	Bùi Xuân	Thái	02/08/	4488				
27	1531070056	Nguyễn Văn	Thắng	14/05/	4489				
28	1321070182	Lương Hưng	Thịnh	28/10/95	4490				
29	1421070510	Lê Anh	Tú	12/09/96	4491				
30	1531070065	Lê Văn	Tú	26/07/	4492				
31	1321070216	Trương Văn	Tuấn	20/10/95	4493				
32	1531070067	Phan Thanh	Tùng	16/08/	4494				
33	1121060317	Trịnh Duy	Tuyên	25/09/93	4495				
34	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/95	4496				
35	1531070070	Hoàng	Vũ	02/09/	4497				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/96	4498				
2	1421010010	Lê Minh	Anh	13/09/96	4499				
3	1221020007	Nguyễn Xuân	Bách	22/02/94	4500				
4	1221020008	Đỗ Văn	Ban	31/01/94	4501				
5	1421010034	Lê Thành	Chinh	08/06/96	4502				
6	1421020253	Lại Xuân	Cường	19/09/96	4503				
7	1321010062	Phạm Văn	Dân	23/06/95	4504				
8	1221020267	Cao Tiến	Dũng	20/06/94	4505				
9	1421010052	Hoàng Anh	Dũng	01/11/96	4506				
10	1421010056	Nguyễn Trọng	Dũng	21/04/96	4507				
11	1221020215	Doãn Văn	Đức	18/10/94	4508				
12	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/96	4509				
13	1221020050	Vũ Minh	Đức	20/09/94	4510				
14	1421030059	Phương Quang	Hải	09/12/96	4511				
15	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/96	4512				
16	1421010105	Nguyễn Văn	Hậu	28/11/96	4513				
17	1321010148	Ngô Ngọc	Hiên	07/03/95	4514				
18	1221020061	Bùi Quang	Hiếu	03/11/94	4515				
19	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/95	4516				
20	1421040416	Nguyễn Quang	Hòa	01/11/96	4517				
21	1221020065	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	30/04/94	4518				
22	1421010123	Nguyễn Xuân	Hòa	28/02/96	4519				
23	1021010141	Lê Hữu	Hoàng	11/10/92	4520				
24	1421011138	Nguyễn Huy	Hoàng	21/12/96	4521				
25	1421020072	Dương Mạnh	Hùng	12/05/96	4522				
26	1421010139	Lâm Việt	Hùng	13/08/96	4523				
27	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/93	4524				
28	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/93	4525				
29	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/96	4526				
30	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/96	4527				
31	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/95	4528				
32	1321010200	Phạm Văn	Lâm	17/05/95	4529				
33	1421030117	Bùi Huyền	Linh	18/11/96	4530				
34	1421020433	Lê Quang	Linh	15/12/96	4531				
35	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/93	4532				
36	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/96	4533				
37	1221020093	Trần Đồng	Luân	05/06/94	4534				
38	1221020100	Nguyễn Thành	Nam	14/07/94	4535				
39	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	04/08/95	4536				
40	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/95	4537				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1224010216	Hoàng Ngọc	Phúc	05/12/93	4538				
42	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/95	4539				
43	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/96	4540				
44	1421010271	Mai Kim	Quý	19/12/96	4541				
45	1221020134	Nguyễn Văn	Tài	08/09/93	4542				
46	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/96	4543				
47	1421010316	Nguyễn Huy	Thiệt	04/04/96	4544				
48	1221020154	Nguyễn Ngọc	Tiến	14/08/94	4545				
49	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/94	4546				
50	1221040284	Bùi Văn	Trưởng	16/05/94	4547				
51	1421030217	Phương Anh	Tú	27/11/96	4548				
52	1221020170	Đặng Quang	Tuấn	10/10/94	4549				
53	1321020788	Phạm Anh	Tuấn	25/10/94	4550				
54	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/96	4551				
55	1321020791	Trương Sinh	Tuấn	13/09/95	4552				
56	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/96	4553				
57	1221030453	Vũ Thanh	Tùng	27/01/94	4554				
58	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/96	4555				
59	1221020179	Bùi Đức	Tường	31/12/93	4556				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4040101 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Địa chất đại cương

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD304

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121011076	Nguyễn Hoài	Chính	20/02/91	4557				
2	1321010065	Bùi Đăng	Doanh	22/03/95	4558				
3	1321020455	Bùi Thế	Dũng	28/07/95	4559				
4	1321050043	Nguyễn Tiến	Dũng	16/12/95	4560				
5	1221050025	Phạm Văn	Duy	16/02/93	4561				
6	1221030213	Phạm Văn	Đông	15/03/93	4562				
7	1221060038	Nguyễn Trường	Giang	28/08/94	4563				
8	0921010295	Đỗ Huy	Khuê	03/12/90	4564				
9	1521010286	Bùi Xuân	Lộc	29/01/97	4565				
10	1411020033	Lê Đình	Quân	08/06/96	4566				
11	1321020210	Nguyễn Duy	Thuần	23/01/95	4567				
12	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/94	4568				
13	1521020334	Nguyễn Anh	Tuấn	13/12/95	4569				
14	1521020006	Vũ Hoàng	Tùng	01/11/97	4570				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4050526 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/96	4571				
2	1321070002	Lê Tuấn	Anh	07/02/92	4572				
3	1531070009	Phạm Văn	Cường	25/12/	4573				
4	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/96	4574				
5	1321010061	Nguyễn Huy	Dân	21/06/95	4575				
6	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/96	4576				
7	1421060061	Ngô Minh	Dương	08/11/96	4577				
8	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/09/92	4578				
9	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/96	4579				
10	1321070047	Lê Văn	Đăng	08/02/94	4580				
11	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/95	4581				
12	1421020049	Nguyễn Thu	Hà	28/02/96	4582				
13	1324010080	Vũ Thái	Hà	07/11/95	4583				
14	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/96	4584				
15	1321070519	Lê Cao	Hội	11/08/94	4585				
16	1321040496	Hoàng Mạnh	Hùng	02/09/94	4586				
17	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/95	4587				
18	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/96	4588				
19	1421070059	Nguyễn Duy	Hưng	27/09/96	4589				
20	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/97	4590				
21	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/95	4591				
22	1321010227	Vũ Xuân	Mạnh	13/01/95	4592				
23	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/95	4593				
24	1221020389	Nguyễn Tuấn	Minh	18/12/94	4594				
25	1421020488	Nguyễn Trung	Nghĩa	25/09/96	4595				
26	1421070411	Ngô Thị	Nụ	18/12/96	4596				
27	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/96	4597				
28	1421070416	Ngô Văn	Phóng	24/07/95	4598				
29	1321010292	Nguyễn Trung	Sơn	15/10/95	4599				
30	1321010313	Lê Ngọc	Thành	05/07/95	4600				
31	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/92	4601				
32	1111070096	Bùi Văn	Thao	08/04/93	4602				
33	1321060280	Dương Thế	Thắng	09/05/95	4603				
34	1321010353	Trần Văn	Thủy	25/12/95	4604				
35	1421010358	Huỳnh Bá	Truyền	24/11/96	4605				
36	1421070511	Lê Công	Tú	06/10/96	4606				
37	1421020673	Nguyễn Thanh	Tùng	04/05/94	4607				
38	1531070068	Nguyễn Thanh	Tùng	07/02/	4608				
39	1211070135	Phạm Mạnh	Tuyến	23/03/94	4609				
40	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/93	4610				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4050526 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Trắc địa đại cương
Ngày thi: 8/9/2016 Phòng thi: HNAD403 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1534010401	Hoàng Quốc	Vũ	03/04/	4611				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số tờ:
Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060142 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Địa vật lý đại cương

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD202 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010028	Lê Tuấn	Bằng	10/08/94	4612				
2	1221010036	Trần Văn	Chiến	13/08/94	4613				
3	1511060024	Nguyễn Song	Đức	05/02/96	4614				
4	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/96	4615				
5	1321010136	Hồ Đức	Hải	14/09/95	4616				
6	1321020088	Trần Hoàng	Hải	04/12/94	4617				
7	1324010585	Nguyễn Ngọc	Minh	10/01/95	4618				
8	1221010233	Nguyễn Nhật	Minh	10/12/94	4619				
9	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	03/06/96	4620				
10	1321010327	Vũ Đình	Thăng	10/07/95	4621				
11	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/94	4622				
12	1221020531	Lưu Công	Tuấn	08/06/94	4623				
13	1421010370	Phạm Năng	Tuấn	25/05/96	4624				
14	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/93	4625				
15	1321040334	Nguyễn Tất	Vương	25/12/94	4626				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060206 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010085	Lê Thành	Đạt	08/07/94	4627				
2	1221020293	Trần Huy	Hải	12/04/94	4628				
3	1321010151	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/95	4629				
4	1321010155	Nguyễn Đình	Hiệu	12/02/95	4630				
5	1221010141	Lê Xuân	Hoàn	25/07/94	4631				
6	1221050048	Nguyễn Công	Hoàng	26/02/94	4632				
7	1021011018	Nguyễn Việt	Huy	14/09/92	4633				
8	1221010164	Nguyễn Trọng	Hưng	23/08/94	4634				
9	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/95	4635				
10	1121010419	Vi Văn	Nhã	01/06/92	4636				
11	1221010258	Lê Minh	Nhật	26/09/94	4637				
12	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/96	4638				
13	1331010301	Nguyễn Văn	Sơn	14/03/91	4639				
14	1221010329	Trần Quang	Thiện	29/10/94	4640				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060402 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080400	Nguyễn Thị Thúy	An	21/11/95	4641				
2	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/96	4642				
3	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/96	4643				
4	1321010021	Vũ Ngọc	Anh	25/07/95	4644				
5	1424010020	Lê Văn	Công	08/11/95	4645				
6	1221060227	Nguyễn Xương	Công	16/02/94	4646				
7	1321010065	Bùi Đăng	Doanh	22/03/95	4647				
8	1021050020	Chu Văn	Duy	23/08/91	4648				
9	1321030034	Trần Ngọc	Duy	13/12/94	4649				
10	1221060026	Đinh Văn	Dương	15/07/94	4650				
11	1324010445	Hà Thị Thùy	Dương	06/06/95	4651				
12	1321010099	Nguyễn Sỹ	Đạt	13/03/90	4652				
13	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/96	4653				
14	1221060205	Dương Minh	Đức	04/12/92	4654				
15	1321010115	Nguyễn Đình	Đức	12/10/95	4655				
16	1221060042	Nguyễn Viết	Hải	20/07/94	4656				
17	1421010099	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/07/96	4657				
18	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/96	4658				
19	1221010142	Lê Đức	Hoàng	25/02/92	4659				
20	1221060307	Đỗ Cao	Huy	08/02/94	4660				
21	1321060151	Ngô Duy	Hưng	12/01/95	4661				
22	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/86	4662				
23	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/95	4663				
24	1321080050	Nguyễn Diệu	Linh	01/11/95	4664				
25	1424010102	Nguyễn Thị Hạnh	Linh	24/04/96	4665				
26	1321020138	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/95	4666				
27	1221040148	Nguyễn Văn	Linh	23/08/94	4667				
28	1424010104	Phạm Thị Thùy	Linh	04/08/95	4668				
29	1221060336	Vũ Tiến	Linh	15/08/94	4669				
30	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/95	4670				
31	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/96	4671				
32	1221020395	Doãn Thành	Nam	14/06/94	4672				
33	1421010209	Đỗ Quang	Nam	06/10/96	4673				
34	1221020409	Lưu Thị ánh	Nguyệt	14/09/94	4674				
35	1424010148	Lê Thị	Ninh	03/02/96	4675				
36	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/95	4676				
37	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/95	4677				
38	1221040194	Phạm Văn	Phúc	22/09/94	4678				
39	1221020114	Đặng Văn	Phương	19/06/94	4679				
40	1221010281	Nguyễn Hồng	Quân	12/08/93	4680				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060402 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD502

Tiết bắt đầu: 6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221060110	Bùi Văn	Sơn	08/12/94	4681				
42	1321010302	Hoàng Văn	Tam	17/07/95	4682				
43	1321020706	Nguyễn Trọng	Tân	24/02/95	4683				
44	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/96	4684				
45	1421010294	Lê Hữu	Thành	20/07/96	4685				
46	1321040258	Nguyễn Văn	Thảo	18/02/91	4686				
47	1321040276	Bùi Văn	Thịnh	10/12/95	4687				
48	1321080515	Phùng Thị	Thoa	02/01/95	4688				
49	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/96	4689				
50	1064040043	Phạm Hữu	Thùy	/ /	4690				
51	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/96	4691				
52	1221040269	Phạm Minh	Toàn	22/09/94	4692				
53	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/94	4693				
54	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/95	4694				
55	1221040282	Vũ Thành	Trung	10/04/94	4695				
56	1221020172	Vũ Đức	Tuấn	03/08/94	4696				
57	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/91	4697				
58	1221020491	Nguyễn Trọng	Tùng	01/01/94	4698				
59	1221020178	Lê Đức	Tuyển	21/02/93	4699				
60	1221070177	Lương Kỳ	Vinh	10/09/93	4700				
61	1221010421	Cao Trung	Vũ	15/08/94	4701				
62	1221010422	Phan Thanh Quang	Vũ	08/03/93	4702				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060412 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD204

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010007	Ngô Công Tuấn	Anh	02/07/95	4703				
2	1221060005	Nguyễn Xuân	Anh	20/04/94	4704				
3	1221010028	Lê Tuấn	Bằng	10/08/94	4705				
4	1221010046	Nguyễn Kim	Công	09/02/94	4706				
5	1221070024	Phạm Văn	Cường	03/06/93	4707				
6	1121030247	Hoàng Đức	Dũng	28/08/93	4708				
7	1221020561	Trần Đoàn	Duy	25/08/94	4709				
8	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/94	4710				
9	1221010081	Bùi Quốc	Đạt	20/05/94	4711				
10	1221010084	Hoàng Tiến	Đạt	29/10/94	4712				
11	1221010088	Phạm Tuấn	Đạt	31/10/94	4713				
12	1221010096	Bùi Văn	Điệp	19/10/94	4714				
13	1121010091	Nguyễn Minh	Đức	30/01/93	4715				
14	1321010147	Hoàng Đình	Hiền	11/09/94	4716				
15	1121030284	Nguyễn Đức	Hiệp	24/10/93	4717				
16	0921010066	Lê Văn	Hòa	21/07/91	4718				
17	1221070057	Bùi Thanh	Hoan	25/08/94	4719				
18	1221010145	Phạm Công	Hoàng	22/06/94	4720				
19	1221010151	Lê Văn	Hùng	01/06/93	4721				
20	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/94	4722				
21	1221010183	Nguyễn Hoàn	Kiểm	19/03/94	4723				
22	1221010215	Trần Thị Diệu	Linh	17/08/94	4724				
23	1221010227	Đinh Quang	Mạnh	15/09/94	4725				
24	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/95	4726				
25	1221010248	Nguyễn Bùi Minh	Ngọc	13/09/94	4727				
26	1221010250	Phan Tất	Ngọc	12/04/93	4728				
27	1121010423	Đặng Tấn	Phương	06/06/93	4729				
28	1121020161	Nguyễn Công	Quyền	01/03/93	4730				
29	1221020132	Nguyễn Anh	Tài	25/07/94	4731				
30	1221010330	Nguyễn Cao	Thọ	10/11/93	4732				
31	1321010351	Hoàng Thu	Thủy	01/06/95	4733				
32	1221040467	Hoàng Phúc	Toàn	13/07/94	4734				
33	1221010358	Nguyễn Văn	Toàn	19/10/94	4735				
34	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/94	4736				
35	1221010370	Trần Văn	Trọng	26/05/94	4737				
36	1221010390	Lê Minh	Tuấn	06/04/94	4738				
37	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/95	4739				
38	1221010409	Nguyễn Đức	Tuyền	24/09/94	4740				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4060413 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Công nghệ khoan dầu khí

Ngày thi: 8/13/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

4

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010003	Ngô Sỹ	An	10/03/93	4741				
2	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/97	4742				
3	1221010011	Lê Đức	Anh	10/03/94	4743				
4	1321010009	Nguyễn Đức Duy	Anh	07/04/95	4744				
5	1221010029	Đào Văn	Bình	17/08/94	4745				
6	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/94	4746				
7	1221010059	Phạm Hùng	Cường	23/02/94	4747				
8	1321010065	Bùi Đăng	Doanh	22/03/95	4748				
9	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/96	4749				
10	1121011012	Nguyễn Minh	Dương	02/11/93	4750				
11	1121010079	Phạm Đức	Đạt	02/01/92	4751				
12	1321010115	Nguyễn Đình	Đức	12/10/95	4752				
13	1221010112	Nguyễn Minh	Giang	08/09/94	4753				
14	1121010114	Phạm Văn	Hải	10/10/93	4754				
15	1431010001	Đỗ Thành	Hiếu	15/01/91	4755				
16	1321010155	Nguyễn Đình	Hiệu	12/02/95	4756				
17	1221060308	Dương Thế	Huy	25/06/94	4757				
18	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/95	4758				
19	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/94	4759				
20	1431010002	Hoàng Ngọc	Lâm	22/05/91	4760				
21	1221010195	Nguyễn Chí	Lâm	02/10/94	4761				
22	1321010242	Nguyễn Văn	Nam	04/08/95	4762				
23	1221010242	Trần Ngọc	Nam	08/01/94	4763				
24	1321010280	Hoàng Văn	Quang	04/11/95	4764				
25	1221010273	Hoàng Xuân	Quang	06/11/94	4765				
26	1221010283	Nguyễn Văn	Quân	02/08/94	4766				
27	1221010298	Nguyễn Minh	Sơn	27/11/94	4767				
28	1321010302	Hoàng Văn	Tam	17/07/95	4768				
29	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/96	4769				
30	1421010359	Đinh Tuấn	Tú	17/09/96	4770				
31	1221010414	Đinh Văn	Vận	20/02/94	4771				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4060419 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD503

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010006	Đặng Thế	Anh	19/11/94	4772				
2	1221010016	Nguyễn Tuấn	Anh	26/04/94	4773				
3	1321010017	Phạm Tuấn	Anh	02/02/94	4774				
4	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/94	4775				
5	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/94	4776				
6	1221010032	Đặng Hữu	Cảnh	16/05/94	4777				
7	1221010033	Lê Như	Cảnh	07/09/94	4778				
8	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/95	4779				
9	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/94	4780				
10	1221010045	Nguyễn Hoàng	Công	18/09/94	4781				
11	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/94	4782				
12	1221010051	Nguyễn Ngọc	Cương	18/08/94	4783				
13	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/96	4784				
14	1221010069	Nguyễn Văn	Dũng	08/06/93	4785				
15	1221080014	Trần Ngọc	Dũng	02/08/94	4786				
16	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/96	4787				
17	1221010071	Đỗ Công	Duy	28/10/94	4788				
18	1221010085	Lê Thành	Đạt	08/07/94	4789				
19	1221010108	Trần Minh	Đức	17/03/94	4790				
20	1221020280	Hà Trọng	Giáp	19/10/94	4791				
21	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/95	4792				
22	1221010120	Nguyễn Thanh	Hải	22/11/94	4793				
23	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/96	4794				
24	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/95	4795				
25	1221010139	Nguyễn Bá	Hoan	05/01/94	4796				
26	1221010143	Mai Thế	Hoàng	25/02/94	4797				
27	1421010137	Đào Thị	Huệ	20/08/96	4798				
28	1121010157	Hoàng Ngọc	Hùng	03/09/91	4799				
29	1221010207	Nguyễn Hoài	Linh	02/03/94	4800				
30	1221010222	Đinh Lý	Luận	30/03/94	4801				
31	1221010237	Bùi Văn	Nam	23/08/94	4802				
32	1221020393	Đoàn Đình	Nam	17/07/93	4803				
33	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/96	4804				
34	1221020402	Vũ Thị Quỳnh	Nga	18/11/94	4805				
35	1221010257	Đặng Quý	Nhân	10/08/94	4806				
36	1221010286	Phan Hồng	Quân	15/11/94	4807				
37	1221020437	Vũ Kiến	Quốc	08/10/94	4808				
38	1221010289	Đỗ Văn	Quyền	26/11/94	4809				
39	1221010300	Nguyễn Văn	Sơn	29/10/94	4810				
40	1221010302	Phan Ngọc	Sơn	15/05/94	4811				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4060419 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD503 Tiết bắt đầu: 2 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010304	Nguyễn Đức	Tâm	14/10/94	4812				
42	1321060261	Nguyễn Hữu	Thái	21/09/94	4813				
43	1221010310	Trịnh Ngọc	Thái	11/08/94	4814				
44	1221010326	Phạm Văn	Thắng	17/02/94	4815				
45	1121010320	Trần Ngọc	Thị	16/01/93	4816				
46	1321010340	Lê Đôn	Thịnh	10/07/94	4817				
47	1064040043	Phạm Hữu	Thùy	/ /	4818				
48	1221010353	Trần Văn	Tĩnh	14/06/93	4819				
49	1221010360	Vũ Minh	Toàn	08/06/93	4820				
50	1221010361	Thái Văn	Tôn	01/10/94	4821				
51	1221010367	Vũ Văn	Triển	16/12/94	4822				
52	1121010367	Nguyễn Thị	Trinh	10/05/93	4823				
53	1221010369	Ma Đình	Trọng	01/10/94	4824				
54	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/95	4825				
55	1421010365	Ngô Anh	Tuấn	16/04/96	4826				
56	1221010392	Nguyễn Văn	Tuấn	18/10/94	4827				
57	1221010397	Trần Anh	Tuấn	15/06/94	4828				
58	1221010404	Hà Thanh	Tùng	10/11/94	4829				
59	1321010410	Trần Văn	Tùng	30/03/95	4830				
60	1221010417	Nguyễn Xuân	Việt	08/06/94	4831				
61	1221010422	Phan Thanh Quang	Vũ	08/03/93	4832				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060420 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Thu hồi dầu khí tăng cường

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010007	Ngô Công Tuấn	Anh	02/07/95	4833				
2	1321010009	Nguyễn Đức Duy	Anh	07/04/95	4834				
3	1221010016	Nguyễn Tuấn	Anh	26/04/94	4835				
4	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/95	4836				
5	1221010038	Lưu Văn	Chính	05/04/93	4837				
6	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/94	4838				
7	1221010046	Nguyễn Kim	Công	09/02/94	4839				
8	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/94	4840				
9	1221010051	Nguyễn Ngọc	Cương	18/08/94	4841				
10	1321010066	Trần Đức	Doanh	17/07/95	4842				
11	1221040043	Nguyễn Văn	Dự	07/03/89	4843				
12	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/95	4844				
13	1321070456	Đỗ Thành	Đạt	11/10/95	4845				
14	0921010249	Nguyễn Văn	Điệp	16/07/91	4846				
15	1221010102	Trần Văn	Đoàn	25/08/93	4847				
16	1221020280	Hà Trọng	Giáp	19/10/94	4848				
17	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/95	4849				
18	1321010147	Hoàng Đình	Hiền	11/09/94	4850				
19	1221010143	Mai Thế	Hoàng	25/02/94	4851				
20	1421010137	Đào Thị	Huệ	20/08/96	4852				
21	1121010157	Hoàng Ngọc	Hùng	03/09/91	4853				
22	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/95	4854				
23	1221060308	Dương Thế	Huy	25/06/94	4855				
24	1121010185	Nguyễn Mạnh	Khang	25/04/93	4856				
25	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/95	4857				
26	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/94	4858				
27	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/95	4859				
28	1321010204	Cao Hoàng Nhật	Lân	20/01/95	4860				
29	1221010200	Tô Thế	Lịch	09/01/94	4861				
30	1221010207	Nguyễn Hoài	Linh	02/03/94	4862				
31	1221010215	Trần Thị Diệu	Linh	17/08/94	4863				
32	1221010222	Đinh Lý	Luân	30/03/94	4864				
33	1221010227	Đinh Quang	Mạnh	15/09/94	4865				
34	1321010227	Vũ Xuân	Mạnh	13/01/95	4866				
35	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/95	4867				
36	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/95	4868				
37	1221020393	Đoàn Đình	Nam	17/07/93	4869				
38	1221010239	Đỗ Văn	Nam	11/08/94	4870				
39	1221010257	Đặng Quý	Nhân	10/08/94	4871				
40	1321010280	Hoàng Văn	Quang	04/11/95	4872				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060420 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Thu hồi dầu khí tăng cường

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010273	Hoàng Xuân	Quang	06/11/94	4873				
42	1221010283	Nguyễn Văn	Quân	02/08/94	4874				
43	1221020437	Vũ Kiên	Quốc	08/10/94	4875				
44	1321040228	Đỗ Hoàng	Sơn	17/04/95	4876				
45	1321010292	Nguyễn Trung	Sơn	15/10/95	4877				
46	1221010304	Nguyễn Đức	Tâm	14/10/94	4878				
47	1221050368	Nguyễn Công	Tân	06/03/94	4879				
48	1321010310	Trần Thị	Thanh	11/05/95	4880				
49	1421010300	Phí Trung	Thành	03/03/96	4881				
50	1221010326	Phạm Văn	Thắng	17/02/94	4882				
51	1221010357	Nguyễn Trọng	Toàn	10/05/94	4883				
52	1221010358	Nguyễn Văn	Toàn	19/10/94	4884				
53	1221010360	Vũ Minh	Toàn	08/06/93	4885				
54	1221010372	Phạm Văn	Trung	22/07/94	4886				
55	1221010380	Nguyễn Văn	Trường	03/11/94	4887				
56	1021010387	Bùi Văn	Tuấn	17/06/92	4888				
57	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/95	4889				
58	1221010405	Nguyễn Minh	Tùng	08/11/94	4890				
59	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/95	4891				
60	1221030453	Vũ Thanh	Tùng	27/01/94	4892				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4060428 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường

Ngày thi: 8/8/2016 Phòng thi: HNAD202 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010003	Ngô Sỹ	An	10/03/93	4893				
2	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/97	4894				
3	1321010003	Đình Tuấn	Anh	12/12/95	4895				
4	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/94	4896				
5	1221010033	Lê Như	Cánh	07/09/94	4897				
6	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/94	4898				
7	1321010045	Nguyễn Thế	Công	26/08/95	4899				
8	1221010048	Trần Sỹ	Công	28/12/94	4900				
9	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/95	4901				
10	1321010060	Vũ Mạnh	Cường	07/07/94	4902				
11	1321010079	Nguyễn Hữu	Dụng	23/09/95	4903				
12	1221010071	Đỗ Công	Duy	28/10/94	4904				
13	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/95	4905				
14	1321010122	Nguyễn Văn	Giang	18/04/95	4906				
15	1421010109	Lê Thị	Hiền	26/01/96	4907				
16	1321010149	Nguyễn Tiến	Hiển	22/07/95	4908				
17	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/95	4909				
18	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/95	4910				
19	1321010197	Nguyễn Văn	Khôi	12/09/93	4911				
20	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/95	4912				
21	1321010228	Hoàng Văn	Mạo	06/04/93	4913				
22	1321010235	Võ Anh	Mười	17/02/95	4914				
23	1221010282	Nguyễn Hùng	Quân	10/02/94	4915				
24	1221010298	Nguyễn Minh	Sơn	27/11/94	4916				
25	1321010290	Nguyễn Tất Hoàng	Sơn	01/08/95	4917				
26	1221010302	Phan Ngọc	Sơn	15/05/94	4918				
27	1321060261	Nguyễn Hữu	Thái	21/09/94	4919				
28	1221010311	Mai Nhật	Thanh	06/08/94	4920				
29	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/94	4921				
30	1321010343	Nguyễn Minh	Thông	13/02/95	4922				
31	1221010394	Nguyễn Văn	Tuấn	17/07/94	4923				
32	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/95	4924				
33	1321010402	Đào Thanh	Tùng	20/02/95	4925				
34	1121010403	Nguyễn Phương	Vững	03/04/92	4926				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4070102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kinh tế vĩ mô

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040010L	Khaikham Inthasombut	.	04/02/94	4927				
2	1524010001L	Soudsaychai Homdouan	.	26/01/97	4928				
3	1424010003	Đồng Thị Ngọc	Anh	24/10/96	4929				
4	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/95	4930				
5	1421030253	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/06/96	4931				
6	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/96	4932				
7	1414010002	Phạm Ngọc	Anh	01/05/96	4933				
8	1424010013	Vũ Việt	Anh	18/02/96	4934				
9	1424010015	Cao Trọng	Báu	18/10/96	4935				
10	1324010024	Hoàng Kim	Báu	23/09/95	4936				
11	1421030290	Đoàn Thành	Công	23/06/96	4937				
12	1424010025	Trần Anh	Dũng	23/12/96	4938				
13	1321020051	Trần Trung	Dũng	31/01/94	4939				
14	1424010269	Nguyễn Văn	Duy	27/10/96	4940				
15	1424010283	Hoàng Thị	Giang	01/12/96	4941				
16	1524010323	Bùi Phương	Hà	10/10/97	4942				
17	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/97	4943				
18	1421050376	Nguyễn Thu	Hà	11/07/96	4944				
19	1221050038	Nguyễn Việt	Hà	13/11/94	4945				
20	1424010331	Phan Văn	Hiếu	08/12/96	4946				
21	1524010432	Đỗ Thị	Huệ	27/04/97	4947				
22	1424010066	Lê Gia	Huy	09/08/96	4948				
23	1524010281	Vũ Thị Thanh	Huyền	11/09/97	4949				
24	1524010258	Mai Quang	Khải	29/10/97	4950				
25	1424010106	Trần Thị Tài	Linh	08/07/96	4951				
26	1414010047	Nguyễn Thảo	Ly	16/11/96	4952				
27	1424010126	Tô Nguyễn Tiểu	My	26/10/96	4953				
28	1424010127	Phạm Văn	Nam	09/02/92	4954				
29	1414010053	Phan Hồng	Ngọc	26/07/96	4955				
30	1424010139	Bùi Thị	Nhâm	22/02/96	4956				
31	1324010618	Nguyễn Phồn	Nhật	14/01/95	4957				
32	1524010485	Bùi Hồng	Nhung	24/04/97	4958				
33	1424010148	Lê Thị	Ninh	03/02/96	4959				
34	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/94	4960				
35	1424010155	Trịnh Hà	Phương	06/08/96	4961				
36	1524010040	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/06/97	4962				
37	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	02/04/97	4963				
38	1421050172	Nguyễn Xuân	Sơn	15/03/96	4964				
39	1424010170	Nguyễn Thị	Tâm	24/11/96	4965				
40	1414010069	Phạm Thanh	Tâm	10/10/95	4966				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4070102 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kinh tế vĩ mô

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1524010303	Lương Thu	Thảo	07/10/97	4967				
42	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/94	4968				
43	1424010548	Hà Thị	Thu	11/08/95	4969				
44	1324010303	Lương Vũ Hương	Trà	15/11/95	4970				
45	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/96	4971				
46	1424010205	Đặng Đình	Trung	09/04/96	4972				
47	1414010083	Ngô Văn	Trường	08/08/96	4973				
48	1424010206	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/96	4974				
49	1524010565	Trần Ngọc Thảo	Vy	27/06/97	4975				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010001	Dương Nhật	Anh	29/08/96	4976				
2	1324010005	Đoàn Phương	Anh	24/03/95	4977				
3	1424010002	Đỗ Thị Vân	Anh	04/07/95	4978				
4	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/95	4979				
5	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/95	4980				
6	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/96	4981				
7	1421030268	Nguyễn Xuân	ánh	07/06/95	4982				
8	1324010428	Lại Văn	Chuyên	03/04/95	4983				
9	1424010019	Hoàng Văn	Chương	22/12/96	4984				
10	1421030290	Đoàn Thành	Công	23/06/96	4985				
11	1321030482	Lê Việt	Duy	22/02/95	4986				
12	1424010274	Luyên Ngọc	Dương	03/10/94	4987				
13	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/96	4988				
14	1321050501	Lê Thu	Hà	24/01/95	4989				
15	1424010038	Nguyễn Thiện	Hải	18/05/96	4990				
16	1424010331	Phan Văn	Hiếu	08/12/96	4991				
17	1424010064	Đặng Thanh	Hùng	26/02/96	4992				
18	1424010075	Trần Trọng	Huỳnh	08/03/96	4993				
19	1314010039	Hứa Thị	Hương	27/10/95	4994				
20	1524010032	Nguyễn Thanh	Hương	01/01/97	4995				
21	1424010082	Nguyễn Thị Liên	Hương	02/02/96	4996				
22	1324010550	Nguyễn Thị	Len	09/08/95	4997				
23	1424010219	Mai Thị	Liên	13/06/95	4998				
24	1321050616	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	03/10/95	4999				
25	1414010043	Trần Thị	Linh	28/06/96	5000				
26	1424010106	Trần Thị Tài	Linh	08/07/96	5001				
27	1121040172	Lê Thành	Luân	10/07/93	5002				
28	1424010122	Trần Thị Tuyết	Mai	10/03/93	5003				
29	1424010126	Tô Nguyễn Tiểu	My	26/10/96	5004				
30	1424010127	Phạm Văn	Nam	09/02/92	5005				
31	1424010493	Nguyễn Bá	Phong	05/11/96	5006				
32	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/94	5007				
33	1424010155	Trịnh Hà	Phương	06/08/96	5008				
34	1524010040	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/06/97	5009				
35	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	02/04/97	5010				
36	1424010169	Nguyễn Cao	Sơn	04/05/96	5011				
37	1324010674	Đỗ Mạnh	Thành	10/09/94	5012				
38	1321050709	Nguyễn Thị	Thảo	29/11/95	5013				
39	1521050107	Nguyễn Minh	Thắng	26/06/96	5014				
40	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/94	5015				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: 8/11/2016

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/96	5016				
42	1424010186	Hoàng Đức	Thuận	28/11/96	5017				
43	1321050735	Nghiêm Thu	Thủy	19/12/95	5018				
44	1324010305	Bùi Thu	Trang	11/08/95	5019				
45	1224010313	Vũ Thị Thu	Trang	02/02/94	5020				
46	1424010205	Đặng Đình	Trung	09/04/96	5021				
47	1321020232	Phạm Thành	Trung	27/03/95	5022				
48	1324010328	Đỗ Minh	Tú	09/02/95	5023				
49	1424010206	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/96	5024				
50	1424010207	Dương Thị	Tuyền	26/04/96	5025				
51	1421050701	Nguyễn Thị	Tuyền	14/02/96	5026				
52	1424010125	Cao Mộng	Tuyết	10/06/96	5027				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010013	Nguyễn Duy	Anh	08/02/94	5028				
2	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/97	5029				
3	1221040011	Phạm Tuấn	Anh	22/09/94	5030				
4	1221030242	Vũ Ngọc	Anh	30/11/93	5031				
5	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/96	5032				
6	1521050230	Lê Thanh	Bình	09/01/95	5033				
7	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	02/07/94	5034				
8	1421030015	Nguyễn Thị	Chinh	29/07/95	5035				
9	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/96	5036				
10	1321060042	Lương Minh	Cường	30/06/95	5037				
11	1521080045	Nguyễn Duy	Cường	12/05/97	5038				
12	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/96	5039				
13	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/95	5040				
14	1221010068	Lê Anh	Dũng	08/11/94	5041				
15	1321060054	Nguyễn Việt	Dũng	22/01/95	5042				
16	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/95	5043				
17	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/96	5044				
18	1221040057	Vũ Văn	Đạt	26/11/94	5045				
19	1521060025	Đoàn Cát	Đăng	18/09/95	5046				
20	1321030505	Doãn Đức	Diệp	14/03/95	5047				
21	1321050058	Vũ Ngọc	Đô	22/05/94	5048				
22	1221070041	Đỗ Xuân	Đức	30/10/93	5049				
23	1521010207	Đỗ Thu	Hà	31/03/97	5050				
24	1321070059	Lê Văn	Hà	08/11/94	5051				
25	1221040077	Đinh Văn	Hải	17/02/94	5052				
26	1321040087	Huỳnh Ngọc	Hải	20/08/95	5053				
27	1221050039	Nguyễn Đức Minh	Hải	04/11/94	5054				
28	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/95	5055				
29	1211030050	Phạm Xuân	Hiển	14/07/94	5056				
30	1321040095	Nguyễn Ngọc	Hiệp	14/04/95	5057				
31	1421050402	Vũ Văn	Hiếu	09/08/96	5058				
32	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/95	5059				
33	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/97	5060				
34	1221070063	Nguyễn Đức	Huân	20/06/93	5061				
35	1221040383	Lê Mạnh	Hùng	04/10/94	5062				
36	1321080452	Lê Thị	Huyền	10/10/95	5063				
37	1221020332	Vũ Xong	Hỷ	22/04/94	5064				
38	1221070082	Âu Dương	Kiên	02/08/94	5065				
39	1221010203	Đàm Tuấn	Linh	16/12/94	5066				
40	1321060168	Bùi Văn	Long	22/08/95	5067				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050123	Vũ Đức	Long	20/01/95	5068				
42	1321040522	Vũ Văn	Long	15/01/95	5069				
43	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/94	5070				
44	1321040185	Trần Hoài	Nam	14/08/95	5071				
45	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/97	5072				
46	1221030388	Đinh Sơn	Quân	06/12/94	5073				
47	1521010304	Phan Minh	Quân	04/10/97	5074				
48	1321040230	Lô Quang	Sơn	08/10/95	5075				
49	1321080505	Nguyễn Đăng	Sơn	08/04/94	5076				
50	1321060254	Nguyễn Thanh	Tâm	03/01/95	5077				
51	1221060404	Nguyễn Thanh	Thái	26/04/94	5078				
52	1221040230	Trương Việt	Thanh	16/03/94	5079				
53	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/96	5080				
54	1421030192	Nguyễn Thị ái	Thị	29/11/96	5081				
55	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/97	5082				
56	1221040249	Vũ Văn	Thiện	09/02/94	5083				
57	1521050155	Nguyễn Đức	Thịnh	07/09/97	5084				
58	1321060624	Trần Văn	Thoại	29/11/95	5085				
59	1221020150	Đỗ Văn	Thụ	13/04/94	5086				
60	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/96	5087				
61	1521010300	Hoàng Văn	Tú	26/11/97	5088				
62	1221040291	Nguyễn Bá	Tuân	18/11/94	5089				
63	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/95	5090				
64	1221040306	Trương Tiến	Tùng	05/07/94	5091				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/97	5092				
2	1421030005	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/94	5093				
3	1221040009	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/94	5094				
4	1421050269	Phan Thị	Anh	21/06/96	5095				
5	1421030007	Phan Vũ Hà	Anh	09/01/96	5096				
6	1321030416	Phương Tuấn	Anh	30/10/95	5097				
7	1321060019	Phạm Xuân	Bách	02/01/94	5098				
8	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/96	5099				
9	1421010034	Lê Thành	Chinh	08/06/96	5100				
10	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/94	5101				
11	1321020030	Trần Văn	Chương	18/11/95	5102				
12	1221010050	Hoàng Đức	Cương	06/11/93	5103				
13	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/95	5104				
14	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/95	5105				
15	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/96	5106				
16	1521020052	Dương Công	Đang	29/04/97	5107				
17	1321040461	Nguyễn Quốc	Đạt	28/10/94	5108				
18	1411040014	Trần Trọng	Đạt	30/03/96	5109				
19	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/97	5110				
20	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/96	5111				
21	1321070490	Hoàng Chiến	Hào	16/09/94	5112				
22	1321060117	Bùi Thanh	Hiếu	07/09/94	5113				
23	1221020315	Phạm Văn	Hiếu	24/07/93	5114				
24	1321050091	Nguyễn Văn	Huy	20/04/95	5115				
25	1321080042	Lê Thị	Huyền	19/05/95	5116				
26	1321050096	Hoàng Công	Huỳnh	18/07/95	5117				
27	1221040114	Hà Đức	Hưng	05/11/94	5118				
28	1321080458	Nguyễn Hải	Hưng	08/09/95	5119				
29	1221010164	Nguyễn Trọng	Hưng	23/08/94	5120				
30	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	5121				
31	1221010183	Nguyễn Hoàn	Kiểm	19/03/94	5122				
32	1311030073	Trần Thanh	Long	13/12/95	5123				
33	1411040040	Vùi Thị	Mai	23/09/95	5124				
34	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/95	5125				
35	1411040042	Đào Hằng	Nga	01/02/96	5126				
36	1221040174	Trần Thị	Nga	22/05/94	5127				
37	1321030167	Trần Quốc	Ngọc	15/03/95	5128				
38	1321030175	Bạch Hồng	Phi	05/06/95	5129				
39	1321070621	Nguyễn Tiến	Phúc	19/10/95	5130				
40	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/95	5131				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/94	5132				
42	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/96	5133				
43	1221050089	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	09/04/94	5134				
44	1221040207	Vì Minh	Sáng	24/10/94	5135				
45	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/95	5136				
46	1221060111	Chu Đình	Sơn	05/05/94	5137				
47	1421030168	Phạm Xuân	Sơn	07/04/96	5138				
48	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/95	5139				
49	1521030448	Vũ Phương	Thảo	02/01/97	5140				
50	1521050225	Nguyễn Quang	Thạo	19/08/97	5141				
51	1521010303	Trần Toàn	Thắng	27/07/97	5142				
52	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/97	5143				
53	1221040256	Lê Thị	Thùy	29/11/94	5144				
54	1521019008	Nông Văn	Thuyết	28/11/95	5145				
55	1321060641	Trương Quốc	Toàn	04/08/94	5146				
56	1321080528	Vũ Thảo	Trang	19/02/95	5147				
57	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/95	5148				
58	1321080536	Đỗ Anh	Tú	21/12/95	5149				
59	1521010197	Dương Anh	Tuấn	08/09/97	5150				
60	1521020004	Phí Văn	Tuấn	11/11/97	5151				
61	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/97	5152				
62	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/95	5153				
63	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/96	5154				
64	1411050089	Vũ Văn	Vinh	12/03/96	5155				
65	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/96	5156				
66	1221040325	Lê Hải	Yến	20/09/94	5157				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080401	Bùi Thị Trang	Anh	04/12/95	5158				
2	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/97	5159				
3	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	5160				
4	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/97	5161				
5	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/97	5162				
6	1521030055	Nguyễn Tuấn	Anh	09/05/95	5163				
7	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/05/97	5164				
8	1321010019	Phạm Việt	Anh	29/06/95	5165				
9	1421080500	Tạ Vũ Việt	Anh	06/12/96	5166				
10	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/97	5167				
11	1224010021	Nguyễn Đức	Bình	24/05/94	5168				
12	1521020144	Nguyễn Văn	Chiến	28/01/96	5169				
13	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/97	5170				
14	1221040027	Phương Quang	Chung	18/12/93	5171				
15	1421030018	Tổng Văn	Chung	10/11/96	5172				
16	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/89	5173				
17	1221030017	Lê Việt	Cường	07/08/94	5174				
18	1521080335	Phạm Ngọc	Cường	24/04/97	5175				
19	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/96	5176				
20	1521020010	Bùi Việt	Dũng	26/08/97	5177				
21	1321020459	Trần Tiến	Dũng	14/05/95	5178				
22	1521060303	Trần Văn	Duyệt	28/05/97	5179				
23	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/97	5180				
24	1321040058	Hoàng Văn	Đàm	06/07/95	5181				
25	1521040090	Phạm Quốc	Đạt	18/01/96	5182				
26	1321010103	Tạ Văn	Diệp	21/11/95	5183				
27	1321020494	Nguyễn Văn	Đồng	07/06/94	5184				
28	1521010334	Trần Minh	Đức	22/09/97	5185				
29	0964040088	Đỗ Văn	Giáp	18/06/91	5186				
30	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/97	5187				
31	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/97	5188				
32	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/95	5189				
33	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/96	5190				
34	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/94	5191				
35	1221030053	Nguyễn Văn	Hậu	25/02/94	5192				
36	1521030410	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/96	5193				
37	1521050275	Phạm Mạnh	Hiếu	25/10/97	5194				
38	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/97	5195				
39	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/97	5196				
40	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/97	5197				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040014	Nguyễn Minh	Hoàng	26/10/97	5198				
42	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/94	5199				
43	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/96	5200				
44	1521030052	Phạm Quốc	Hoạt	23/05/96	5201				
45	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/97	5202				
46	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/95	5203				
47	1421060127	Lưu Quang	Hùng	07/06/96	5204				
48	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/97	5205				
49	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/95	5206				
50	1521080026	Nguyễn Quang	Huy	28/06/94	5207				
51	1521060030	Nguyễn Huy	Khương	03/06/97	5208				
52	1421030112	Phí Ngọc	Kiểm	22/03/95	5209				
53	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/97	5210				
54	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/97	5211				
55	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/97	5212				
56	1421060154	Phạm Tùng	Lâm	13/02/96	5213				
57	1221010201	Bùi Đức	Liên	19/03/94	5214				
58	1521010172	Phạm Văn	Linh	29/09/97	5215				
59	1421080270	Trần Tú	Linh	03/06/96	5216				
60	1221050283	Trương Công	Linh	24/04/93	5217				
61	1521080063	Vũ Thùy	Linh	02/02/97	5218				
62	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/97	5219				
63	1321060170	Nguyễn Thế	Long	07/05/95	5220				
64	1321080474	Phạm Công	Long	21/12/95	5221				
65	1321060172	Trần Văn	Lợi	15/08/95	5222				
66	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/97	5223				
67	1521080199	Nguyễn Thị	Mai	02/08/97	5224				
68	1521010419	Đỗ Thị	Mến	06/10/97	5225				
69	1521020068	Hà Trung	Minh	06/07/97	5226				
70	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/97	5227				
71	1321060567	Nguyễn Hoài	Nam	28/04/95	5228				
72	1521040076	Nguyễn Anh	Nghĩa	08/07/97	5229				
73	1321070138	Nguyễn Văn	Ngọc	27/04/95	5230				
74	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/95	5231				
75	1221020104	Phan Cao	Nguyên	03/03/94	5232				
76	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/97	5233				
77	1521010240	Lê Văn	Nhật	25/06/96	5234				
78	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/97	5235				
79	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/97	5236				
80	1311040085	Nguyễn Công	Phú	11/10/95	5237				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221020424	Lê Văn	Phúc	28/03/94	5238				
82	1311030093	Nguyễn Văn	Phường	21/01/94	5239				
83	1521050124	Trần Tuấn	Quang	24/02/97	5240				
84	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/97	5241				
85	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/97	5242				
86	1221030389	Nguyễn Việt	Quân	03/12/94	5243				
87	1421020521	Vũ Hồng	Quân	08/11/95	5244				
88	1521020093	Vũ Hồng	Quân	06/11/97	5245				
89	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/97	5246				
90	1511020004	Nguyễn Bắc	Sang	10/03/96	5247				
91	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/97	5248				
92	1121040407	Nguyễn Đức	Sơn	01/04/93	5249				
93	1521080029	Nguyễn Trần	Sơn	12/02/97	5250				
94	1521080236	Phạm Văn	Sơn	14/08/96	5251				
95	1321060598	Đoàn Tuấn	Tài	26/10/95	5252				
96	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/94	5253				
97	1221070142	Trần Ngọc	Thanh	13/10/94	5254				
98	1221040231	Đoàn Trung	Thành	10/06/94	5255				
99	1321031005	Trương Minh	Thắng	18/09/94	5256				
100	1311040106	Vũ Văn	Thắng	01/08/94	5257				
101	1521010022	Lê Đức	Thiện	13/09/97	5258				
102	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/97	5259				
103	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/97	5260				
104	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/97	5261				
105	1521020044	Chu Khắc	Tiếp	01/06/97	5262				
106	1521010393	Đinh Trọng	Tín	05/05/97	5263				
107	1311040120	Phan Văn	Tĩnh	25/06/95	5264				
108	1321060316	Vũ Văn	Toàn	21/07/94	5265				
109	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/97	5266				
110	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/97	5267				
111	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/97	5268				
112	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/97	5269				
113	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	04/02/97	5270				
114	1421050219	Nguyễn Lam	Trường	16/11/96	5271				
115	1521040089	Đỗ Quốc	Trường	13/12/97	5272				
116	1521010370	Hoàng Anh	Tuấn	30/08/97	5273				
117	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/96	5274				
118	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/97	5275				
119	1421060299	Vũ Minh	Tuấn	02/11/95	5276				
120	1521080281	Lưu Thanh	Tùng	16/05/97	5277				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/97	5278				
122	1321010413	Hà Thị	Uyên	10/09/95	5279				
123	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/97	5280				
124	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/97	5281				
125	1521010080	Phạm Quốc	Việt	03/01/97	5282				
126	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/97	5283				
127	1421040349	Phạm Khắc	Vững	07/05/96	5284				
128	1311030161	Đào Trọng	Vương	19/05/95	5285				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010014	Nguyễn Đình	Anh	18/12/94	5286				
2	1521020050	Nguyễn Thế	Anh	22/06/97	5287				
3	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/97	5288				
4	1521060069	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/97	5289				
5	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/97	5290				
6	1521060128	Lê Xuân	Bồng	03/04/97	5291				
7	1521060304	Nguyễn Xuân	Chính	10/06/97	5292				
8	1221060014	Vũ Minh	Chính	14/09/94	5293				
9	1511030002	Nghiêm Đỗ	Chung	26/01/97	5294				
10	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/95	5295				
11	1221020015	Vũ Văn	Chương	20/03/94	5296				
12	1321010043	Lê Thế	Công	20/05/94	5297				
13	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/95	5298				
14	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/97	5299				
15	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/96	5300				
16	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/96	5301				
17	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/97	5302				
18	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/97	5303				
19	1121011012	Nguyễn Minh	Dương	02/11/93	5304				
20	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/97	5305				
21	1521010314	Thái Bình	Dương	29/01/97	5306				
22	1311040032	Phạm Tiến	Đạt	21/10/93	5307				
23	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/97	5308				
24	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/96	5309				
25	1321060072	Nguyễn Đình	Diễn	26/12/94	5310				
26	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/97	5311				
27	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/96	5312				
28	1511060004	Nguyễn Viết	Đức	08/01/97	5313				
29	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/95	5314				
30	1121010100	Hoàng Trường	Giang	23/06/93	5315				
31	1521030018	Vũ Văn	Giáp	23/12/94	5316				
32	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/97	5317				
33	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/97	5318				
34	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/96	5319				
35	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/95	5320				
36	1221030049	Nguyễn Quý	Hạnh	08/01/94	5321				
37	1521030024	Trần Công	Hậu	10/04/97	5322				
38	1321080031	Trần Trung	Hiếu	16/09/95	5323				
39	1321020103	Vũ Nhật	Hoa	24/10/95	5324				
40	1321040492	Nguyễn Bá	Hoàng	29/04/95	5325				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221070060	Nguyễn Tiên	Hoàng	16/06/93	5326				
42	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/96	5327				
43	1121030295	Nguyễn Văn	Hợp	02/12/93	5328				
44	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/97	5329				
45	1421010142	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/96	5330				
46	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/97	5331				
47	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/97	5332				
48	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/97	5333				
49	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/97	5334				
50	1521020219	Đình Quang	Hưng	03/02/97	5335				
51	1511030008	Tạ Tuấn	Hưng	11/12/97	5336				
52	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/96	5337				
53	1221040125	Bùi Văn	Khánh	30/05/94	5338				
54	1521070023	Nguyễn Như Phương	Khánh	03/04/97	5339				
55	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/96	5340				
56	1511020003	Ngô Tùng	Lâm	01/02/97	5341				
57	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/95	5342				
58	1521060034	Nguyễn Bá	Linh	09/02/97	5343				
59	1221040149	Phạm Xuân	Linh	11/11/93	5344				
60	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/97	5345				
61	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/97	5346				
62	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/97	5347				
63	1521030091	Tiêu Hoàng	Mạnh	17/11/96	5348				
64	1521080356	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/06/97	5349				
65	1521030096	Đặng Thị Hồng	Ngát	16/11/97	5350				
66	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/94	5351				
67	1421010221	Lê Minh	Ngọc	14/05/96	5352				
68	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/97	5353				
69	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/97	5354				
70	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/97	5355				
71	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/97	5356				
72	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/97	5357				
73	1521020120	Vũ Hồng	Quân	09/06/97	5358				
74	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/97	5359				
75	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/96	5360				
76	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/94	5361				
77	1321040233	Nguyễn Hữu	Sơn	18/11/95	5362				
78	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/97	5363				
79	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/97	5364				
80	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/97	5365				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 04 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/10/2016 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221020137	Nguyễn Văn	Thanh	22/09/94	5366				
82	1521030074	Lã Hữu	Thành	11/11/97	5367				
83	1221020456	Lê Huy	Thành	26/03/93	5368				
84	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/96	5369				
85	1421030181	Đậu Xuân	Thảo	06/07/95	5370				
86	1521080070	Hoàng Phương	Thảo	08/09/97	5371				
87	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/97	5372				
88	1521080242	Trần Quyết	Thắng	09/11/97	5373				
89	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/97	5374				
90	1521010001	Đinh Đức	Thiện	20/02/97	5375				
91	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/95	5376				
92	1321030887	Đỗ Quyết	Tiến	29/10/95	5377				
93	1221060141	Nguyễn Văn	Tiến	04/06/94	5378				
94	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/97	5379				
95	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/97	5380				
96	1321010376	Lê Viết	Trọng	05/09/95	5381				
97	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/97	5382				
98	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/97	5383				
99	1521070042	Nguyễn Anh	Tú	15/12/97	5384				
100	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/97	5385				
101	1521060180	Phan Văn	Tuân	24/06/96	5386				
102	1411030070	Lê Anh	Tuấn	26/09/95	5387				
103	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/96	5388				
104	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/94	5389				
105	1421080419	Hoàng	Tùng	24/11/96	5390				
106	1221020174	Hoàng Xuân	Tùng	20/03/93	5391				
107	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/97	5392				
108	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/97	5393				
109	1221020490	Nguyễn Thanh	Tùng	09/02/94	5394				
110	1221040462	Phạm Mạnh	Tùng	27/06/94	5395				
111	1521020006	Vũ Hoàng	Tùng	01/11/97	5396				
112	1521080284	Bùi Hữu	Tuyên	20/10/97	5397				
113	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/96	5398				
114	1221020180	Hoàng Anh	Văn	17/03/94	5399				
115	1511030013	Nguyễn Đức	Việt	07/10/97	5400				
116	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/97	5401				
117	1521080290	Vũ Thị	Yên	14/01/97	5402				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080202 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 4

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1324010401	Bùi Tuấn	Anh	06/08/95	5403				
2	1421050004	Chu Mai	Anh	28/12/95	5404				
3	1321030403	Đồng Thị Lan	Anh	02/08/95	5405				
4	1321020818	Hứa Phương	Anh	27/12/95	5406				
5	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/95	5407				
6	1324010016	Nguyễn Tuấn	Anh	29/08/95	5408				
7	1421050285	Lữ Thị An	Bình	16/02/96	5409				
8	1324010428	Lại Văn	Chuyên	03/04/95	5410				
9	1524010376	Lê Quang	Cường	22/12/97	5411				
10	1324010045	Nguyễn Thị Kim	Dung	18/11/95	5412				
11	1324010054	Phan Thị	Duyên	13/06/95	5413				
12	1324010063	Trần Thị	Diệp	07/01/95	5414				
13	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/96	5415				
14	1324010096	Đỗ Thị	Hiền	06/10/95	5416				
15	1324010114	Mai Thị	Huế	10/12/95	5417				
16	1421040429	Mai Thanh	Huyền	29/06/96	5418				
17	1524010345	Vũ Lan	Hương	05/02/97	5419				
18	1324010135	Đào Thị	Hường	25/12/95	5420				
19	1324010550	Nguyễn Thị	Len	09/08/95	5421				
20	1324010145	Nguyễn Thị	Lệ	30/03/94	5422				
21	1321030682	Nguyễn Phương	Linh	18/10/94	5423				
22	1324010162	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/11/95	5424				
23	1324010163	Nguyễn Tuấn	Linh	23/06/95	5425				
24	1421080269	Trần Thị Mỹ	Linh	04/10/96	5426				
25	1321040156	Vũ Bảo	Linh	21/10/95	5427				
26	1324010168	Lưu Thị Như	Loan	05/04/95	5428				
27	1421030448	Nguyễn Phương	Mai	13/11/96	5429				
28	1421050122	Nguyễn Quỳnh	Mai	15/05/96	5430				
29	1421050124	Nguyễn Thị Sao	Mai	28/10/96	5431				
30	1321030730	Lê Thành	Nam	29/10/95	5432				
31	1421050137	Đoàn Thị	Nga	23/07/96	5433				
32	1321030737	Hoàng Thị	Nga	25/08/95	5434				
33	1324010590	Mâu Thị	Nga	01/10/95	5435				
34	1324010196	Vũ Thị	Nga	08/06/95	5436				
35	1324010601	Cao Thị Hồng	Ngọc	22/06/94	5437				
36	1324010604	Ngô Hồng	Ngọc	21/09/95	5438				
37	1324010222	Đỗ Thị	Phương	14/04/95	5439				
38	1324010225	Lương Thị	Phương	12/09/95	5440				
39	1424010156	Vũ Minh	Phương	09/12/96	5441				
40	1324010234	Vũ Thị Hà	Phương	11/10/95	5442				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4080202 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 4

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1324010240	Lê Anh	Quân	22/12/95	5443				
42	1324010243	Đỗ Thị	Quyên	25/12/95	5444				
43	1424010513	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/09/96	5445				
44	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/97	5446				
45	1324010258	Hoàng Thị	Thảo	04/02/94	5447				
46	1324010266	Vũ Thị Thạch	Thảo	31/10/94	5448				
47	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/97	5449				
48	1324010276	Trần Thị	Thơm	14/11/95	5450				
49	1324010281	Trần Thị Hồng	Thu	19/12/95	5451				
50	1424010186	Hoàng Đức	Thuận	28/11/96	5452				
51	1324010286	Đào Thị	Thủy	13/05/94	5453				
52	1324010289	Nguyễn Thị	Thủy	17/05/95	5454				
53	1434010034	Lê Thị Ngọc	Thủy	25/08/93	5455				
54	1321030881	Phạm Thị Ngọc	Thư	14/06/95	5456				
55	1421050203	Bùi Quang	Tiến	27/12/96	5457				
56	1221040270	Trần Đức	Toàn	20/05/90	5458				
57	1324010737	Trần Huyền	Trang	19/07/95	5459				
58	1424010600	Vũ Thị	Trâm	05/09/93	5460				
59	1421040552	Lý Anh	Tú	09/07/96	5461				
60	1421030597	Nguyễn Đình	Tú	10/02/96	5462				
61	1421030621	Trần Thanh	Tùng	23/06/93	5463				
62	1321020258	Phạm Thị Hải	Yên	23/02/95	5464				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090107 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060324	Bùi Văn	An	16/01/95	5465				
2	1321060002	Trần Văn	An	27/02/95	5466				
3	1321060006	Lê Tuấn	Anh	08/03/93	5467				
4	1321060405	Nguyễn Hồng Nhật	Anh	26/05/95	5468				
5	1321060008	Nguyễn Thế	Anh	08/10/92	5469				
6	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/94	5470				
7	1411060023	Dương Văn	Dũng	20/09/96	5471				
8	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/97	5472				
9	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/96	5473				
10	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/97	5474				
11	1221060243	Nguyễn Văn	Dừa	06/06/93	5475				
12	1411060031	Đặng Hùng	Dương	09/09/96	5476				
13	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/95	5477				
14	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/96	5478				
15	1121060033	Đỗ Tiến	Đạt	25/04/93	5479				
16	1421060567	Nguyễn Quý	Đạt	02/07/94	5480				
17	1321060074	Hoàng Trung	Đô	01/01/95	5481				
18	1121060200	Lê Văn	Đông	12/12/93	5482				
19	1221060206	Lữ Anh	Đức	22/12/94	5483				
20	1321060093	Lương Ngọc	Giang	22/03/95	5484				
21	1321060112	Phạm Thế	Hiền	30/03/95	5485				
22	1421060432	Nguyễn Văn	Hoạt	09/07/96	5486				
23	1321060130	Nguyễn Thị	Huế	20/07/94	5487				
24	1421060134	Trần Quốc	Huy	08/09/96	5488				
25	1411060089	Vũ	Khang	05/09/96	5489				
26	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/96	5490				
27	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/96	5491				
28	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/95	5492				
29	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/96	5493				
30	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/95	5494				
31	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/94	5495				
32	1421020478	Lê Trường	Nam	27/07/96	5496				
33	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/96	5497				
34	1421060202	Nguyễn Văn	Ninh	26/06/96	5498				
35	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/95	5499				
36	1221060385	Trần Ngọc	Quý	15/09/93	5500				
37	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/95	5501				
38	1221060110	Bùi Văn	Sơn	08/12/94	5502				
39	1221060389	Hoàng Ngọc	Sơn	22/01/94	5503				
40	1221060400	Trần Văn	Tài	12/05/94	5504				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090107 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: 8/9/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/95	5505				
42	1521060278	Đâu Xuân	Thịnh	16/04/97	5506				
43	1521060233	Nguyễn Tiến	Thọ	05/02/86	5507				
44	1121060296	Trần Văn	Thung	22/09/93	5508				
45	1221060140	Nguyễn Văn	Tiến	04/10/94	5509				
46	1321030889	Phạm Đức	Tiến	16/09/95	5510				
47	1221060455	Vũ Tiến	Toàn	29/10/94	5511				
48	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/95	5512				
49	1321060319	Phan Văn	Trung	21/11/95	5513				
50	1221060461	Nguyễn Đức	Trường	03/02/94	5514				
51	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/94	5515				
52	1421040348	Lê	Vũ	07/09/96	5516				
53	1321060351	Nguyễn Văn	Vượng	04/01/94	5517				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090126 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060326	Trần Văn	An	10/03/96	5518				
2	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/95	5519				
3	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/96	5520				
4	1421060017	Đặng Chí	Bảo	15/06/96	5521				
5	1321060025	Đỗ Duy	Bính	02/02/95	5522				
6	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/94	5523				
7	1221060243	Nguyễn Văn	Dứa	06/06/93	5524				
8	1321060449	Trương Đức	Đại	19/07/95	5525				
9	1321060094	Trần Trường	Giang	28/08/95	5526				
10	1321040478	Phạm Văn	Hà	31/01/95	5527				
11	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/95	5528				
12	1321060099	Nguyễn Huy	Hải	05/01/95	5529				
13	1321060111	Lê Ngọc	Hiền	02/09/95	5530				
14	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/95	5531				
15	1421060098	Đặng Ngọc	Hiệp	21/10/96	5532				
16	1321060116	Trần Bá	Hiệp	22/06/94	5533				
17	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/95	5534				
18	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/95	5535				
19	1421060116	Trần Xuân	Hoàng	28/12/95	5536				
20	1421060122	Bùi Văn	Huân	06/03/96	5537				
21	1221040104	Đinh Văn	Huân	17/11/93	5538				
22	1221040106	Hà Mạnh	Hùng	26/05/94	5539				
23	1121060058	Nguyễn Quốc	Hùng	22/10/93	5540				
24	1121060076	Nguyễn Xuân	Hưng	12/09/93	5541				
25	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/96	5542				
26	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/96	5543				
27	1411060098	Nông Trung	Kiên	06/08/96	5544				
28	1421030114	Nguyễn Đăng	Lãm	17/07/96	5545				
29	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/95	5546				
30	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/95	5547				
31	1321040171	Lại Tuấn	Mạnh	03/09/95	5548				
32	1321060188	Trần Khắc	Minh	06/12/95	5549				
33	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/96	5550				
34	1411060129	Nguyễn Văn	Phi	20/12/96	5551				
35	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/93	5552				
36	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/97	5553				
37	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/96	5554				
38	1421040578	Lê Thanh	Sơn	02/07/94	5555				
39	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/97	5556				
40	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/96	5557				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090126 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/92	5558				
42	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/96	5559				
43	1421040248	Nguyễn Thị	Thanh	23/08/96	5560				
44	1321040253	Đào Trọng	Thành	03/10/95	5561				
45	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/96	5562				
46	1321040263	Lê Đức	Thắng	22/06/94	5563				
47	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/96	5564				
48	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/97	5565				
49	1321060298	Đỗ Văn	Thuận	26/11/95	5566				
50	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/96	5567				
51	1321060304	Phạm Quang	Thức	21/12/95	5568				
52	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/96	5569				
53	1421040294	Lưu Ngọc	Toàn	07/11/96	5570				
54	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/94	5571				
55	1321060335	Phạm Công	Tuấn	03/08/95	5572				
56	1421040330	Đào Duy	Tùng	25/04/96	5573				
57	1421060307	Nguyễn Bá	Tuyên	10/02/93	5574				
58	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/96	5575				
59	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/94	5576				
60	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/95	5577				
61	1321060351	Nguyễn Văn	Vượng	04/01/94	5578				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090126 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: 8/10/2016

Phòng thi: HNAD203

Tiết bắt đầu: 10

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/96	5579				
2	1411060037	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/96	5580				
3	1411060212	Nguyễn Vũ	Điệt	16/10/96	5581				
4	1531040012	Trịnh Doãn	Hân	17/10/	5582				
5	1321060108	Nguyễn Quốc	Hậu	21/11/93	5583				
6	1411060080	Trần Mạnh	Hùng	22/08/96	5584				
7	0921060032	Nguyễn Hữu	Linh	18/07/91	5585				
8	1321040516	Trần Xuân	Linh	23/12/91	5586				
9	0921040073	Nguyễn Thành	Long	04/03/91	5587				
10	1321060178	Bùi Nhật	Lương	01/10/95	5588				
11	1411060125	Trần Anh	Nghĩa	03/04/96	5589				
12	1411060150	Trần Văn	Tâm	08/08/96	5590				
13	1321060316	Vũ Văn	Toàn	21/07/94	5591				
14	1531060038	Nguyễn Khánh	Trạch	12/04/93	5592				
15	1411060196	Phan Đình	Tuấn	16/02/96	5593				
16	1221060174	Hoàng Thanh	Tùng	15/05/94	5594				
17	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/94	5595				
18	1321060352	Võ Đình	Yên	24/01/95	5596				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090152 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vận hành hệ thống điện

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060017	Đặng Chí	Bảo	15/06/96	5597				
2	1321060426	Phạm Công	Chung	20/09/95	5598				
3	1221060226	Nguyễn Văn	Công	16/08/93	5599				
4	1321060031	Nguyễn Văn	Công	12/03/95	5600				
5	1221060229	Hoàng Trọng	Cường	06/09/94	5601				
6	1321060439	Cao Văn	Dũng	01/04/95	5602				
7	1321060061	Ngô Văn	Đại	10/06/94	5603				
8	1321060455	Phạm Thành	Đạt	11/12/92	5604				
9	1221060205	Dương Minh	Đức	04/12/92	5605				
10	1221060259	Bùi Minh	Hải	22/10/94	5606				
11	1221060042	Nguyễn Việt	Hải	20/07/94	5607				
12	1221060265	Phạm Văn	Hào	04/09/94	5608				
13	1321060109	Phan Thanh	Hậu	22/12/95	5609				
14	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/95	5610				
15	1221060278	Vũ Văn	Hiền	08/09/92	5611				
16	1221060285	Nguyễn Văn	Hiệp	15/09/93	5612				
17	1221060045	Trần Xuân	Hiệp	20/02/94	5613				
18	1321060482	Trương Văn	Hiệp	07/03/95	5614				
19	1221060047	Nguyễn Văn	Hiếu	16/03/94	5615				
20	1221060292	Phạm Xuân	Hiếu	10/08/94	5616				
21	1221060048	Bùi Thanh	Hiệu	03/12/94	5617				
22	1221060304	Đỗ Văn	Hoan	29/10/91	5618				
23	1221060053	Phạm Việt	Hoàng	31/08/94	5619				
24	1221060268	Nguyễn Đức	Hội	16/04/93	5620				
25	1421060122	Bùi Văn	Huân	06/03/96	5621				
26	1221060272	Mai Văn	Hùng	27/05/93	5622				
27	1321060523	Vũ Quang	Hưng	08/07/95	5623				
28	1321060155	Nguyễn Việt	Khang	06/12/94	5624				
29	1221060070	Trần Duy	Khánh	15/02/94	5625				
30	1221060321	Vũ Trung	Kiên	19/01/93	5626				
31	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/93	5627				
32	1321030680	Mai Ngọc	Linh	27/11/95	5628				
33	1321060169	Lê Hoàng	Long	03/06/95	5629				
34	1221060082	Tô Văn	Long	21/12/94	5630				
35	1221060343	Vũ Thành	Long	20/05/88	5631				
36	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/95	5632				
37	1321060205	Phạm Thiện	Ngọc	05/04/94	5633				
38	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/95	5634				
39	1421060529	Nguyễn Việt	Phương	05/07/96	5635				
40	1321060583	Trịnh Xuân	Phương	09/07/95	5636				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090152 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Vận hành hệ thống điện

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221060381	Ngô Thái	Quang	25/06/94	5637				
42	1321060245	Nguyễn Tiến	Sơn	04/11/95	5638				
43	1221060397	Vũ Ngọc	Sơn	04/07/94	5639				
44	1321060253	Lê Văn	Tâm	20/01/95	5640				
45	1221060404	Nguyễn Thanh	Thái	26/04/94	5641				
46	1221060119	Nguyễn Trần	Thanh	14/02/94	5642				
47	1221060408	Lưu Văn	Thành	15/08/94	5643				
48	1321030838	Trần Công	Thành	17/08/95	5644				
49	1221060412	Phan Phương	Thảo	20/12/94	5645				
50	1221060136	Nguyễn Đình	Thứ	29/11/94	5646				
51	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/95	5647				
52	1221060142	Nguyễn Văn	Tiến	13/06/94	5648				
53	1221060144	Trần Văn	Tĩnh	03/05/94	5649				
54	1221060468	Phạm Quốc	Trịnh	06/07/94	5650				
55	1221060157	Lê Đình	Trường	08/05/93	5651				
56	1221060450	Nguyễn Văn	Tú	13/05/94	5652				
57	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/95	5653				
58	1221060178	Phạm Khánh	Tuyền	25/10/94	5654				
59	1221060181	Vũ Quốc	Việt	18/10/93	5655				
60	1221060492	Nguyễn Tuấn	Vinh	23/03/94	5656				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/95	5657				
2	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/95	5658				
3	1321040026	Bùi Hoàng	Chung	01/02/95	5659				
4	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/94	5660				
5	1321060031	Nguyễn Văn	Công	12/03/95	5661				
6	1321040626	Nguyễn Mạnh	Cường	10/12/95	5662				
7	1221070024	Phạm Văn	Cường	03/06/93	5663				
8	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/95	5664				
9	1421040041	Nguyễn Văn	Duân	31/07/96	5665				
10	1321010069	Lê Xuân	Duân	16/11/95	5666				
11	1421060061	Ngô Minh	Dương	08/11/96	5667				
12	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/94	5668				
13	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/97	5669				
14	1411060037	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/96	5670				
15	1221060206	Lữ Anh	Đức	22/12/94	5671				
16	1421010100	Đặng Văn	Hào	05/10/96	5672				
17	1521060179	Nguyễn Thị	Hào	12/11/97	5673				
18	1521060088	Nguyễn Minh	Hiên	27/02/97	5674				
19	1321060117	Bùi Thanh	Hiếu	07/09/94	5675				
20	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/94	5676				
21	1221011032	Nguyễn Trung	Hiếu	18/02/94	5677				
22	1221060268	Nguyễn Đức	Hội	16/04/93	5678				
23	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/94	5679				
24	1321060523	Vũ Quang	Hưng	08/07/95	5680				
25	1221010171	Hoàng Cao	Khải	03/04/94	5681				
26	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/93	5682				
27	1221020371	Nguyễn Vũ	Long	23/08/94	5683				
28	1321010217	Trần	Long	23/11/95	5684				
29	1321040524	Dương Mạnh	Luân	13/06/94	5685				
30	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/94	5686				
31	1521060055	Phạm Thị	Mơ	04/07/97	5687				
32	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/95	5688				
33	1311060132	Nguyễn Xuân	Nam	03/02/93	5689				
34	1311060133	Vũ Nhật	Nam	28/09/94	5690				
35	1321010281	Lê Minh	Quang	12/10/95	5691				
36	1321060224	Phạm Duy	Quang	12/06/94	5692				
37	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/96	5693				
38	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/96	5694				
39	1311060151	Chu Ngọc	Quý	29/06/95	5695				
40	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/96	5696				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/12/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 2

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040224	Đoàn Trọng	Quỳnh	01/03/94	5697				
42	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/95	5698				
43	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/94	5699				
44	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/95	5700				
45	1321060260	Nguyễn Trọng	Thạch	04/09/94	5701				
46	1221040232	Hoàng Hữu	Thành	05/08/94	5702				
47	1221060410	Trần Đình	Thành	01/09/93	5703				
48	1121040248	Đặng Trọng	Thắng	31/05/93	5704				
49	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/95	5705				
50	1321010341	Lê Ngọc	Thịnh	21/09/94	5706				
51	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/97	5707				
52	1321040579	Đồng Văn	Tiến	28/04/94	5708				
53	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/95	5709				
54	1421040295	Trần Duy	Toàn	08/12/96	5710				
55	1321010365	Nguyễn Văn	Toàn	14/05/95	5711				
56	1221060457	Bùi Văn	Tráng	02/06/94	5712				
57	1421040303	Phạm Văn	Tráng	25/03/96	5713				
58	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/95	5714				
59	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	06/02/96	5715				
60	1221060161	Phạm Xuân	Trường	26/01/94	5716				
61	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/95	5717				
62	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/93	5718				
63	1221060177	Phạm Công	Tùng	13/08/94	5719				
64	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/93	5720				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050406	Đinh Tuấn	Anh	21/05/95	5721				
2	1221050006	Nguyễn Ngọc	Anh	10/10/94	5722				
3	1321060427	Phạm Lê	Công	21/12/95	5723				
4	1321060046	Cao Tiến	Dũng	23/03/95	5724				
5	1221040037	Đặng Minh	Duy	14/06/94	5725				
6	1221040048	Đỗ Trọng	Đại	12/10/94	5726				
7	1424010277	Hoàng Thị	Đào	21/01/96	5727				
8	1421030039	Bùi Tiến	Đạt	14/02/96	5728				
9	1321020477	Kiều Ngọc	Đạt	01/11/94	5729				
10	1421030044	Phạm Tiến	Đạt	14/01/96	5730				
11	1321030052	Đỗ Linh	Giang	19/09/95	5731				
12	1221050198	Trần Thị Thúy	Hà	15/01/94	5732				
13	1321030998	Nguyễn Hoàng	Hải	03/11/95	5733				
14	1221050209	Lưu Thị Bích	Hạnh	12/05/94	5734				
15	1221050210	Nguyễn Hồng	Hạnh	24/01/94	5735				
16	1221070051	Trần Bá	Hạnh	14/06/93	5736				
17	1424010304	Đỗ Thị	Hằng	09/01/96	5737				
18	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/95	5738				
19	1221050236	Nguyễn Thị	Hòa	22/06/94	5739				
20	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/96	5740				
21	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/95	5741				
22	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/96	5742				
23	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/93	5743				
24	1421030375	Nguyễn Phi	Hùng	23/09/96	5744				
25	1321040115	Nguyễn Trọng	Hùng	15/10/95	5745				
26	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/95	5746				
27	1221040374	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/04/94	5747				
28	1531020018	Phan Thị	Hường	22/10/	5748				
29	1321080047	Hoàng Cao	Khải	18/11/95	5749				
30	1421030409	Hứa Tiến	Khiêm	13/11/96	5750				
31	1221050273	Nguyễn Thị Tố	Liên	04/11/94	5751				
32	1421030118	Đoàn Văn	Linh	28/10/96	5752				
33	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/94	5753				
34	1221030555	Nguyễn Hoài	Nam	05/12/94	5754				
35	1421080086	Lương Thị	Nhung	14/09/96	5755				
36	1531020026	Phạm Thị	Nhung	25/01/	5756				
37	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/95	5757				
38	1321010285	Trần Văn	Quân	19/07/95	5758				
39	1221060108	Trần Thị	Quyên	26/11/94	5759				
40	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/08/96	5760				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221040213	Trần Thế	Sơn	24/02/94	5761				
42	1321040243	Nguyễn Ngọc	Tân	22/01/95	5762				
43	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/95	5763				
44	1424010526	Phạm Thị Mai	Thanh	26/11/96	5764				
45	1421030544	Đinh Tiến	Thành	19/08/96	5765				
46	1321030840	Vũ Văn	Thành	15/09/94	5766				
47	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/94	5767				
48	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/95	5768				
49	1421030562	Lê Thanh	Thiêm	08/07/96	5769				
50	1221050099	Đỗ Thị Thu	Thùy	03/08/94	5770				
51	1221030153	Nguyễn Thị	Thùy	20/08/94	5771				
52	1531020039	Nguyễn Thị	Thúy	10/10/	5772				
53	1424010600	Vũ Thị	Trâm	05/09/93	5773				
54	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/95	5774				
55	1321060656	Nguyễn Kim	Trưởng	17/09/94	5775				
56	1221070286	Hoàng Văn	Tú	13/07/93	5776				
57	1421070511	Lê Công	Tú	06/10/96	5777				
58	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/95	5778				
59	1421030624	Tô Bá	Tuyển	23/10/96	5779				
60	1221040313	Nguyễn Đình	Văn	14/03/94	5780				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

**DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)
NĂM HỌC 2015 - 2016**

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060400	Nguyễn Đình	An	15/05/94	5781				
2	1424010002	Đỗ Thị Vân	Anh	04/07/95	5782				
3	1221040007	Nguyễn Đức	Anh	15/01/94	5783				
4	1221050007	Nguyễn Thị Tâm	Anh	24/09/94	5784				
5	1221010016	Nguyễn Tuấn	Anh	26/04/94	5785				
6	1321050022	Lê Thạc	Chiến	08/05/95	5786				
7	1321050026	Phạm Văn	Chung	30/09/95	5787				
8	1221050179	Hoàng Thị Hồng	Diên	23/05/94	5788				
9	1321030474	Ngô Tuấn	Dũng	11/05/95	5789				
10	1321010079	Nguyễn Hữu	Dụng	23/09/95	5790				
11	1221040038	Hoàng Đức	Duy	13/11/94	5791				
12	1221040336	Nguyễn Viết	Đa	27/09/94	5792				
13	1421030041	Kiều Văn	Đạt	22/04/96	5793				
14	1321020062	Nguyễn Huy	Đạt	19/12/95	5794				
15	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/95	5795				
16	1321020480	Trần Quang	Đạt	18/09/95	5796				
17	1221040007L	Boldbaatar	Gal-Och	21/04/91	5797				
18	1121010114	Phạm Văn	Hải	10/10/93	5798				
19	1221050222	Vũ Đức	Hiên	06/09/93	5799				
20	1221040389	Nguyễn Văn	Hiệp	07/03/94	5800				
21	1321030084	Trần Văn	Hoàn	27/05/95	5801				
22	1321080448	Phan Huy	Hoàng	03/08/95	5802				
23	1321070534	Nguyễn Đắc	Huy	11/02/95	5803				
24	1421030390	Lê Thị	Huyền	09/02/95	5804				
25	1321030110	Tạ Duy	Khánh	22/04/94	5805				
26	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/93	5806				
27	1221010201	Bùi Đức	Liên	19/03/94	5807				
28	1424010094	Nguyễn Thị Bích	Liên	10/09/96	5808				
29	1424010104	Phạm Thị Thùy	Linh	04/08/95	5809				
30	1221040151	Vũ Thị	Loan	19/01/94	5810				
31	1221030100	Lê Thị	Luân	12/09/94	5811				
32	1321060178	Bùi Nhật	Lương	01/10/95	5812				
33	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/96	5813				
34	1221050309	Hoàng Thị	Mến	19/01/94	5814				
35	1221010232	Lương Đức	Minh	05/04/91	5815				
36	1321050131	Phạm Đức	Minh	11/02/95	5816				
37	1321080481	Đỗ Trà	My	08/04/95	5817				
38	1221010237	Bùi Văn	Nam	23/08/94	5818				
39	1221010242	Trần Ngọc	Nam	08/01/94	5819				
40	1221050336	Tô Thị Thảo	Nhung	05/08/94	5820				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040216	Bùi Tất	Quang	26/03/95	5821				
42	1221010284	Nguyễn Xuân	Quân	19/10/94	5822				
43	1224010242	Vũ Thanh	Sơn	27/09/94	5823				
44	1221040218	Lê Hồng Thái	Tâm	10/02/94	5824				
45	1221050368	Nguyễn Công	Tân	06/03/94	5825				
46	1221050098	Lê Văn	Thuần	13/09/94	5826				
47	1221040255	Đỗ Thị Thu	Thùy	01/01/94	5827				
48	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/95	5828				
49	1221060456	Tổng Văn	Toại	06/01/94	5829				
50	1221040272	Nguyễn Viết	Toán	05/09/94	5830				
51	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/94	5831				
52	1321080524	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/10/95	5832				
53	1321020235	Vũ Tiến	Trung	17/06/95	5833				
54	1221040292	Phạm Minh	Tuân	15/12/94	5834				
55	1321020788	Phạm Anh	Tuấn	25/10/94	5835				
56	1221050402	Dương Thanh	Tùng	26/06/94	5836				
57	1321010402	Đào Thanh	Tùng	20/02/95	5837				
58	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/95	5838				
59	1221060183	Đào Văn	Vương	29/09/92	5839				
60	1221060185	Nguyễn Văn	Vương	27/02/94	5840				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050405	Đặng Thị	Anh	15/02/95	5841				
2	1321060408	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/95	5842				
3	1221030238	Nguyễn Tuấn	Anh	24/10/93	5843				
4	1421060014	Vũ Hoàng	Anh	16/08/96	5844				
5	1321020015	Mai Thị Ngọc	ánh	25/05/94	5845				
6	1221030245	Nguyễn Danh	Bách	12/03/94	5846				
7	1221030244	Nguyễn Đình	Bách	16/04/94	5847				
8	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/95	5848				
9	1221030252	Nguyễn Thị	Bích	31/12/93	5849				
10	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/96	5850				
11	1221080095	Tạ Hùng	Cường	06/12/93	5851				
12	1324010445	Hà Thị Thùy	Dương	06/06/95	5852				
13	1221010089	Thân Văn	Đạt	11/05/94	5853				
14	1221040058	Nguyễn Viết	Đăng	10/06/94	5854				
15	1221040340	Lê Trung	Đức	02/10/94	5855				
16	1221070045	Ngô Thanh	Đức	16/08/94	5856				
17	1221030291	Hoàng Trọng	Hải	30/11/94	5857				
18	1424010037	Lưu Đức	Hải	01/12/96	5858				
19	1221030293	Nguyễn Hoàng	Hải	31/10/94	5859				
20	1221030045	Nguyễn Mạnh	Hải	12/05/94	5860				
21	1524010413	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	02/11/97	5861				
22	1321040090	Lê Thị	Hằng	27/03/94	5862				
23	1221030280	Nguyễn Thị	Hằng	21/07/94	5863				
24	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/95	5864				
25	1424010064	Đặng Thanh	Hùng	26/02/96	5865				
26	1221040383	Lê Mạnh	Hùng	04/10/94	5866				
27	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/93	5867				
28	1424010389	Lê Thị Thu	Hường	26/05/96	5868				
29	1121040141	Vũ Duy	Kha	21/09/93	5869				
30	1221070085	Đinh Tuấn	Kiệt	07/12/93	5870				
31	1321080050	Nguyễn Diệu	Linh	01/11/95	5871				
32	1321020138	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/95	5872				
33	1221030092	Vũ Khánh	Linh	05/10/94	5873				
34	1221030357	Phạm Khắc	Mẫn	13/12/94	5874				
35	1421030130	Nguyễn Thị	Mĩ	01/07/96	5875				
36	1321040182	Nguyễn Hoàng	Nam	10/08/95	5876				
37	1221020100	Nguyễn Thành	Nam	14/07/94	5877				
38	1221070246	Nguyễn Tiến	Nam	06/09/94	5878				
39	1321050638	Phong Thành	Nam	27/09/95	5879				
40	1321030159	Trần Thanh	Nam	17/07/95	5880				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050639	Trương Đức	Nam	27/08/95	5881				
42	1221060358	Phạm Văn	Nghiệp	02/10/94	5882				
43	1421030149	Trần Thị	Nhung	24/08/96	5883				
44	1221030121	Hoàng Thị	Phuong	30/11/94	5884				
45	1221030395	Lê Đình	Quý	28/01/93	5885				
46	1221030393	Hoàng Khắc	Quỳnh	09/02/94	5886				
47	1221010298	Nguyễn Minh	Son	27/11/94	5887				
48	1221020449	Tạ Đăng	Tâm	04/10/93	5888				
49	1221070143	Nguyễn Tiến	Thành	14/11/94	5889				
50	1321030840	Vũ Văn	Thành	15/09/94	5890				
51	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/94	5891				
52	1221030143	Nguyễn Mạnh	Thiện	19/10/94	5892				
53	1221070152	Nguyễn Việt	Tiến	10/11/94	5893				
54	1221030171	Phan Công	Trí	01/01/94	5894				
55	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/95	5895				
56	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/95	5896				
57	1321020787	Nguyễn Đăng	Tuấn	02/06/95	5897				
58	1221030184	Nguyễn Thanh	Tùng	04/12/93	5898				
59	1221070177	Lương Kỳ	Vinh	10/09/93	5899				
60	1221030197	Nguyễn Quốc	Vương	31/10/94	5900				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/96	5901				
2	1221020227	Hoàng Hùng	Anh	08/09/92	5902				
3	1321070007	Phạm Thế	Anh	14/04/95	5903				
4	1421030009	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/96	5904				
5	1321040441	Nguyễn Cảnh	Dinh	01/08/95	5905				
6	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/93	5906				
7	1321050049	Nguyễn Triều	Dương	21/08/95	5907				
8	1321020475	Đỗ Thành	Đạt	20/03/95	5908				
9	1221070034	Nguyễn Văn	Đạt	29/07/94	5909				
10	1321020489	Nguyễn Văn	Đô	25/09/93	5910				
11	1321030518	Cồ Như	Đức	30/06/92	5911				
12	1424010039	Cao Thị	Hào	30/09/96	5912				
13	1221040085	Đào Văn	Hiệp	02/04/94	5913				
14	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/95	5914				
15	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/95	5915				
16	1324010122	Nghiêm Thanh	Huyền	18/01/95	5916				
17	1321011053	Lê Văn	Khang	26/01/95	5917				
18	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/94	5918				
19	1221040139	Phạm Tuấn	Kiệt	20/08/94	5919				
20	1321030122	Lưu Đức	Linh	25/09/95	5920				
21	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/94	5921				
22	1221030349	Vũ Văn	Long	17/05/94	5922				
23	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/95	5923				
24	1221050275	Đinh Văn	Lợi	03/05/94	5924				
25	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/94	5925				
26	1221070096	Nguyễn Văn	Luân	05/03/93	5926				
27	1321020622	Phạm Thị Trà	Mai	19/01/95	5927				
28	1424010122	Trần Thị Tuyết	Mai	10/03/93	5928				
29	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/95	5929				
30	1221030115	Tạ Thị Thanh	Nhân	15/04/94	5930				
31	1221040187	Đặng Văn	Nhi	12/09/94	5931				
32	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/94	5932				
33	1221030398	Lê Văn	Sơn	13/02/94	5933				
34	1221070138	Dương Văn	Tài	10/01/93	5934				
35	1221020134	Nguyễn Văn	Tài	08/09/93	5935				
36	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/96	5936				
37	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/96	5937				
38	1321060272	Trần Ngọc	Thành	16/05/95	5938				
39	1424010181	Trần Thị Thu	Thảo	01/07/96	5939				
40	1421030186	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	15/11/96	5940				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 02 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040573	Phan Sang	Thu	20/02/95	5941				
42	1324010700	Trần Thị	Thu	04/10/95	5942				
43	1321050196	Tạ Ngọc	Thuần	16/01/95	5943				
44	1321040579	Đồng Văn	Tiến	28/04/94	5944				
45	1221030165	Trịnh Đình	Toàn	05/11/94	5945				
46	1324010730	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/09/95	5946				
47	1421080115	Nguyễn Tiến	Trọng	20/02/94	5947				
48	1221030471	Lê Quang	Trung	29/09/94	5948				
49	1221070162	Nguyễn Văn	Trưởng	25/03/94	5949				
50	1221020170	Đặng Quang	Tuấn	10/10/94	5950				
51	1221030181	Nguyễn Anh	Tuấn	16/09/94	5951				
52	1321050216	Lại Thanh	Tùng	10/11/95	5952				
53	1221040301	Nguyễn Hữu	Tùng	23/08/94	5953				
54	1221070170	Phạm Văn	Tùng	23/05/94	5954				
55	1221060488	Đoàn Trung	Tuyển	14/09/94	5955				
56	1221020178	Lê Đức	Tuyển	21/02/93	5956				
57	1221020183	Nguyễn Thế	Việt	29/12/94	5957				
58	1221040316	Phạm Đức	Việt	14/06/94	5958				
59	1321070212	Dương Trường	Xuân	09/09/95	5959				
60	1221030492	Đoàn Thị	Yến	02/02/94	5960				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ PHỤ LẦN 1 (HN)

NĂM HỌC 2015 - 2016

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 03 Tổ thi: 001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/8/2016

Phòng thi: HNAD202

Tiết bắt đầu:

8

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/95	5961				
2	1221020252	Vũ Văn	Chiều	08/02/93	5962				
3	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/89	5963				
4	1531040001	Nguyễn Thế	Cường	27/12/93	5964				
5	1321070037	Trần Đức	Duy	18/03/95	5965				
6	1531040008	Nguyễn Văn	Đảng	10/02/	5966				
7	1121040078	Dương Văn	Giang	07/12/93	5967				
8	1531040011	Trần Xuân	Hải	12/05/	5968				
9	1424010308	Phùng Thanh	Hằng	11/03/96	5969				
10	1221040089	Lưu Văn	Hiếu	16/06/94	5970				
11	1224010089	Nguyễn Đức	Hiếu	15/04/94	5971				
12	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/95	5972				
13	1321030630	Phạm Thị Thu	Huyền	05/08/95	5973				
14	1321040516	Trần Xuân	Linh	23/12/91	5974				
15	1321030126	Hoàng Kim	Long	07/12/94	5975				
16	0921040073	Nguyễn Thành	Long	04/03/91	5976				
17	1321050121	Nguyễn Văn	Long	04/10/95	5977				
18	1221020437	Vũ Kiến	Quốc	08/10/94	5978				
19	1531040026	Nguyễn Minh	Sáng	17/07/	5979				
20	1321030819	Mai Xuân	Tài	13/03/94	5980				
21	1221040236	Nguyễn Trung	Thành	16/09/94	5981				
22	1421070462	Nguyễn Văn	Thành	28/06/94	5982				
23	1321050744	Vũ Thị	Thường	19/09/95	5983				
24	1221030174	Nguyễn Đức	Trung	01/05/94	5984				
25	1221010372	Phạm Văn	Trung	22/07/94	5985				
26	1221030477	Nguyễn Hải	Tuấn	12/03/94	5986				
27	1221030450	Phạm Duy	Tùng	04/09/94	5987				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài: